

Số: **1 4 7 7**/XMHM-TCKT

Hoàng Mai, ngày **2 4** tháng **4** năm 2018

## CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Công ty: Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Mã chứng khoán: HOM

Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (02383) 866 170

Fax: (02383) 866 648

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng

2. Nội dung của thông tin công bố:

Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai xin công bố thông tin với nội dung sau: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2018 của Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai, thông qua một số nội dung sau:

- Thống nhất thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty;
- Thống nhất thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty;
- Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017;
- Thống nhất thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Thống nhất mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2018;
- Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017;
- Thống nhất thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017;
- Thống nhất thông qua tờ trình của Hội đồng quản trị về chủ trương tăng vốn điều lệ;
- Thống nhất thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017;
- Thống nhất thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018, chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán:
  - + Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam
  - + Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.



- Thống nhất chuẩn thuận kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 3 (2018-2023):

+ Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên            |
|-----|----------------------|
| 1.  | Ông Đinh Quang Dũng  |
| 2.  | Ông Nguyễn Quốc Việt |
| 3.  | Ông Trần Việt Hồng   |
| 4.  | Ông Lê Trung Kiên    |
| 5.  | Ông Trần Đức Danh    |

+ Ban Kiểm soát:

| STT | Họ và tên            |
|-----|----------------------|
| 1.  | Ông Nguyễn Văn Tuấn  |
| 2.  | Ông Cao Trọng Nghiên |
| 3.  | Ông Thái Huy Chương  |

Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

- 3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/4/2018 tại đường dẫn: <http://www.ximanghoangmai.vn>

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT.

**(\*) Tài liệu đính kèm:**

- Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ;
- Biên bản họp ĐHCĐ;
- Nội dung ĐHCĐ.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT  
KẾ TOÁN TRƯỞNG



Đào Thị Nga



**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Xi măng Hoàng Mai;*

*Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ngày 24/04/2018;*

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được tiến hành từ 08 giờ 40 phút đến 13 giờ 10 phút ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Đại hội có tổng số 53.187.135 cổ phần tham dự lúc khai mạc, tương ứng 76,8 % số cổ phần có quyền biểu quyết và đủ điều kiện tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.

Sau gần 05 giờ làm việc khẩn trương, liên tục, Đại hội đã tập trung nghe và thảo luận các nội dung trong các văn kiện chủ yếu của Đại hội và thống nhất:

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 2.** Thông qua Quy chế quản trị nội bộ Công ty theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 3.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017 với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 4.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội, một số chỉ tiêu chính như sau:

**4.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017**

| TT | Chỉ tiêu | ĐVT | Kỳ hoạt động<br>từ 01/01/2017<br>đến 31/12/2017 | Ghi chú |
|----|----------|-----|-------------------------------------------------|---------|
|----|----------|-----|-------------------------------------------------|---------|



|          |                                  |         |                  |
|----------|----------------------------------|---------|------------------|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>        |         |                  |
|          | - Clinker sản xuất               | Tấn     | 1.261.883        |
|          | - Xi măng sản xuất (tại nhà máy) | Tấn     | 1.358.158        |
| <b>2</b> | <b>Tổng sản lượng tiêu thụ</b>   | Tấn     | <b>1.589.849</b> |
|          | - Clinker tiêu thụ               | Tấn     | 195.794          |
|          | - Xi măng tiêu thụ               | Tấn     | 1.394.055        |
| <b>3</b> | <b>Doanh thu thuần</b>           | Tỷ đồng | <b>1.412</b>     |
| <b>4</b> | <b>Lợi nhuận trước thuế</b>      | Tỷ đồng | <b>6,13</b>      |
| <b>5</b> | <b>EBITDA</b>                    | Tỷ đồng | <b>149,2</b>     |
| <b>6</b> | <b>Nộp ngân sách</b>             | Tỷ đồng | <b>53,26</b>     |

#### 4.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018

- Sản lượng clinker sản xuất : 1.300.000 tấn;
- Sản lượng xi măng bột sản xuất : 1.600.000 tấn;
- Tổng sản lượng tiêu thụ : 1.670.000 tấn;
- Trong đó: + Xi măng : 1.600.000 tấn;
- + Clinker : 70.000 tấn;
- Doanh thu thuần : 1.501,9 tỷ đồng;
- Lợi nhuận trước thuế : 23,0 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế : 18,41 tỷ đồng;
- EBITDA : 182,4 tỷ đồng;
- Dự kiến mức chia cổ tức : 3% / năm;
- Chỉ tiêu phấn đấu tăng năng suất lao động :  $\geq 10\%$

**Điều 5.** Thông qua thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2017 và Kế hoạch chi trả 2018 theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Cụ thể kế hoạch chi trả năm 2018:

- Đối với ủy viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký công ty (kiêm nhiệm):

| STT | Chức danh                                                                        | Đơn vị tính      | Mức chi trả |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
| 1   | Chủ tịch HĐQT                                                                    | Đồng/người/tháng | 8.000.000   |
| 2   | Ủy viên HĐQT                                                                     | Đồng/người/tháng | 6.000.000   |
| 3   | Thành viên Ban kiểm soát,<br>Người phụ trách quản trị Công ty,<br>Thư ký Công ty | Đồng/người/tháng | 4.000.000   |

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty tương đương chức danh Trưởng đơn vị, ngạch lương 7 – Hệ thống thang bảng lương ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-XMLM-HĐQT ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017 theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100%

tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 7.** Thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2017 theo nội dung Tờ trình của Hội đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 8.** Thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị về chủ trương tăng vốn điều lệ và giao cho Hội đồng quản trị Công ty tính toán cân đối nhu cầu vốn, xây dựng phương án phát hành tăng vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội.

**Điều 9.** Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2017 với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

**Điều 10.** Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 theo nội dung Tờ trình của Ban kiểm soát với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội; Cụ thể:

Chấp thuận và ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty lựa chọn một trong các công ty kiểm toán sau thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018:

1. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
2. Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

**Điều 11.** Chuẩn thuận kết quả bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 3 (2018-2023) như sau:

**- Hội đồng quản trị:**

| STT | Họ và tên            | Số phiếu bầu | Tỷ lệ: Số phiếu bầu / Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%) |
|-----|----------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Trần Đức Danh    | 53.534.870   | 99,72%                                                      |
| 2   | Ông Đinh Quang Dũng  | 53.534.870   | 99,72%                                                      |
| 3   | Ông Trần Việt Hồng   | 53.534.870   | 99,72%                                                      |
| 4   | Ông Lê Trung Kiên    | 53.534.870   | 99,72%                                                      |
| 5   | Ông Nguyễn Quốc Việt | 53.534.870   | 99,72%                                                      |

**- Ban Kiểm soát:**

| STT | Họ và tên            | Số phiếu bầu | Tỷ lệ: Số phiếu bầu / Tổng số CP có quyền BQ tham dự ĐH (%) |
|-----|----------------------|--------------|-------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Thái Huy Chương  | 53.540.770   | 99,73%                                                      |
| 2   | Ông Cao Trọng Nghiên | 53.540.770   | 99,73%                                                      |
| 3   | Ông Nguyễn Văn Tuấn  | 53.540.770   | 99,73%                                                      |



**Điều 12.** Điều khoản thi hành.

1. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2018.

2. Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và toàn thể cổ đông của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai./.

**Nơi nhận:**

- UBCK Nhà nước (đề b/c);
- HĐQT, TGD Vicem (đề b/c);
- Thành viên HĐQT, BKS Công ty;
- BTV Đảng ủy, Ban TGD, Công đoàn Cty;
- Các cổ đông (thông qua website Cty);
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Các đơn vị trực thuộc Cty;
- Lưu: VT, HĐQT, HSDH.

**T.M ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Đinh Quang Dũng**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**  
**Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Mã CK: HOM**

**A. TÊN DOANH NGHIỆP: CÔNG TY CP XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

- Tên viết tắt: HOMAC; Mã chứng khoán: HOM

- Trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Mã số doanh nghiệp: 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 01/04/2008, thay đổi lần thứ 8 ngày 12/10/2017.

**B. THỜI GIAN BẮT ĐẦU 08 giờ 40' ngày 24/04/2018**

**C. ĐỊA ĐIỂM: Tại Hội trường lớn Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai - Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An**

**D. THÀNH PHẦN THAM DỰ:**

Thành phần tham dự Đại hội là các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và Đại biểu khách mời:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng, đại diện Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam – Đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 cho Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Công ty; Ban Thường vụ Đảng ủy, Chủ tịch - Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư - Phó Bí thư Đoàn thanh niên, Trưởng - Phó Ban Nữ công, Chủ tịch Hội CCB, Trưởng Ban Thanh tra nhân dân Công ty; Giám đốc - Phó Giám đốc các XN, Trưởng - Phó các đơn vị trong Công ty; Trưởng ca, Đội trưởng, Trạm trưởng, Tổ trưởng thuộc các đơn vị trong Công ty.

**E. NỘI DUNG VÀ DIỄN BIẾN CỦA ĐẠI HỘI:**

**I. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố Đại hội đủ điều kiện tiến hành.**

Ông Nguyễn Văn Tuấn – Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo tại Đại hội kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, tại thời điểm khai mạc (08h40 phút), Đại hội đủ điều kiện tiến hành theo quy định của Pháp luật hiện hành với cơ cấu cổ đông như sau:

- Đại hội có tổng số 53.187.135 cổ phần tham dự, tương ứng 76,8 % cổ phần có quyền biểu quyết, trong đó:



+ Tổng số cổ phần tham dự trực tiếp là: 51.360.800 cổ phần, tương ứng 74,2% cổ phần có quyền biểu quyết;

+ Tổng số cổ phần tham dự thông qua ủy quyền là: 1.826.335 cổ phần, tương ứng 2,6 % cổ phần có quyền biểu quyết.

- Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai với tỷ lệ tham dự như trên là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện để tiến hành.

## **II. Khai mạc và nghi lễ tiến hành Đại hội:**

- Đại hội tiến hành làm lễ chào cờ.

- Ông Lê Quý Thạch, thay mặt Ban Tổ chức:

+ Tuyên bố lý do khai mạc Đại hội;

+ Giới thiệu Đại biểu và thành phần tham dự Đại hội;

+ Giới thiệu các thành viên tham gia Đoàn chủ tịch điều hành Đại hội, gồm:

- 1) Ông Đinh Quang Dũng, Chủ tịch HĐQT Công ty – Chủ tọa;
- 2) Ông Nguyễn Quốc Việt, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty;
- 3) Ông Trần Việt Hồng – Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty;
- 4) Ông Đậu Phi Tuấn – Ủy viên HĐQT, TP. Kế hoạch - Chiến lược;
- 5) Ông Lê Trung Kiên – Ủy viên HĐQT, Quản đốc xưởng Khai thác;
- 6) Ông Trần Đức Danh – Ủy viên HĐQT Công ty.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Đoàn chủ tịch với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Tiếp theo ông Lê Quý Thạch giới thiệu các thành viên Ban Thư ký, gồm:

- 1) Ông Mai Văn Dũng, Trưởng phòng Tổ chức & NNL – Trưởng Ban;
- 2) Bà Đậu Thị Nga, Kế toán trưởng Công ty – Thành viên.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban Thư ký với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Ông Lê Quý Thạch thay mặt Ban Tổ chức mời Đoàn Chủ tịch lên điều hành Đại hội và Ban Thư ký lên làm việc.

## **III. Thông qua Chương trình nghị sự của Đại hội, các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội, danh sách Ban Bầu cử và kiểm phiếu của Đại hội.**

Ông Đinh Quang Dũng thay mặt Đoàn chủ tịch trình bày các nội dung:

- Chương trình nghị sự của Đại hội;

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.



- Các nội dung xin ý kiến biểu quyết tại Đại hội;

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Thông qua danh sách Ban Bầu cử và kiểm phiếu, gồm:

- 1) Ông Nguyễn Trọng Đồng, PQĐ Xưởng Khai thác - Trưởng ban;
- 2) Ông Nguyễn Quốc Đạt, Phó phòng KHCL - Thành viên;
- 3) Bà Thái Thị Thu Hương, NV phòng Tổ chức & NNL - Thành viên;
- 4) Và các thành viên giúp việc cho Ban Bầu cử và kiểm phiếu.

Đại hội biểu quyết thông qua nội dung trên với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

#### **IV. Thông qua Quy chế làm việc của Đại hội**

- Ông Đậu Phi Tuấn thay mặt Đoàn Chủ tịch trình bày Quy chế làm việc của Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với số cổ phần đồng ý là 53.187.135 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

#### **V. Nội dung chính của Đại hội:**

**1. Báo cáo thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.**

1.1. Ông Mai Văn Dũng – Trưởng phòng Tổ chức & Nguồn nhân lực Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, được sự ủy quyền của Đoàn Chủ tịch trình bày Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty (các Tờ trình được kèm theo tài liệu họp của Đại hội).

1.2. Thảo luận và biểu quyết thông qua dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và dự thảo sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Ý kiến của cổ đông Nguyễn Hữu Huynh:

Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty là 02 văn bản quan trọng của Công ty. Vậy bản Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi và Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi do Hội đồng quản trị Công ty xây dựng đã bám sát theo quy định của pháp luật chưa? Thời hạn ghi trong Điều lệ là ngày làm việc hay ngày liên tục ghi theo lịch, theo ý kiến của cổ đông nên quy định thời gian trong Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty là thời gian không bao gồm ngày nghỉ (chỉ tính theo ngày làm việc)?

- Ông Đinh Quang Dũng thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội đã trả lời ý kiến của Cổ đông Nguyễn Hữu Huynh:

+ Thứ nhất, Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi và Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi do Hội đồng quản trị Công ty xây dựng đã bám sát theo quy định của pháp luật, như: Luật Chứng khoán năm 2006, Luật Chứng khoán sửa đổi năm 2010; Luật Doanh nghiệp năm 2014, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư số 95/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

+ Thứ hai, trong Điều lệ mẫu và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty dành cho Công ty Cổ phần ban hành kèm theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng không ghi rõ là ngày làm việc hay ngày liên tục theo lịch (trừ Điều 55, Điều lệ Công ty về giải quyết tranh chấp nội bộ) nên thời gian ghi trong Dự thảo Điều lệ Công ty sửa đổi và Dự thảo Quy chế nội bộ được hiểu là ngày liên tục theo lịch kể cả ngày làm việc và ngày nghỉ, tính từ thời điểm phát sinh thông tin.

- Đại hội biểu quyết thông qua Điều lệ Công ty sửa đổi với số cổ phần đồng ý là 53.684.843 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi với số cổ phần đồng ý là 53.684.843 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

## 2. Đại hội nghe các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

Đoàn Chủ tịch đã điều hành Đại hội, báo cáo trước Đại hội trình tự nội dung các Báo cáo và Tờ trình, cụ thể như sau:

2.1. Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.

2.2. Ông Nguyễn Quốc Việt – UV. HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty (Báo cáo chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

- Về kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính trong năm 2017 như sau:

| TT       | Chỉ tiêu                         | ĐVT | Kỳ hoạt động từ 01/01/2017 đến 31/12/2017 | Ghi chú |
|----------|----------------------------------|-----|-------------------------------------------|---------|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>        |     |                                           |         |
|          | - Clinker sản xuất               | Tấn | 1.261.883                                 |         |
|          | - Xi măng sản xuất (tại nhà máy) | Tấn | 1.358.158                                 |         |
| <b>2</b> | <b>Tổng sản lượng tiêu thụ</b>   | Tấn | <b>1.589.849</b>                          |         |
|          | - Clinker tiêu thụ               | Tấn | 195.794                                   |         |
|          | - Xi măng tiêu thụ               | Tấn | 1.394.055                                 |         |

|   |                             |         |              |
|---|-----------------------------|---------|--------------|
| 3 | <b>Doanh thu thuần</b>      | Tỷ đồng | <b>1.412</b> |
| 4 | <b>Lợi nhuận trước thuế</b> | Tỷ đồng | <b>6,13</b>  |
| 5 | <b>EBITDA</b>               | Tỷ đồng | <b>149,2</b> |
| 6 | <b>Nộp ngân sách</b>        | Tỷ đồng | <b>53,26</b> |

- Về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018, Công ty phấn đấu hoàn thành một số chỉ tiêu chính như sau:

- + Sản lượng clinker sản xuất : 1.300.000 tấn;
- + Sản lượng xi măng bột sản xuất : 1.600.000 tấn;
- + Tổng sản lượng tiêu thụ : 1.670.000 tấn;
- Trong đó: Xi măng : 1.600.000 tấn;
- Clinker : 70.000 tấn;
- + Doanh thu thuần : 1.501,9 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận trước thuế : 23,0 tỷ đồng;
- + Lợi nhuận sau thuế : 18,41 tỷ đồng;
- + EBITDA : 182,4 tỷ đồng;
- + Dự kiến mức chia cổ tức : 3% / năm;
- + Chỉ tiêu phấn đấu tăng năng suất lao động :  $\geq 10\%$

2.3. Ông Lê Trung Kiên – UV. HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2017 và kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2018 (Tờ trình chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

2.4. Bà Đậu Thị Nga – Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai, được sự ủy quyền của Đoàn chủ tịch trình bày Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán; Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, mức trả cổ tức năm 2017 và Tờ trình chủ trương tăng vốn điều lệ (Báo cáo, tờ trình chi tiết đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

2.5. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh – Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017 và Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 (Chi tiết Báo cáo, Tờ trình đính kèm tài liệu họp của Đại hội).

### **3. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023**

3.1. Ông Đậu Phi Tuấn – UV. HĐQT Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trình bày lý do bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 (Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2 đã hết nhiệm kỳ); thông qua Quy chế và hướng dẫn bầu cử, hướng dẫn sử dụng phiếu bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới.

- Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 với số cổ phần đồng ý là 53.684.843 cổ phần, đạt 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

3.2. Ông Nguyễn Trọng Đồng - Trưởng ban bầu cử báo cáo tổng hợp danh sách đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018-2023), cụ thể như sau:

- Danh sách đề cử ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023, gồm:

- 1) Ông Trần Đức Danh, Giám đốc Công ty TNHH Trường An;
- 2) Ông Đinh Quang Dũng, Phó TGD Tổng công ty CN XM Việt Nam;
- 3) Ông Trần Việt Hồng, Phó TGD Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;
- 4) Ông Lê Trung Kiên, Quản đốc xưởng Khai thác Cty Vicem Hoàng Mai;
- 5) Ông Nguyễn Quốc Việt, TGD Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

- Danh sách đề cử ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023, gồm:

1) Ông Thái Huy Chương, NV Thị trường, Xí nghiệp Tiêu thụ Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

2) Ông Cao Trọng Nghiên, NV nghiệp vụ, phòng KHCL Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai;

3) Ông Nguyễn Văn Tuấn, Kế toán Tổng hợp, phòng TCKT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

3.3. Đại hội biểu quyết thông qua danh sách các ứng viên bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023 như trên, với số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

3.4. Đại hội tiến hành bầu cử.

#### **4. Thảo luận và giải trình các ý kiến của các cổ đông**

Phần thảo luận của các cổ đông được thực hiện tiếp theo trong khi chờ Ban Bầu cử và kiểm phiếu làm việc, kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023.

#### **Thảo luận của các Cổ đông:**

1 Ý kiến thảo luận của cổ đông Nguyễn Hữu Huynh:

Cổ đông bày tỏ niềm vui khi được tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

-Đối với Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị: Cổ đông thống nhất với nội dung báo cáo, tự nhiên cổ đông muốn làm rõ vai trò của Tổng công ty trong việc thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với Báo cáo của Ban Giám đốc điều hành, cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị, cơ quan điều hành giải trình về việc không đạt các chỉ tiêu kế hoạch: sản xuất, tiêu thụ, trích lập các quỹ và cổ tức. Đồng thời cổ đông đề nghị xác định rõ trách nhiệm điều hành 02 thời điểm trong năm 2017.

- Đối với báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị, cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị giải trình lý do tăng mức thù lao năm 2018, theo ý kiến của cổ đông nên chia thù lao theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo cổ đông các chỉ tiêu kế hoạch đưa ra rất cao so với thực hiện năm 2017, đề nghị Ban điều hành có giải pháp để thực hiện các nội dung đã đề ra.

2. Sau khi xin ý kiến và chờ câu hỏi của các cổ đông khác, Ông Nguyễn Quốc Việt (UV HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty) thay mặt Đoàn chủ tịch trả lời cổ đông Nguyễn Hữu Huynh

- Về các chỉ tiêu không đạt kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra:

Sản lượng sản xuất Clinker năm 2017 không đạt kế hoạch do trong năm 2017 xảy ra sự cố nứt vành băng đa số 2. Đây là sự cố ngoài mong muốn và không thể lường trước được. Để giảm thiểu thiệt hại phải dừng lò, Công ty đã thực hiện hàn đắp. Trong năm 2017 và đặc biệt là những tháng cuối năm 2017, khối sản xuất đã cố gắng duy trì sản xuất hạn chế dừng lò. Đến tháng 03/2018 vành băng đa đã được thay thế.

Về Tiêu thụ sản phẩm năm 2017 không đạt kế hoạch Công ty đã giải trình trong Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đến thời điểm hiện nay Công ty vẫn duy trì 40% thị phần tiêu thụ tại Nghệ An (thị trường chính mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty).

Chỉ tiêu lợi nhuận không đạt kế hoạch dẫn đến Công ty không trích lập các quỹ và không chia cổ tức: Công ty đã giải trình trong các Báo cáo Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính năm 2017 trình Đại hội cổ đông.

- Về việc phân định trách nhiệm của Cơ quan điều hành: Hàng quý và vào cuối năm Công ty đã thực hiện việc kiểm điểm đối với thành viên Hội đồng quản trị, cơ quan điều hành. Việc phân định trách nhiệm của cơ quan điều hành không chỉ theo mốc thời gian như ý kiến của cổ đông. Có những chính sách tiêu thụ đã được xây dựng từ đầu năm nhưng đến cuối năm mới phát huy tác dụng hoặc ngược lại hiện nay Công ty vẫn đang phải giải quyết bài toán về tồn kho Clinker từ các năm trước.

- Về thù lao của Hội đồng quản trị: Đây là mức thù lao Công ty áp dụng từ năm 2008 đến nay. Mức thù lao của Hội đồng quản trị là mức chi phí đảm bảo cho



hoạt động tối thiểu của Hội đồng quản trị. Mặt khác theo Điều lệ Công ty đã trình Đại hội thông qua, số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ tới giảm 02 thành viên so với nhiệm kỳ trước do đó khối lượng công việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của các thành viên Hội đồng quản trị cao.

Tiếp theo, Ông Đinh Quang Dũng thay mặt đoàn chủ tịch xin ý kiến của cổ đông Nguyễn Hữu Huynh về nội dung giải trình của Ông Nguyễn Quốc Việt. Cổ đông Nguyễn Hữu Huynh đồng tình với giải trình nêu trên.

### 3. Ý kiến của cổ đông Đậu Đức Dĩnh.

Cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc điều hành để sản xuất kinh doanh năm 2018 có lợi nhuận cao hơn, thực hiện chia cổ tức cho cổ đông.

### 4. Ý kiến của cổ đông Nguyễn Thị Hải Yến

Cổ đông bày tỏ niềm vui mừng và cảm ơn đến Tổng Công ty về việc bổ nhiệm đồng chí Tổng Giám đốc mới là người sinh ra tại Nghệ An.

Cổ đông đề nghị Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất kinh doanh năm 2018 mang lại lợi nhuận cao để chia cổ tức cho cổ đông.

### 5. Cổ đông là đại diện Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình.

Cổ đông đề nghị ban lãnh đạo Công ty điều hành sản xuất kinh doanh có hiệu quả, lợi nhuận cao để chia cổ tức cho cổ đông từ 5% trở lên.

Cổ đông vốn là cổ đông chiến lược của Công ty nên cổ đông bày tỏ mong muốn Ban lãnh đạo Công ty phân chia thị trường tiêu thụ đảm bảo thị trường cho cổ đông hoạt động.

Tiếp theo, Ông Đinh Quang Dũng thay mặt đoàn chủ tịch trả lời các ý kiến của cổ đông Đậu Đức Dĩnh, cổ đông Nguyễn Thị Hải Yến, Cổ đông Vương Đình Bình (đại diện Doanh nghiệp tư nhân Thanh Bình).

Ông Đinh Quang Dũng cảm ơn sự đóng góp tâm huyết của các cổ đông cho Công ty. Đồng thời chỉ ra những tồn tại trong nội tại Công ty; tình hình cung cầu và những khó khăn về thị trường xi măng trên cả nước; các giải pháp Công ty sẽ thực hiện để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Ông Đinh Quang Dũng - Chủ tịch HĐQT Công ty và ông Nguyễn Quốc Việt - UV HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty đã thay mặt Đoàn chủ tịch lần lượt trả lời đầy đủ các ý kiến cổ đông nêu ra tại Đại hội cho đến khi các cổ đông không có ý kiến gì thêm.

## 5. Biểu quyết thông qua các nội dung Báo cáo, Tờ trình của Đại hội

Ngay sau phần thảo luận, Đại hội đã tiến hành biểu quyết. Tất cả các vấn đề biểu quyết đều được lấy ý kiến công khai bằng thẻ biểu quyết (thẻ biểu quyết được phát cho cổ đông ngay khi cổ đông đến đăng ký, làm thủ tục tham dự Đại hội).

**5.1. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị Công ty năm 2017.**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.2. Biểu quyết thông qua Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Công ty.**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.3. Biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018**

Đại hội đã biểu quyết thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2018 với các chỉ tiêu chính như sau:

|                                             |                    |
|---------------------------------------------|--------------------|
| + Sản lượng clinker sản xuất                | : 1.300.000 tấn;   |
| + Sản lượng xi măng bột sản xuất            | : 1.600.000 tấn;   |
| + Tổng sản lượng tiêu thụ                   | : 1.670.000 tấn;   |
| Trong đó: Xi măng                           | : 1.600.000 tấn;   |
| Clinker                                     | : 70.000 tấn;      |
| + Doanh thu thuần                           | : 1.501,9 tỷ đồng; |
| + Lợi nhuận trước thuế                      | : 23,0 tỷ đồng;    |
| + Lợi nhuận sau thuế                        | : 18,41 tỷ đồng;   |
| + EBITDA                                    | : 182,4 tỷ đồng;   |
| + Dự kiến mức chia cổ tức                   | : 3% / năm;        |
| + Chỉ tiêu phấn đấu tăng năng suất lao động | : $\geq 10\%$      |

Đại hội thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành căn cứ vào tình hình thực tế sản xuất kinh doanh, giá nguyên vật liệu đầu vào và tình hình thị trường để có giải pháp điều hành phù hợp, đảm bảo kế hoạch lợi nhuận đã đề ra với tổng số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.4. Biểu quyết thông qua thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS, Thư ký Công ty năm 2017, kế hoạch chi trả năm 2018.**

Thông qua thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2017 và Kế hoạch chi trả 2018 theo nội dung Tờ trình của Hội

đồng quản trị với 53.684.843 cổ phần tán thành, tương đương 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các Cổ đông tham dự và ủy quyền tại Đại hội;

Cụ thể kế hoạch chi trả năm 2018:

- Đối với ủy viên HĐQT, thành viên BKS, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký công ty (kiêm nhiệm):

| STT | Chức danh                                                       | Đơn vị tính      | Mức chi trả |
|-----|-----------------------------------------------------------------|------------------|-------------|
|     | Chủ tịch HĐQT                                                   | Đồng/người/tháng | 8.000.000   |
|     | Ủy viên HĐQT                                                    | Đồng/người/tháng | 6.000.000   |
|     | Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty, Thư ký Công ty | Đồng/người/tháng | 4.000.000   |

- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty tương đương chức danh Trưởng đơn vị, ngạch lương 7 – Hệ thống thang bảng lương ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

**5.5. Biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.6. Biểu quyết thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017.**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.7. Biểu quyết thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ Công ty**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.8. Biểu quyết thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017**

Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

**5.9. Biểu quyết thông qua Tờ trình đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018**



Số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.684.843 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

#### **6. Công bố kết quả bầu cử:**

Ông Nguyễn Trọng Đồng - Trưởng Ban bầu cử báo cáo kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2018-2023), cụ thể như sau:

##### **- Hội đồng quản trị:**

| STT | Họ và tên            | Số phiếu bầu | Tỷ lệ phiếu bầu / Tổng số CP có quyền BQ tại ĐH (%) |
|-----|----------------------|--------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Ông Trần Đức Danh    | 53.534.870   | 99,72%                                              |
| 2   | Ông Đinh Quang Dũng  | 53.534.870   | 99,72%                                              |
| 3   | Ông Trần Việt Hồng   | 53.534.870   | 99,72%                                              |
| 4   | Ông Lê Trung Kiên    | 53.534.870   | 99,72%                                              |
| 5   | Ông Nguyễn Quốc Việt | 53.534.870   | 99,72%                                              |

##### **- Ban Kiểm soát:**

| STT | Họ và tên            | Số phiếu bầu | Tỷ lệ phiếu bầu / Tổng số CP có quyền BQ tại ĐH (%) |
|-----|----------------------|--------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | Ông Thái Huy Chương  | 53.540.770   | 99,73%                                              |
| 2   | Ông Cao Trọng Nghiên | 53.540.770   | 99,73%                                              |
| 3   | Ông Nguyễn Văn Tuấn  | 53.540.770   | 99,73%                                              |

( Biên bản kiểm phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 kèm theo).

#### **7. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 ra mắt Đại hội.**

#### **8. Thông qua dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội**

- Ông Mai Văn Dũng thay mặt Ban Thư ký trình bày Dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.

- Ông Đinh Quang Dũng, thay mặt Đoàn Chủ tịch xin ý kiến biểu quyết thông qua nội dung Biên bản, Nghị quyết của Đại hội.

Đại hội thống nhất cao với số cổ phần biểu quyết tán thành là 53.502.143 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội; không tán thành là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%; có ý kiến khác là 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

## **VI. Bế mạc Đại hội**

Ông Đinh Quang Dũng thay mặt Đoàn chủ tịch tuyên bố bế mạc Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai kết thúc vào hồi 13 giờ 10 phút ngày 24/04/2018.

Biên bản Đại hội gồm 12 trang, đã được công khai cho toàn thể cổ đông dự họp và thống nhất uỷ quyền lại cho Chủ tọa và Ban Thư ký đại hội cùng ký tên.

### **ĐOÀN CHỦ TỊCH**

**Thành viên**



**Trần Việt Hồng**

**Thành viên**



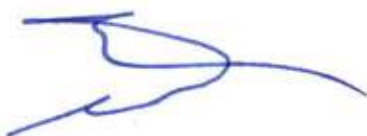
**Nguyễn Quốc Việt**

**Chủ Tọa**



**Đinh Quang Dũng**

**Thành viên**



**Trần Đức Danh**

**Thành viên**



**Đậu Phi Tuấn**

**Thành viên**



**Lê Trung Kiên**

### **BAN THƯ KÝ**

**Trưởng ban**



**Mai Văn Dũng**

**Thành viên**



**Đậu Thị Nga**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Điện thoại: 02383.866.170 - Fax: 02383.866.648



**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

(Được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên năm 2018,  
ngày 24 tháng 4 năm 2018)



Hoàng Mai, tháng 4 năm 2018

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>                                                                                   | <b>5</b>  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....                                                                                                              | 5         |
| <b>CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....</b> | <b>6</b>  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty 6                                              |           |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....                                                                                         | 7         |
| <b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY 8</b>                                                                     |           |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....                                                                                                   | 8         |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....                                                                                       | 8         |
| <b>Chương IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....</b>                                                                                  | <b>9</b>  |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....                                                                                            | 9         |
| Điều 7. Chứng nhận Cổ phiếu.....                                                                                                               | 9         |
| Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....                                                                                                        | 10        |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....                                                                                                             | 10        |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần.....                                                                                                                  | 10        |
| <b>Chương V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>                                                                                    | <b>11</b> |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty .....                                                                                                  | 11        |
| <b>Chương VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG .....</b>                                                                                        | <b>11</b> |
| Điều 12. Quyền của cổ đông.....                                                                                                                | 11        |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....                                                                                                             | 12        |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                                            | 13        |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                      | 14        |
| Điều 16. Đại diện theo ủy quyền.....                                                                                                           | 15        |
| Điều 17. Thay đổi các quyền .....                                                                                                              | 16        |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                           | 17        |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                | 18        |
| Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                           | 19        |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                   | 21        |
| Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....                          | 21        |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                                                                | 23        |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                              | 24        |
| <b>Chương VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>                                                                                                      | <b>25</b> |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....                                                                                       | 25        |
| Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....                                                       | 26        |
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....                                                                                      | 27        |

|                                                                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Điều 28. Thủ lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....                                         | 29        |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....                                                                                   | 30        |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....                                                                              | 30        |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....                                                                         | 33        |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....                                                                            | 33        |
| <b>Chương VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ .....</b>                                                                    | <b>34</b> |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....                                                                                       | 34        |
| Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                | 34        |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....                                               | 35        |
| <b>Chương IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>                                                                                      | <b>36</b> |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....                                                                                 | 36        |
| Điều 37. Kiểm soát viên.....                                                                                               | 37        |
| Điều 38. Ban kiểm soát .....                                                                                               | 37        |
| <b>CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b> | <b>38</b> |
| Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng.....                                                                                        | 38        |
| Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....                                                    | 39        |
| Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                                                                      | 40        |
| <b>CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>                                                             | <b>41</b> |
| Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....                                                                              | 41        |
| <b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>                                                                       | <b>41</b> |
| Điều 43. Công nhân viên và công đoàn .....                                                                                 | 41        |
| <b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>                                                                              | <b>42</b> |
| Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....                                                                                          | 42        |
| <b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>                                  | <b>42</b> |
| Điều 45. Tài khoản ngân hàng .....                                                                                         | 42        |
| Điều 46. Năm tài chính .....                                                                                               | 43        |
| Điều 47. Chế độ kế toán.....                                                                                               | 43        |
| <b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>                             | <b>43</b> |
| Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....                                                                     | 43        |
| Điều 49. Báo cáo thường niên.....                                                                                          | 44        |
| <b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>                                                                                  | <b>44</b> |
| Điều 50. Kiểm toán .....                                                                                                   | 44        |
| <b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU .....</b>                                                                                          | <b>44</b> |
| Điều 51. Con dấu .....                                                                                                     | 44        |
| <b>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b>                                                                   | <b>45</b> |

---

|                                                       |           |
|-------------------------------------------------------|-----------|
| Điều 52. Chấm dứt hoạt động .....                     | 45        |
| Điều 53. Gia hạn hoạt động .....                      | 45        |
| Điều 54. Thanh lý .....                               | 45        |
| <b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b> | <b>46</b> |
| Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....           | 46        |
| <b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>     | <b>46</b> |
| Điều 56. Điều lệ công ty .....                        | 46        |
| <b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>                | <b>47</b> |
| Điều 57. Ngày hiệu lực .....                          | 47        |



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2018 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I  
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ****Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
  - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
  - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc;
  - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
  - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - i. **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);



j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

l. "Công ty" là Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

m. "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty" là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;

n. "Quy chế nội bộ" là các Quy chế nội bộ khác với Quy chế được nêu tại điểm m Điều này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## CHƯƠNG II

### TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ tiếng Việt: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

- Tên tiếng Anh: VICEM HOANG MAI CEMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: HOMAC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh

Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3866170;

Fax: (84-238) 3866648.

- Website: sales@ximanghoangmai.com.vn

- Email: www.ximanghoangmai.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

a. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Tiêu thụ

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3.664222;

Fax: (84- 238)3.63661776.

b. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Bê tông & Xây dựng

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: (84- 238)3. 510070;

Fax: (84-238)3. 510070.

5. Trong trường hợp có thay đổi thông tin được quy định Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 2, Điều lệ này coi như tự động cập nhật.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

### CHƯƠNG III

## MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

| TT | Ngành nghề kinh doanh                                                                                                     | Mã ngành        |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao<br>Chi tiết: Sản xuất xi măng, clinke                                                  | 2394<br>(Chính) |
| 2  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê                                     | 6810            |
| 3  | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                          | 5610            |
| 4  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                            | 4933            |
| 5  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                 | 4210            |
| 6  | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                 | 5510            |
| 7  | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                   | 5012            |
| 8  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải pha sông biển                                          | 5022            |
| 9  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                     | 4100            |
| 10 | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán xi măng, clinke, vật liệu xây dựng           | 4663            |
| 11 | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất các loại vật liệu xây dựng                                     | 3290            |
| 12 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán thiết bị phụ tùng, vật tư công nghiệp                | 4659            |
| 13 | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây lắp các công trình công nghiệp, thủy lợi                             | 4390            |
| 14 | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                          | 9311            |
| 15 | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                              | 7920            |
| 16 | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                           | 0810            |
| 17 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác<br>Chi tiết: Khảo sát thăm dò phục vụ khai thác, chế biến đá xây dựng | 0990            |
| 18 | Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu                                                 | 2399            |

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

### Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký

doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 72.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.



2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là mười (10) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy

quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh bằng lãi suất tiền gửi của cá nhân kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông,
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát,
4. Tổng Giám đốc.

## **CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a. Vi phạm pháp luật;
- b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;



e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao

hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

- c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
1. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
- m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường

hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó

(không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước

phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cân trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cân trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười ngày (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:



a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

## CHƯƠNG VII

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

## **Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;

d. Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng;

e. Thông qua chủ trương để Tổng Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;

f. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

g. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

i. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
  - m. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
  - n. Công bố danh mục và ban hành các Quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành;
  - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - p. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - q. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - r. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - s. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - t. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch.
  - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

#### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong



việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể làm việc chuyên trách tại Công ty.

### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này.

Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp

đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng

quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;



c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng giám đốc, không quá bốn (04) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bổ trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bổ trí người phụ trách kế toán tối đa là 06 (sáu) tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù

hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

**Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

f. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;

g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;

i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng giám đốc có thể xin ý kiến của Hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);

j. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

k. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát

phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;



- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
  - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
  - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
  - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## CHƯƠNG X

### TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

#### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

**Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công

bổ cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp

cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

**Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

## CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

**Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **CHƯƠNG XVII CON DẤU**

#### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;



e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

### **Điều 56. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

### Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai nhất trí thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2018 tại Văn phòng Công ty – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;  
b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;

c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

### Các thành viên HĐQT ký tên dưới đây:

**CHỦ TỊCH HĐQT**



**Đình Quang Dũng**

**ỦY VIÊN HĐQT**



**Nguyễn Quốc Việt**

**ỦY VIÊN HĐQT**



**Trần Việt Hồng**

**ỦY VIÊN HĐQT**



**Lê Trung Kiên**

**ỦY VIÊN HĐQT**



**Trần Đức Danh**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Điện thoại: 0238.386.6170 - Fax: 0238.386.6648



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**  
(Được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội thường niên năm 2018,  
ngày 24 tháng 4 năm 2018)



Hoàng Mai, tháng 4 năm 2018

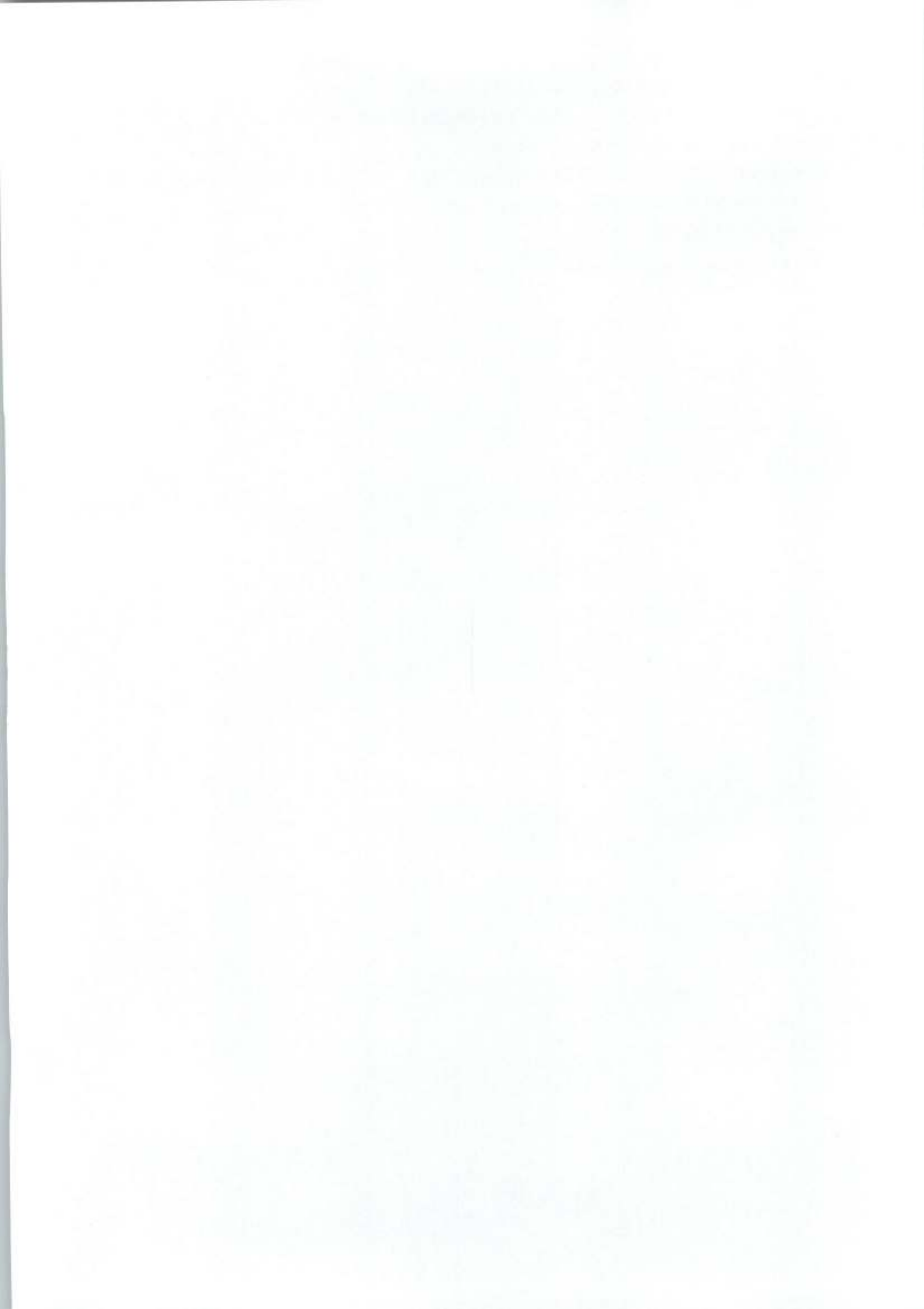
1875  
MAY 10  
1875

## Mục lục

|                                                                                                         |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Chương I: Quy định chung .....                                                                          | 5  |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....                                                                         | 5  |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....                                                                       | 5  |
| Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....                                  | 6  |
| Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....                        | 6  |
| Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....                                                                 | 6  |
| Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....                                                           | 7  |
| Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ .....                                                 | 7  |
| Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....                                                                       | 7  |
| Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....                                                              | 8  |
| Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.....                                                    | 8  |
| Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....                                                                    | 8  |
| Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ .....                                                                 | 9  |
| Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....                   | 9  |
| Chương III: Thành viên HĐQT .....                                                                       | 11 |
| Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....                                                               | 11 |
| Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT ..              | 12 |
| Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....                                                            | 12 |
| Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....                                     | 12 |
| Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....                              | 12 |
| Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....                                            | 13 |
| Chương IV: Họp HĐQT .....                                                                               | 13 |
| Điều 19. Thông báo họp HĐQT .....                                                                       | 13 |
| Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....                                                               | 13 |
| Điều 21. Cách thức biểu quyết.....                                                                      | 14 |
| Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT .....                                                  | 14 |
| Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT .....                                                                    | 14 |
| Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT .....                                                                | 15 |
| Chương V: Kiểm soát viên .....                                                                          | 15 |
| Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....                                                                 | 15 |
| Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên.....             | 15 |
| Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên .....                                                             | 15 |
| Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....                                       | 15 |
| Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....                              | 16 |
| Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT .....                                                                | 16 |
| Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT, cơ cấu của các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban:<br>..... | 16 |

|                                                                                                                                                                                     |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban .....                                                                                                                                | 16  |
| Điều 32. Trách nhiệm, chức năng của các tiểu ban .....                                                                                                                              | 167 |
| Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                                                                      | 18  |
| Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....                                                                                                                       | 18  |
| Điều 34. Tổng giám đốc.....                                                                                                                                                         | 18  |
| Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác .....                                                                                                                      | 20  |
| Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                                                | 20  |
| Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                                               | 20  |
| Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                                          | 20  |
| Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....                                                                                                               | 20  |
| Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....                                                                                                                                   | 20  |
| Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc .....                                                                                                                        | 21  |
| Điều 41. Việc tiếp cận thông tin .....                                                                                                                                              | 21  |
| Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc.....                                                                                                                          | 22  |
| Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.....                                                                                                                    | 22  |
| Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....                                                  | 23  |
| Điều 45. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS và Tổng giám đốc .....                                                                                                               | 23  |
| Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.....                                                                    | 23  |
| Điều 47. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....                                                                                  | 23  |
| Điều 48. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc .....                                                                       | 24  |
| Điều 49. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.....                                                                        | 24  |
| Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên ..... | 24  |
| Chương IX: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác .....           | 24  |
| Điều 51. Khen thưởng.....                                                                                                                                                           | 24  |
| Điều 52. Kỷ luật.....                                                                                                                                                               | 25  |
| Chương X: Người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                                                    | 25  |
| Điều 53. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                                      | 25  |
| Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                               | 25  |
| Điều 55. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....                                                                                                                        | 25  |
| Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                           | 26  |
| Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                      | 26  |
| Chương XI: Ngăn ngừa xung đột lợi ích .....                                                                                                                                         | 26  |

|                                                                         |    |
|-------------------------------------------------------------------------|----|
| Điều 58. Trách nhiệm cẩn trọng.....                                     | 26 |
| Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 26 |
| Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                   | 27 |
| Chương XII: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty .....            | 28 |
| Điều 61. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....                | 28 |
| Chương XIII: Ngày hiệu lực.....                                         | 28 |
| Điều 62. Ngày hiệu lực .....                                            | 28 |





# QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/ Ngày 24 tháng 4 năm 2018)

## Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được xây dựng theo qui định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;

d. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty;

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Chữ viết tắt:

- a. “Công ty” là Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;
- b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần” số 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 01/04/2008. Thay đổi lần thứ 8, ngày 12/10/2017;

c. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;

d. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;

e. “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;

- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
- c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);
- d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
- f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- i. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- k. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó;
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐ CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐ Cổ đông.**

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCD được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng.

#### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCD**

1. Thông báo họp ĐHĐCD được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCD phải gửi thông báo mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCD (tính từ ngày mà

thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;

- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
  - c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;
  - d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.
2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

#### **Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của

DHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- J. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải

có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

10. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

## Chương II THÀNH VIÊN HĐQT

### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.



#### **Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

#### **Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

#### **Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.



### **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

## **Chương IV HỌP HĐQT**

### **Điều 19. Thông báo họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy

- quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.
2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
  3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty.

### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

## **Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## **Chương V KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

**Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

**Chương VI**

**CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

**Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT, cơ cấu của các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban:**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT độc lập (thành viên HĐQT không điều hành) nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Các tiểu ban của HĐQT có thể được xác lập theo Điều lệ bao gồm:
  - Tiểu ban chính sách phát triển.
  - Tiểu ban kiểm toán.
  - Tiểu ban nhân sự.
  - Tiểu ban lương thưởng.
3. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 1 thành viên HĐQT độc lập (1 thành viên HĐQT không điều hành) làm trưởng ban.
4. Các tiểu ban đặc biệt khác (Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro...) được thành lập theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
5. Tất cả nhiệm vụ, quyền hạn của một tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập, sẽ là nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

**Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

**Điều 32. Trách nhiệm, chức năng của các tiểu ban****1. Tiểu ban chính sách phát triển:**

- Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Tham mưu cho HĐQT đề ra các chính sách phát triển sản phẩm truyền thống và chủ lực của Công ty, nghiên cứu, đánh giá các dự án, đầu tư mới của Công ty trình HĐQT trước khi quyết định đầu tư.
- Nghiên cứu và phân tích các yếu tố cũng như mức độ khả thi của kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm do Tổng giám đốc trình trước khi HĐQT phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

**2. Tiểu ban nhân sự:**

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu của HĐQT, người điều hành, cán bộ quản lý khác phù hợp với qui mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Công ty về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân viên, quy trình đào tạo và các chính sách khác đối với người lao động trong Công ty.

**3. Tiểu ban kiểm toán:**

- Nghiên cứu, đánh giá và phân tích tình hình tài chính của Công ty trong từng thời kỳ, đề xuất với HĐQT các biện pháp tài chính hiệu quả và phù hợp với thực tế của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.
- Kiểm tra, kiểm toán các báo cáo tài chính do Tổng giám đốc trình HĐQT thông qua.

**4. Tiểu ban lương thưởng:**

- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về thi đua khen thưởng và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách này.
- Giám sát việc các cán bộ quản lý chấp hành các quy chế nội bộ do ĐHCĐ và HĐQT ban hành. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.



- Tư vấn cho HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác thi đua – khen thưởng được công khai, chính xác, công bằng và kịp thời, đề xuất mức trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của công ty.

## Chương VII

### NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

#### **Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Công ty có Tổng giám đốc, không quá bốn (04) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bổ trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bổ trí người phụ trách kế toán tối đa là (sáu) 06 tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.
4. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:  
Người điều hành doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

#### **Điều 34. Tổng giám đốc**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành

- hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
  - f. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;
  - g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;
  - h. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;
  - i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);
  - j. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
  - k. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;
  - l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;
  - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm

vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

**Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

**Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

**Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

**Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

**Chương VIII:**

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
  - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
  - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối với HĐQT
  - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHQĐ;
  - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
  - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp



HDQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HDQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HDQT, BKS thông báo bằng văn bản với HDQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HDQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HDQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HDQT và Tổng giám đốc**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HDQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HDQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HDQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HDQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HDQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HDQT đối với Tổng giám đốc.

#### **Điều 41. Việc tiếp cận thông tin**

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HDQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

#### **Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc**

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.**

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

**Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc**

1. Các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một cuộc họp.
2. Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho BKS và Ban Tổng giám đốc.
3. Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 5 ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp.
4. Về các quyết định được thông qua, BKS và Ban Tổng giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

**Điều 45. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS và Tổng giám đốc**

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

**Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

1. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp thì BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
2. Tổng giám đốc yêu cầu tổ chức họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

**Điều 47. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

Định kỳ hàng quý, Tổng giám đốc phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT giao phó.



**Điều 48. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc**

1. HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Tổng giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.
2. Kiểm điểm theo nội dung: quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Điều 49. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

1. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý, người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT.
2. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
3. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
4. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
6. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.
7. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. BKS được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Tổng giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của công ty.
2. Hàng năm BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

**Chương IX:**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 51. Khen thưởng**

1. Tại ĐHĐCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích

từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch đề thường cho các thành viên HĐQT, BKS.

- Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Người điều hành doanh nghiệp.

#### **Điều 52. Kỷ luật**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và người quản lý để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xem xét tư cách thành viên của BKS, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

### **Chương X**

#### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

##### **Điều 53. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- Có hiểu biết về pháp luật;
- Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

##### **Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty**

- Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
- Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

##### **Điều 55. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ



hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

**Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty**  
HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

**Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty**  
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **Chương XI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT**

#### **Điều 58. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
  - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua.
  - d. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

**Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh

nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## Chương XII

### SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ

#### Điều 61. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## Chương XIII

### NGÀY HIỆU LỰC

#### Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 13 chương 62 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2018;
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty;
3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc 1/2 số lượng thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



Đinh Quang Dũng



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **Cao Trọng Nghiê**n                      Giới tính: *Nam*
2. Ngày tháng năm sinh: 04/07/1982
3. Nơi sinh: Xã Hưng Thái – Huyện Hưng Nguyên – Tỉnh Nghệ An
4. Quốc tịch: Việt Nam
5. Số hộ chiếu số: B9445814; cấp ngày: 22/07/2014; tại: Cục Quản lý xuất nhập cảnh
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
7. Chỗ ở hiện tại: Khối 12, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
8. Trình độ văn hoá: 12/12
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
10. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian         | Trường đào tạo     | Chuyên ngành đào tạo   | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-------------------|--------------------|------------------------|-------------|---------|
| Năm 2002 đến 2007 | Học viện Tài chính | Tài chính doanh nghiệp | Không       | Không   |

11. Quá trình làm việc:

| Thời gian                        | Nơi làm việc                       | Chức vụ                               | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------------------------|------------------------------------|---------------------------------------|-------------|---------|
| Từ tháng 9/2006 đến tháng 8/2008 | Công ty CP bao bì Sông Lam         | Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán   | Không       | Không   |
| Từ tháng 9/2008 đến tháng 3/2018 | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên phòng Tài chính – Kế toán   | Không       | Không   |
| Từ ngày 01/04/2018 đến nay       | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên phòng Kế hoạch – Chiến lược | Không       | Không   |

12. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc                       | Chức vụ                               | Thời gian đảm nhiệm        |
|------------------------------------|---------------------------------------|----------------------------|
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên phòng Kế hoạch – Chiến lược | Từ ngày 01/04/2018 đến nay |

13. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ  | Họ và tên         | Năm sinh | Địa chỉ thường trú                                      | Nghề nghiệp       | Đơn vị công tác (nếu có)               |
|----------|-------------------|----------|---------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------|
| Bố       | Cao Nhi (đã mất)  |          |                                                         |                   |                                        |
| Mẹ       | Cao Thị Dung      | 1942     | Khối 12, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An           | Cán bộ hưu trí    |                                        |
| Chị ruột | Cao Thị Hằng      | 1965     | Xã Hưng Chính, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An                    | Giáo viên         | Trường THCS Hưng Chính                 |
|          | Cao Thị Diệp      | 1972     | Khối 12, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An           | Giáo viên         | Trường THCS Đội Cung                   |
|          | Cao Thị Nguyên    | 1974     | Khối Yên Toàn, phường Hà Huy Tập, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An | Giáo viên         | Trường Hermann Gmeiner Vinh            |
| Vợ       | Trương Thị Nguyệt | 1983     | Khối 12, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An           | Nhân viên kế toán | Công ty TNHH vận tải DL&TM Thạch Thành |
| Con      | Cao Tiến Nam      | 2013     | Khối 12, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An           |                   |                                        |
|          | Cao Hoàng Bách    | 2016     | Khối 12, phường Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An           |                   |                                        |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Hoàng Mai, ngày 18 tháng 04 năm 2018

Xác nhận sự chính quyền địa phương hoặc



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Việt Hồng*

Hoàng Mai, ngày 18 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI KHAI

Cao Trọng Nghiên

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: THÁI HUY CHƯƠNG      Giới tính: Nam
2. Ngày tháng năm sinh: 22/9/1971      Nơi sinh: Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An
3. Quốc tịch: Việt Nam
4. Giấy CMND số: 186528964      cấp ngày: 30/9/2014 tại Công an tỉnh Nghệ An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 14, phường trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
6. Chỗ ở hiện tại: Khối 14, phường trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian   | Trường đào tạo            | Chuyên ngành đào tạo | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-------------|---------------------------|----------------------|-------------|---------|
| 1993-1995   | Trung cấp kinh tế Nghệ An | Kế toán              | Không       | không   |
| 2000 - 2004 | Đại học Huế               | Kế toán doanh nghiệp | Không       | không   |

10. Quá trình làm việc:

| Thời gian      | Nơi làm việc                                                      | Chức vụ   | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------|-------------------------------------------------------------------|-----------|-------------|---------|
| 1995 - 1996    | Công ty XNK Thủ công và Mỹ nghệ Nghệ An                           | Nhân viên | Không       | không   |
| 1996 - 2010    | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai                                | Nhân viên | Không       | không   |
| 2011 - 2013    | Ban QLDA gạch không nung Đông Hội – TCT CN xi măng Vicem Việt Nam | Phó phòng | Không       | không   |
| 2014 – đến nay | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai                                | Nhân viên | Không       | không   |

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc                                            | Chức vụ   | Thời gian đảm nhiệm     |
|---------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|
| Xí nghiệp Tiêu thụ - Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên | Từ tháng 5/2011 đến nay |

12. Quan hệ thân nhân:

| Quan hệ | Họ và tên         | Năm sinh | Địa chỉ thường trú                                | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có)       |
|---------|-------------------|----------|---------------------------------------------------|-------------|--------------------------------|
| Bố      | Thái Huy Long     | 1939     | Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An                 | Nghỉ hưu    | Địa phương                     |
| Mẹ      | Phan Thị Nhung    | 1944     | Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An                 | Nông dân    | Địa phương                     |
| Chị     | Thái Thị Mùi      | 1967     | Xã Hưng Thái, Hưng Nguyên, Nghệ An                | Y tá        | Bệnh viện huyện Hưng Nguyên    |
| Em      | Thái Thị Chung    | 1973     | Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An                 | Công nhân   | Cty CP in Nghệ An              |
| Em      | Thái Thị Châu     | 1977     | Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An                 | Giáo Viên   | Trường Mầm non xã Hưng Đạo     |
| Em      | Thái Thị Tâm      | 1979     | Xã Hưng Đạo, Hưng Nguyên, Nghệ An                 | Y tá        | Bện viện Giao thông 4, Nghệ An |
| Vợ      | Ngô Thị Linh      | 1973     | Khối 14, phường trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An | Nhân viên   | NH Sacombank, Nghệ An          |
| Con     | Thái Thị Hiền Anh | 2001     | Khối 14, phường trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An | Học sinh    | Cấp 3 TP Vinh                  |
| Con     | Thái Huy Quân     | 2006     | Khối 14, phường trường Thi, TP Vinh, tỉnh Nghệ An | Học sinh    | Cấp 2 TP Vinh                  |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 4 năm 2018

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc nơi công tác



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đặng Ngọc Long

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 4 năm 2018

NGƯỜI KHAI

*Chữ ký*

Thái Huy Chương



11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc       | Chức vụ          | Thời gian đảm nhiệm |
|--------------------|------------------|---------------------|
| Phòng TCKT Công ty | Kế toán tổng hợp | Từ 12/2014 đến nay  |

12. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ | Họ và tên        | Năm sinh | Địa chỉ thường trú | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có) |
|---------|------------------|----------|--------------------|-------------|--------------------------|
| Bố đẻ   | Nguyễn Văn Nam   | 1959     | Quỳnh Lưu, Nghệ An | CN về hưu   | Quỳnh lưu-NA             |
| Mẹ đẻ   | Hồ Thị Hà        | 1963     | Quỳnh Lưu, Nghệ An | Tự do       | Quỳnh lưu-NA             |
| Em gái  | Nguyễn Thị Thanh | 1989     | Cầu Giấy, Hà Nội   | Kế toán     | Hà Nội                   |
| Em gái  | Nguyễn Thị Thủy  | 1989     | Quỳnh Lưu, Nghệ An | Giáo viên   | Quỳnh lưu-NA             |
| Vợ      | Phan Thị Thảo    | 1989     | TX Hoàng Mai, N.An | Kế toán     | TX Hoàng Mai             |
| Con     | Nguyễn Tiến Minh | 2013     | TX Hoàng Mai, N.An | Còn nhỏ     | TX Hoàng Mai             |
| Con     | Nguyễn Minh Khôi | 2016     | TX Hoàng Mai, N.An | Còn nhỏ     | TX Hoàng Mai             |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

Hoàng Mai, ngày tháng 04 năm 2018

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc nơi công tác



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Việt Hồng*

Hoàng Mai, ngày 20 tháng 04 năm 2018

NGƯỜI KHAI

Nguyễn Văn Tuấn



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: Trần Đức Danh Giới tính: *Nam*
2. Ngày tháng năm sinh: 06/07/1973 Nơi sinh: Yên Sơn – Đô Lương – Nghệ An
3. Quốc tịch: *Việt Nam*
4. Giấy CMND số: 182308718 cấp ngày: 20/4/2005 tại CA Nghệ An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khối 4 – thị trấn Đô Lương – Nghệ An
6. Chỗ ở hiện tại: Khối 4 – thị trấn Đô Lương – Nghệ An
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn:
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:
10. Quá trình làm việc:

| Thời gian          | Nơi làm việc                                                 | Chức vụ | Khen thưởng | Kỷ luật |
|--------------------|--------------------------------------------------------------|---------|-------------|---------|
| 1993-1995          | Đi bộ đội                                                    |         | Không       | Không   |
| 1996-tháng 10/2014 | Kinh doanh tại Nghệ An                                       |         | Không       | Không   |
| 11/2014-nay        | Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai |         |             |         |

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc           | Chức vụ  | Thời gian đảm nhiệm |
|------------------------|----------|---------------------|
| Công ty TNHH Trường An | Giám đốc | Từ 2005 đến nay     |

12. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ | Họ và tên     | Năm sinh | Địa chỉ thường trú                     | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có) |
|---------|---------------|----------|----------------------------------------|-------------|--------------------------|
| Bố      | Trần Đức Dung | 1944     | Yên Tân – Yên Sơn – Đô Lương – Nghệ An |             |                          |



|             |                |      |                                           |  |  |
|-------------|----------------|------|-------------------------------------------|--|--|
| Mẹ          | Hoàng Thị Lục  | 1949 | Yên Tân – Yên Sơn –<br>Đô Lương – Nghệ An |  |  |
| Chị<br>ruột | Trần Thị Thành | 1970 | Văn Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Em<br>ruột  | Trần Thị Hiếu  | 1975 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Em          | Trần Đức Thông | 1977 | Hợp Thành-Yên Thành<br>– Nghệ an          |  |  |
| Em          | Trần Đức Thành | 1981 | Yện sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Em          | Trần Đức Quý   | 1983 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Vợ          | Hoàng Thị Thúy | 1975 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Con<br>trai | Trần Đức Lịch  | 1997 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Con<br>trai | Trần Đức Lực   | 1999 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Con<br>trai | Trần Đức An    | 2004 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |
| Con<br>trai | Trần Đức Toàn  | 2007 | Yên Sơn – Đô Lương –<br>Nghệ An           |  |  |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày ..... tháng..... năm 2018

**NGƯỜI KHAI**

*Trần Đức Lực*





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **TRẦN VIỆT HỒNG**                      Giới tính: **Nam**
2. Ngày tháng năm sinh: 20/07/1971   Nơi sinh: Xã Hải Triều, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên
3. Quốc tịch:     **Việt Nam**
4. Giấy CMND số: 187647123                      cấp ngày: 18/03/2014                      tại: CA Nghệ An
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu tập thể B, khối 5, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
6. Chỗ ở hiện tại: Khu tập thể B, khối 5, P. Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ chế tạo máy
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian   | Trường đào tạo           | Chuyên ngành đào tạo        | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-------------|--------------------------|-----------------------------|-------------|---------|
| 1989 - 1994 | Đại học Bách khoa Hà Nội | Kỹ sư công nghệ chế tạo máy | Không       | Không   |

10. Quá trình làm việc:

| Thời gian         | Nơi làm việc                | Chức vụ                    | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-------------------|-----------------------------|----------------------------|-------------|---------|
| 02/1995 - 02/1999 | Công ty xi măng Hoàng Thạch | Kỹ thuật viên xưởng Cơ khí | Không       | Không   |
| 10/1999 - 12/2000 | Công ty xi măng Hoàng Thạch | Trưởng ca xưởng Cơ khí     | Không       | Không   |
| 01/2001 - 11/2004 | Công ty Xi măng Hoàng Mai   | Phó quản đốc xưởng Cơ khí  | Không       | Không   |
| 11/2004 - 12/2007 | Công ty Xi măng Hoàng Mai   | Quản đốc xưởng Cơ khí      | Không       | Không   |
| 01/2008 - 04/2013 | Công ty Xi măng Hoàng Mai   | Trưởng phòng Cơ điện       | Không       | Không   |
| 2013 đến nay      | Công ty Xi măng Hoàng Mai   | Phó Tổng Giám đốc          | Không       | Không   |



11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc              | Chức vụ                                | Thời gian đảm nhiệm |
|---------------------------|----------------------------------------|---------------------|
| Công ty Xi măng Hoàng Mai | Phó Tổng Giám đốc                      | Từ 2011 đến T2/2018 |
| Công ty Xi măng Hoàng Mai | Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT | Từ T02/2018 đến nay |

12. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ | Họ và tên         | Năm sinh | Địa chỉ thường trú                        | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có)         |
|---------|-------------------|----------|-------------------------------------------|-------------|----------------------------------|
| Bố      | Trần Đức Cán      | Đã mất   |                                           |             |                                  |
| Mẹ      | Đoàn Thị Thơm     |          | Xã Hải Triều, huyện Yên Lữ, tỉnh Hưng Yên | Hưu trí     |                                  |
| Chị     | Trần Thị Lan      |          | Thành phố Hưng Yên                        | Giáo Viên   |                                  |
| Chị     | Trần Thị Oanh     |          | Thành phố Hưng Yên                        | Giáo Viên   |                                  |
| Chị     | Trần Thị Hà       |          | Thành phố Hà Nội                          | Giáo Viên   |                                  |
| Em      | Trần Nam Trung    |          | Thành phố Hà Nội                          | Công Nhân   |                                  |
| Vợ      | Vũ Thị Hồng Nhung | 1980     |                                           | Nhân viên   | Công ty CP xi măng Vicem Bút Sơn |
| Con     | Trần Phương Linh  | 2006     | TP Hà Nội                                 | Học Sinh    |                                  |
| Con     | Trần Minh Đức     | 2008     | TP Hà Nội                                 | Học Sinh    |                                  |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2018

....., ngày..... tháng..... năm 2018

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc  
nơi công tác

NGƯỜI KHAI



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Nguyễn Quốc Việt*

*Trần Việt Hồng*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **NGUYỄN QUỐC VIỆT**      Giới tính: *Nam*
  2. Ngày tháng năm sinh: 17/6/1972      Nơi sinh: Xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An
  3. Quốc tịch: *Việt Nam*
  4. Giấy CMND số: 181791170      Cấp ngày: 09/10/2006      Nơi cấp: Công an tỉnh nghệ An
  5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 21B2, đường Duy Tân, khối An Vinh, phường Hưng Phúc, tp Vinh, Nghệ An.
  6. Chỗ ở hiện tại: 21B2, đường Duy Tân, khối An Vinh, phường Hưng Phúc, tp Vinh, Nghệ An.
  7. Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính - Kế toán
8. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian   | Tên trường             | Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-------------|------------------------|---------------------------------|-------------|---------|
| 1989 - 1993 | Đại học Tài chính - KT | Kế toán                         |             |         |
| 2003 - 2004 | ĐH Bách khoa           | Nâng cao năng lực quản lý       |             |         |
| 2004 - 2008 | ĐH Kinh tế Quốc dân    | Thạc sỹ Kinh tế chính trị       |             |         |
|             |                        |                                 |             |         |

9. Quá trình làm việc:

| Từ tháng, năm đến tháng, năm | Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác (đảng, chính quyền, đoàn thể, tổ chức xã hội), kể cả thời gian đ ọc đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ... |
|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 06/1995 - 10/1995            | Thống kê phân xưởng may, Nhà máy Dệt kim Hoàng Thị Loan                                                                                                |
| 10/1995 - 09/1996            | Kế toán viên, Nhà máy Dệt kim Hoàng Thị Loan                                                                                                           |
| 09/1996 - 06/1998            | Kế toán viên, Công ty xi măng Nghệ An (nay là Công ty Xi măng Hoàng Mai)                                                                               |
| 06/1998 - 06/2005            | Phó phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Xi măng Hoàng Mai                                                                                               |
| 07/2005 - 03/2006            | Phụ trách phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Xi măng Hoàng Mai                                                                                         |
| 04/2006 - 10/2007            | Trưởng phòng Tài chính - Kế toán, Công ty Xi măng Hoàng Mai                                                                                            |

|                   |                                                            |
|-------------------|------------------------------------------------------------|
| 10/2007 - 01/2011 | Kế toán trưởng, Công ty Cổ phần Xi măng Hoàng Mai          |
| 01/2011 - T9/2017 | Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai |
| T10/2017 đến nay  | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai      |
|                   |                                                            |

10. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc                       | Chức vụ                                                                    | Thời gian đảm nhiệm        |
|------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------|
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai                       | Từ tháng 01/2011 - T9/2017 |
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Tổng Giám đốc Công ty – thành viên HĐQT Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Từ T 10./2017, đến nay     |
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Bí thư Đảng ủy Công ty                                                     | Từ T10 /2017 đến nay       |

11. Quan hệ thân thân:

| Mối quan hệ | Họ và tên         | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ... |
|-------------|-------------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bố          | Nguyễn Hữu Nam    | 1938     | Đã mất                                                                                                                                       |
| Mẹ          | Văn Thị Hải       | 1943     | Hưu trí, xã Ngọc Sơn, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An                                                                                       |
| Vợ          | Nguyễn Thị Minh   | 1978     | Cán bộ TT Quan trắc Môi trường, Sở Tài nguyên MT Nghệ An.                                                                                    |
| Con         | Nguyễn Việt Dương | 2003     | Học sinh, 21B2, Duy Tân, Khối An Vinh, Hưng Phúc, TP Vinh                                                                                    |
| Con         | Nguyễn Minh Anh   | 2008     | Học sinh, 21B2, Duy Tân, Khối An Vinh, Hưng Phúc, TP Vinh                                                                                    |
| Em          | Nguyễn Quốc Khánh | 1974     | Ban Dân quân, Tinh Đội Nghệ An                                                                                                               |
| Em          | Nguyễn Quốc Kỳ    | 1982     | NV Xí nghiệp Tiêu thụ, Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai                                                                                    |
| Bố vợ       | Nguyễn Văn Tâm    | 1945     | Hưu trí, số 81 Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.                                                         |

|        |                  |      |                                                                                                            |
|--------|------------------|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Mẹ vợ  | Nguyễn Thị Ngà   | 1946 | Hưu trí, số 81 Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.                       |
| Anh vợ | Nguyễn Chí Thanh | 1971 | Công nhân đường sắt Thanh Hóa, số 81 Dương Đình Nghệ, phường Tân Sơn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. |
|        |                  |      |                                                                                                            |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2018 *Hàng Mai*, ngày *24* tháng *4* năm 2018  
 Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc **NGƯỜI KHAI**  
*Hoàng Mai*  
 nơi công tác



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Việt Hồng*

*Nguyễn Quốc Việt*

*Nguyễn Quốc Việt*



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **LÊ TRUNG KIÊN**      Giới tính: **Nam**
2. Ngày tháng năm sinh:    04/02/1975    Nơi sinh: xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An
3. Quốc tịch: **Việt Nam**
4. Giấy CMND số:040075000077      Cấp ngày: 08/07/2015 tại Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 12 Cửa Đông, phường Cửa Đông, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại: Phòng 715 CT2B Khu đô thị mới Nghĩa Đô – Bắc Từ Liêm – Hà Nội
7. Trình độ văn hoá: 12/12
8. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian     | Tên trường                                        | Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng                                 | Khen thưởng | Kỷ luật |
|---------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------|---------|
| 9/1992-9/1996 | Trường Đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội            | Kinh tế lượng                                                   |             |         |
| 9/2009-5/2010 | Trường Đại học Quốc gia Hà Nội – khoa sau Đại học | Quản trị kinh doanh                                             |             |         |
| 2014-2016     | Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh           | Cao cấp lý luận chính trị                                       |             |         |
| 3/2010-4/2010 | Trường Đại học Quốc gia Hà Nội-khoa QTKD          | Chương trình đạo tạo nâng cao năng lực cán bộ quản lý cấp trung |             |         |

10. Quá trình làm việc:

| Thời gian      | Nơi làm việc                       | Chức vụ                                         | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------|------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------|---------|
| 6/1998-7/2004  | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên phòng kế hoạch                        |             |         |
| 8/2004-12/2007 | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Nhân viên Văn phòng-<br>Thư ký Giám đốc Công ty |             |         |



|                 |                                    |                                                                                                                                                               |  |  |
|-----------------|------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
| 4/2006-12/2007  | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Phó bí thư chi bộ, Phó chủ tịch Công đoàn, Phó chánh Văn phòng Công ty                                                                                        |  |  |
| 01/2008-03/2008 | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Phó phòng Kế hoạch- Đầu tư                                                                                                                                    |  |  |
| 4/2008-12/2010  | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Bí thư chi bộ, Quyền Trưởng phòng Vật tư. Tháng 05/2010 là Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2010-2015                                           |  |  |
| 12/2010-6/2012  | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Phó Giám đốc xí nghiệp tiêu thụ. Từ tháng 11/2011 là Bí thư chi bộ Xí nghiệp Tiêu thụ                                                                         |  |  |
| 7/2012-3/2014   | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Bí thư chi bộ, Quản đốc xường Xây dựng và dịch vụ                                                                                                             |  |  |
| 3/2014 đến nay  | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Bí thư chi bộ, Quản đốc xường Khai thác, Ủy viên ban chấp hành Đảng bộ Công ty nhiệm kỳ 2015-2020. Ủy viên Ban thường vụ Công đoàn Công ty nhiệm kỳ 2017-2020 |  |  |

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc                       | Chức vụ                                 | Thời gian đảm nhiệm    |
|------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Quản đốc Xường Khai thác. Bí thư chi bộ | Từ 15/03/ 2014 đến nay |
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai | Ủy viên Hội đồng quản trị               | Từ 02./2018. đến nay   |

12. Quan hệ thân thân:

| Mối quan hệ | Họ và tên       | Năm sinh | Quê quán, nghề nghiệp, chức danh, chức vụ, đơn vị, công tác, học tập, nơi ở (trong, ngoài nước); thành viên các tổ chức chính trị-xã hội ... |
|-------------|-----------------|----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bố          | Lê Ngọc Thành   | 1951     | Xã Ngọc Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An. Về hưu.                                                                                                |
| Mẹ          | Lương Thị Tuyết | 1951     | Xã Nghĩa Dũng, huyện Tân Kỳ, Nghệ An. Về hưu.                                                                                                |

|         |                   |      |                                                                                                             |
|---------|-------------------|------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Vợ      | Trần Thị Thi      | 1975 | Quê quán: xã Nam Thành, huyện Yên Thành, Nghệ An.<br>Nghề nghiệp: Phó Văn phòng Công đoàn Xây dựng Việt Nam |
| Con     | Lê Trần Đại Nghĩa | 2001 | Học sinh cấp 3 Trường Phổ thông trung học Chu Văn An, Hà Nội.                                               |
| Con     | Lê Trần Đại Bảo   | 2008 | Học sinh tiểu học, Trường tiểu học Phan Chu Trinh, Hà Nội.                                                  |
| Em ruột | Lê Trung Dũng     | 1978 | Phó giám đốc Công ty CP xây dựng 423- Tổng Công ty công trình Giao thông 4                                  |
| Em ruột | Lê Trung Phong    | 1980 | Nhân viên Xí nghiệp Tiêu thụ, Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai                                            |
|         |                   |      |                                                                                                             |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng..... năm 2018

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc nơi công tác



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Trần Việt Hồng*

....., ngày..... tháng..... năm 2018

NGƯỜI KHAI

*LUUU*  
LÊ TRUNG KIÊN



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: **ĐINH QUANG DŨNG**      Giới tính: *Nam*
2. Ngày tháng năm sinh: 14/08/1964      Nơi sinh: Lạng Sơn
3. Quốc tịch: *Việt Nam*
4. Giấy CMND số: 020064000034      Cấp ngày: 03/4/2018      tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: P408 Tòa Nhà 17T8 Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
6. Chỗ ở hiện tại: P408 Tòa Nhà 17T8 Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
7. Trình độ văn hoá: 10/10
8. Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ:

| Thời gian      | Trường đào tạo               | Chuyên ngành đào tạo      | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------|------------------------------|---------------------------|-------------|---------|
| 10/1982-5/1987 | Đại học Bách Khoa Hà Nội     | Kỹ sư Silicat             |             |         |
| 2004-2006      | Học viện Chính trị Khu vực I | Cao cấp lý luận chính trị |             |         |

10. Quá trình làm việc:

| Thời gian      | Nơi làm việc                          | Chức vụ                           | Khen thưởng | Kỷ luật |
|----------------|---------------------------------------|-----------------------------------|-------------|---------|
| 8/1988-02/1989 | Công ty xi măng Hoàng Thạch-Hải Dương | Kỹ thuật viên xưởng Đóng bao      |             |         |
| 02/1989-4/1997 | Công ty xi măng Hoàng Thạch-Hải Dương | Kỹ thuật viên Văn phòng công nghệ |             |         |
| 4/1997-02/2002 | Công ty Xi măng                       | Trưởng Phòng kỹ thuật Sản         |             |         |

|                 |                                           |                                                                |  |  |
|-----------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|--|--|
|                 | Bút Sơn- Hà Nam                           | xuất                                                           |  |  |
| 02/2002-04/2003 | Công ty xi măng Tam Điệp- Ninh Bình       | Phó Giám đốc Công ty                                           |  |  |
| 4/2003-12/2009  | Công ty xi măng Bút Sơn- Hà Nam           | Phó Giám đốc Công ty                                           |  |  |
| 12/2009-4/2013  | Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam | Trưởng phòng Tổ chức và Nguồn Nhân lực                         |  |  |
| 5/2013 đến nay  | Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc                                              |  |  |
| 9/2010 đến nay  | Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam | Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Tổng Công ty |  |  |
| 02/2018 đến nay | Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                                     |  |  |

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc                              | Chức vụ                                                        | Thời gian đảm nhiệm |
|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|
| Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam | Phó Tổng Giám đốc                                              | Từ 5/2013 đến nay   |
| Tổng Công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam | Ủy viên Ban thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Đảng ủy Tổng Công ty | Từ 09/2010 đến nay  |
| Công ty CP xi măng Vicem Hoàng Mai        | Chủ tịch Hội đồng Quản trị                                     | Từ 02/2018 đến nay  |

12. Quan hệ thân thân:

| Quan hệ  | Họ và tên        | Năm sinh | Địa chỉ thường trú               | Nghề nghiệp | Đơn vị công tác (nếu có)          |
|----------|------------------|----------|----------------------------------|-------------|-----------------------------------|
| Anh trai | Đình Quang Dưỡng | 1959     | Đại Đồng – Tràng Định – Lạng Sơn | Làm ruộng   |                                   |
| Chị gái  | Đình Thị Hồng    | 1962     | Đại Đồng – Tràng Định – Lạng Sơn | Hưu trí     |                                   |
| Em gái   | Đình Thị Hòa     | 1968     | Thành phố Lạng Sơn               | Dược sĩ     | GD TT kiểm nghiệm Dược và Mỹ phẩm |

|          |                 |      |                                                                            |              |                                                      |
|----------|-----------------|------|----------------------------------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------|
|          |                 |      |                                                                            |              | Lạng Sơn                                             |
| Em gái   | Đinh Thị Hào    | 1974 | Đại Đồng – Tràng Định – Lạng Sơn                                           | Giáo viên    | Trưởng mẫu giáo liên cơ huyện Tràng Định - Lạng Sơn  |
| Vợ       | Mạc Thị Kim Nhu | 1972 | P408 Tòa Nhà 17T8 Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | Cử nhân KT   | Tổng công ty CN XM Việt Nam                          |
| Con trai | Đinh Quang Huy  | 1992 | P408 Tòa Nhà 17T8 Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | Cử nhân QTDK | Công tác tại Công ty CP VICEM Vật tư Vận tải Xi măng |
| Con trai | Đinh Quang Anh  | 1999 | P408 Tòa Nhà 17T8 Khu Đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội | Sinh viên    | Đại học Kinh tế quốc dân                             |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2018

Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc nơi công tác



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Nguyễn Quốc Việt

....., ngày..... tháng..... năm 2018

NGƯỜI KHAI

  
Đinh Quang Bình

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA  
CÁC NỘI DUNG TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2018  
(Biên bản số 2)**

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2018, vào lúc 10 giờ 30 phút, tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 được tổ chức tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ban Kiểm phiếu và Bầu cử gồm:

- 1 Ông: Nguyễn Trọng Đồng - PQĐ Xưởng Khai thác - Trưởng ban
- 2 Ông: Nguyễn Quốc Đạt - Phó phòng Kế hoạch Chiến lược - Ban viên
- 3 Bà: Thái Thị Thu Hương - Nhân viên phòng Tổ chức&NNL - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua nội dung các báo cáo và tờ trình trong chương trình nghị sự của kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết các nội dung tại Đại hội, tổng số cổ đông đăng ký tham dự và ủy quyền là **190** cổ đông, đại diện và sở hữu **53.684.843** cổ phần và chiếm **77,5** % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:

1. Số cổ đông đại diện và tham dự trực tiếp là **129** cổ đông, đại diện cho **53.684.843** cổ phần, chiếm **77,5** % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Số cổ đông ủy quyền là **61** cổ đông, đại diện cho **1.826.335** cổ phần, chiếm **2,6** % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:**

-Số thẻ biểu quyết phát ra là: **129** thẻ, tương ứng với **53.684.843** cổ phần có quyền biểu quyết.

**\* Nội dung 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2017:**

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: **129** thẻ, Tương ứng **53.684.843** cổ phần chiếm tỷ lệ: **100** %
- + Số thẻ biểu quyết không đồng ý: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %
- + Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %

**\* Nội dung 2. Thông qua báo cáo kết quả SXKD năm 2017 của Giám đốc điều hành và Báo cáo kế hoạch SXKD năm 2018:**

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: **129** thẻ, Tương ứng **53.684.843** cổ phần chiếm tỷ lệ: **100** %
- + Số thẻ biểu quyết không đồng ý: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %
- + Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %

**\* Nội dung 3. Thông qua mức chi trả thù lao của HĐQT, BKS năm 2017 và Kế hoạch chi trả thù lao 2018 theo Tờ trình ký ngày 06/4/2018**

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: **129** thẻ, Tương ứng **53.684.843** cổ phần chiếm tỷ lệ: **100** %
- + Số thẻ biểu quyết không đồng ý: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %
- + Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: **0** thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: **0** %

\* Nội dung 4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán theo Tờ trình số 12.19/TT-HĐQT

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: 129 thẻ, Tương ứng 53.684.843 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %  
+ Số thẻ biểu quyết không đồng ý: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %  
+ Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %

\* Nội dung 5. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức năm 2017 theo Tờ trình số 12.20/TT-HĐQT

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: 129 thẻ, Tương ứng 53.684.843 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %  
+ Số thẻ biểu quyết không đồng ý: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %  
+ Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %

\* Nội dung 6. Thông qua Chủ trương tăng vốn điều lệ:

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: 129 thẻ, Tương ứng 53.684.843 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %  
+ Số thẻ biểu quyết không đồng ý: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %  
+ Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %

\* Nội dung 7. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2017

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: 129 thẻ, Tương ứng 53.684.843 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %  
+ Số thẻ biểu quyết không đồng ý: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %  
+ Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %

\* Nội dung 8. Thông qua đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

- + Số thẻ biểu quyết đồng ý: 129 thẻ, Tương ứng 53.684.843 cổ phần chiếm tỷ lệ: 100 %  
+ Số thẻ biểu quyết không đồng ý: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %  
+ Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: 0 thẻ, 0, chiếm tỷ lệ: 0 %

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 10 giờ 50 phút cùng ngày.

Biên bản này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 02 (hai) bản và đã được tất cả các thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Trọng Đồng

BAN VIÊN



Thái Thị Thu Hương

BAN VIÊN



Nguyễn Quốc Đạt

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BIỂU QUYẾT THÔNG QUA  
CÁC NỘI DUNG TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG THƯỜNG NIÊN 2018**  
(*Biên bản số 1*)

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2018, vào lúc 10 giờ 00 phút, tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 được tổ chức tại Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ban Kiểm phiếu và Bầu cử gồm:

- 1 Ông: Nguyễn Trọng Đồng - PQĐ Xưởng Khai thác Mỏ - Trưởng ban
- 2 Ông: Nguyễn Quốc Đạt - Phó phòng Kế hoạch CL - Ban viên
- 3 Bà: Thái Thị Thu Hương - Nhân viên phòng Tổ chức LĐ - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu biểu quyết thông qua việc Sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018.

Tại thời điểm tiến hành biểu quyết, tổng số cổ đông đăng ký tham dự và ủy quyền là **190** cổ đông, đại diện và sở hữu **53.684.843** cổ phần và chiếm **77,5 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó:

1. Số cổ đông đại diện và tham dự trực tiếp là **129** cổ đông, đại diện cho **53.684.843** cổ phần, chiếm **77,5 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;
2. Số cổ đông ủy quyền là **61** cổ đông, đại diện cho **1.826.335** cổ phần, chiếm **2,6 %** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

**Kết quả kiểm phiếu biểu quyết như sau:**

-Số thẻ biểu quyết phát ra là: **129** thẻ, tương ứng với **53.684.843** cổ phần có quyền biểu quyết.

**\* Nội dung 1: Thông qua Tờ trình số ~~1221~~./2018/TTr-HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty:**

|                                      |                                                     |                            |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|
| + Số thẻ biểu quyết đồng ý:          | <b>129</b> thẻ, Tương ứng <b>53.684.843</b> cổ phần | chiếm tỷ lệ: <b>100 %</b>  |
| + Số thẻ biểu quyết không đồng ý:    | <b>0</b> thẻ,                                       | 0, chiếm tỷ lệ: <b>0 %</b> |
| + Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: | <b>0</b> thẻ,                                       | 0, chiếm tỷ lệ: <b>0 %</b> |

**\* Nội dung 2: Thông qua Tờ trình số ~~1221~~./2018/TTr-HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty:**

|                                      |                                                     |                            |
|--------------------------------------|-----------------------------------------------------|----------------------------|
| + Số thẻ biểu quyết đồng ý:          | <b>129</b> thẻ, Tương ứng <b>53.684.843</b> cổ phần | chiếm tỷ lệ: <b>100 %</b>  |
| + Số thẻ biểu quyết không đồng ý:    | <b>0</b> thẻ,                                       | 0, chiếm tỷ lệ: <b>0 %</b> |
| + Số thẻ biểu quyết không có ý kiến: | <b>0</b> thẻ,                                       | 0, chiếm tỷ lệ: <b>0 %</b> |

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 10 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 02 (hai) bản và đã được tất cả các thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban bầu cử và kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội../.

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trọng Đông**

**BAN VIÊN**



**Thái thị Thu Hương**

**BAN VIÊN**



**Nguyễn Quốc Đạt**

Hoàng Mai, ngày 24 tháng 4 năm 2018

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ; BAN KIỂM SOÁT

Hôm nay, ngày 24 tháng 4 năm 2018, vào lúc 11 giờ 30 phút, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được tổ chức tại Hội trường của Công ty, Ban Bầu cử và kiểm phiếu gồm:

- 1 Ông: Nguyễn Trọng Đồng - PQĐ Xưởng Khai thác - Trưởng ban
- 2 Ông: Nguyễn Quốc Đạt - Phó phòng Kế hoạch Chiến lược - Ban viên
- 3 Bà: Thái Thị Thu Hương - Nhân viên phòng Tổ chức&NNL - Ban viên

Đã tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2018-2023 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Tại thời điểm tiến hành bầu cử, tổng số cổ đông đăng ký tham dự và ủy quyền là 129 cổ đông, đại diện và sở hữu 53.684.843 cổ phần và chiếm 77,5 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

### I. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên HĐQT:

|                          |     |                   |            |                |
|--------------------------|-----|-------------------|------------|----------------|
| - Số phiếu phát ra:      | 129 | phiếu, tương ứng: | 53.684.843 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu thu về:       | 126 | phiếu, tương ứng: | 53.534.870 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu hợp lệ        | 126 | phiếu, tương ứng: | 53.534.870 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu không hợp lệ: | 0   | phiếu, tương ứng: | 0          | CP biểu quyết. |

### Kết quả bầu cử như sau:

- 1 Ông **Trần Đức Danh**: nhận được 126 phiếu bầu tương đương 99,721 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- 2 Ông **Đình Quang Dũng**: nhận được 126 phiếu bầu tương đương 99,721 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- 3 Ông **Trần Việt Hồng**: nhận được 126 phiếu bầu tương đương 99,721 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- 4 Ông **Lê Trung Kiên**: nhận được 126 phiếu bầu tương đương 99,721 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội
- 5 Ông **Nguyễn Quốc Việt**: nhận được 126 phiếu bầu tương đương 99,721 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

### II. Kết quả kiểm phiếu bầu thành viên BKS

|                          |     |                   |            |                |
|--------------------------|-----|-------------------|------------|----------------|
| - Số phiếu phát ra:      | 129 | phiếu, tương ứng: | 53.684.843 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu thu về:       | 128 | phiếu, tương ứng: | 53.540.770 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu hợp lệ        | 128 | phiếu, tương ứng: | 53.540.770 | CP biểu quyết. |
| - Số phiếu không hợp lệ: | 0   | phiếu, tương ứng: | 0          | CP biểu quyết. |





**Kết quả bầu cử như sau:**

- 1 Ông *Thái Huy Chương*: nhận được 128 phiếu bầu, tương đương 99,73 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- 2 Ông *Cao Trọng Nghiên*: nhận được 128 phiếu bầu, tương đương 99,73 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;
- 3 Ông *Nguyễn Văn Tuấn*: nhận được 128 phiếu bầu, tương đương 99,73 % số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội;

**III. Kết luận:**

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty và kết quả bầu trên đây

**1. Danh sách trúng cử thành viên Hội đồng quản trị:**

- 1 Ông: Trần Đức Danh.
- 2 Ông: Đinh Quang Dũng.
- 3 Ông: Trần Việt Hồng.
- 4 Ông: Lê Trung Kiên
- 5 Ông: Nguyễn Quốc Việt.

**2. Danh sách trúng cử thành viên Ban kiểm soát:**

- 1 Ông: Thái Huy Chương.
- 2 Ông: Cao Trọng Nghiên.
- 3 Ông: Nguyễn Văn Tuấn.

Việc kiểm phiếu được kết thúc bằng việc lập Biên bản kiểm phiếu vào lúc 12 giờ 30 phút cùng ngày.

Biên bản này gồm 02 (hai) trang, được lập thành 02 (hai) bản, đã được tất cả thành viên Ban bầu cử và kiểm phiếu đọc, hiểu và nhất trí với nội dung của Biên bản. Đại diện Ban Bầu cử và Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu ra trước Đại hội. Ban bầu cử và kiểm phiếu bản giao lại toàn bộ thẻ bầu cử và biên bản cho Ban Thư ký Đại hội.

**TÊN VÀ CHỮ KÝ BAN BẦU CỬ VÀ KIỂM PHIẾU**

**TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Trọng Đông**

**THÀNH VIÊN**



**Thái Thị Thu Hương**

**THÀNH VIÊN**



**Nguyễn Quốc Đạt**





CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



**PHIẾU BẦU  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

TÊN CỔ ĐÔNG: .....

Mã cổ đông:

 (1)

Số cổ phần nắm giữ:

 (2)

Số cổ phần đại diện ủy quyền

 (3)

Tổng số cổ phần có quyền bầu cử

 (4)

Tổng số lượt phiếu bầu

 (5)

(Tổng số lượt phiếu bầu = Tổng số cổ phần x 5 thành viên HĐQT)

Danh sách các ứng cử viên Hội đồng quản trị

| Số TT | Họ và tên<br>(Được xếp theo thứ tự AB) | Phương án 1<br>(phân bổ đều số lượt<br>phiếu bầu cho 05 ứng<br>viên) | Phương án 2<br>(phân bổ không đều đều<br>số lượt phiếu bầu cho<br>05 ứng viên) |
|-------|----------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1.    | Trần Đức Danh                          | ✓                                                                    |                                                                                |
| 2.    | Đình Quang Dũng                        | ✓                                                                    |                                                                                |
| 3.    | Trần Việt Hồng                         | ✓                                                                    |                                                                                |
| 4.    | Lê Trung Kiên                          | ✓                                                                    |                                                                                |
| 5.    | Nguyễn Quốc Việt                       | ✓                                                                    |                                                                                |

❖ Quý cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 2 phương án bầu trên đây.

- + Nếu Quý cổ đông thống nhất với phương án 1, đề nghị Quý cổ đông ký tên và không ghi gì thêm vào cột phương án 2.
- + Nếu Quý cổ đông không thống nhất với phương án 1 thì Quý cổ đông tự phân chia số lượt phiếu bầu cho các ứng viên đảm bảo tổng số lượt phiếu bầu không vượt quá tổng số cổ phần Quý cổ đông nắm giữ nhân với 5.

Hoàng Mai, ngày 24 tháng 4 năm 2018

**Cổ đông/ Đại diện cổ đông**

(Ký tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**PHIẾU BẦU  
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

TÊN CỔ ĐÔNG: .....

|                                 |                      |     |
|---------------------------------|----------------------|-----|
| Mã cổ đông:                     | <input type="text"/> | (1) |
| Số cổ phần nắm giữ:             | <input type="text"/> | (2) |
| Số cổ phần đại diện ủy quyền    | <input type="text"/> | (3) |
| Tổng số cổ phần có quyền bầu cử | <input type="text"/> | (4) |
| Tổng số lượt phiếu bầu          | <input type="text"/> | (5) |

(Tổng số lượt phiếu bầu = Tổng số cổ phần x 3 thành viên BKS)

Danh sách các ứng cử viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018- 2023

| Số TT | Họ và tên<br>(được xếp theo thứ tự A, B) | Phương án 1<br>(phân bổ đều số lượt<br>phiếu bầu cho 03 ứng<br>viên) | Phương án 2<br>(phân bổ không đều số<br>lượt phiếu bầu cho 03<br>ứng viên) |
|-------|------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|
| 1.    | Thái Huy Chương                          | ✓                                                                    |                                                                            |
| 2.    | Cao Trọng Nghiên                         | ✓                                                                    |                                                                            |
| 3.    | Nguyễn Văn Tuấn                          | ✓                                                                    |                                                                            |

- ❖ Quý cổ đông có thể lựa chọn 1 trong 2 phương án bầu trên đây.
  - + Nếu Quý cổ đông thống nhất với phương án 1, đề nghị Quý cổ đông ký tên và không ghi gì thêm vào cột phương án 2.
  - + Nếu Quý cổ đông không thống nhất với phương án 1 thì Quý cổ đông tự phân chia số lượt phiếu bầu cho các ứng viên đảm bảo tổng số lượt phiếu bầu không vượt quá tổng số cổ phần Quý cổ đông nắm giữ nhân với 3.

Hoàng Mai, ngày 24 tháng 4 năm 2018  
Cổ đông/ Đại diện cổ đông  
(Ký tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018



## THẺ BIỂU QUYẾT

TÊN CỔ ĐÔNG: .....

Mã cổ đông:

 (1)

Số cổ phần nắm giữ:

 (2)

Số cổ phần đại diện ủy quyền

 (3)

Tổng số cổ phần biểu quyết

 (4)

Ý kiến khác (nếu có):



## CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Tel: 0238.3866170; Fax: 0238.3866648

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2018

### THÔNG BÁO MỜI HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

**Kính gửi:** Quý cổ đông Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai trân trọng kính mời Quý Cổ đông tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai cụ thể như sau:

#### 1. Thời gian tổ chức:

- Thời gian: 08 giờ 00 phút ngày 24/4/2018.
- Địa điểm: Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.
- Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

#### 2. Nội dung chính của Đại hội:

- Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2017; Báo cáo kết quả SXKD năm 2017.
- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán;
- Thông qua báo cáo trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017;
- Thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát;
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty;
- Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ công ty;
- Thông qua Dự thảo bổ sung, sửa đổi: Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018- 2023;
- Một số nội dung liên quan khác.

#### 3. Tài liệu đại hội: Quý cổ đông có thể nhận tại:

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai – Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, hoặc:
- Truy cập từ website của Công ty : [www.ximanghoangmai.com.vn](http://www.ximanghoangmai.com.vn)

#### 4. Quý cổ đông hoặc người được uỷ quyền đến dự Đại hội xin vui lòng mang theo các giấy tờ sau:

- Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu;
- Thông báo mời họp;
- Giấy uỷ quyền và Thông báo mời họp của người uỷ quyền (trường hợp Quý cổ đông được uỷ quyền tham dự Đại hội).

*Rất hân hạnh được đón tiếp Quý Cổ đông!*

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



*Đình Quang Dũng*



## GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI NĂM 2018

**Kính gửi:** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là (tổ chức/cá nhân): .....

CMND/GPĐKKD số: ..... ngày cấp..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: .....

Số cổ phần sở hữu: ..... cổ phần  
(Bằng chữ: .....) )

### ỦY QUYỀN CHO

Ông (bà): .....

CMND số: ..... ngày cấp..... Nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số cổ phần được ủy quyền:.....

(Bằng chữ: .....) )

Được thay mặt tôi/đơn vị chúng tôi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai và có quyền thực hiện mọi quyền lợi và nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông liên quan đến số cổ phần được ủy quyền.

Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và của Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2018

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký & ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI ỦY QUYỀN**

(Ký & ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

**Ghi chú:**

- Nếu bên ủy quyền là tổ chức thì cần có thêm chữ ký của người đại diện theo pháp luật của tổ chức và đóng dấu của tổ chức;
- Quý cổ đông có thể ủy quyền tham dự đại hội để thực hiện mọi quyền lợi của Quý cổ đông tới:
  - Ông Đinh Quang Dũng – Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai
  - Ông Nguyễn Quốc Việt- U.V HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

Hoàng Mai, ngày 06 tháng 4 năm 2018



**CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ**

**Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018**

**Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai**

-----000-----

| Thời gian     | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 7h30 - 8h45   | - Đón tiếp đại biểu, cổ đông; văn nghệ chào mừng.<br>- Kiểm tra tư cách cổ đông, lập danh sách cổ đông có mặt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 8h45 - 9h00   | - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.<br>- Chào cờ, khai mạc Đại hội và giới thiệu đại biểu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 9h00 - 9h20   | - Giới thiệu thành viên tham gia Đoàn chủ tịch, Tổ thư ký.<br>- Thông qua chương trình làm việc và Quy chế làm việc của Đại hội;<br>- Thông qua danh sách Ban kiểm phiếu, Ban bầu cử.<br>- Thông qua các nội dung biểu quyết tại đại hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 9h20 - 10h30  | 1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017, Kết quả SXKD năm 2017.<br>2. Báo cáo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty.<br>3. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán và phương án trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017;<br>4. Báo cáo chủ trương xin tăng vốn điều lệ Công ty;<br>5. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát 2017 và Báo cáo đề nghị lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;<br>6. Báo cáo Dự thảo sửa đổi Điều lệ công ty; Báo cáo dự thảo sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; |
| 10h30 - 11h00 | Thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các nội dung đã báo cáo.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 11h00- 11h30  | - Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2018-2023.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 11h30 - 11h45 | - Thông qua Dự thảo Nghị quyết đại hội.<br>- Bế mạc Đại hội.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |

Hoàng Mai, ngày 06 tháng 4 năm 2018

**QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Để Đại hội được tiến hành một cách trật tự, đúng quy định của pháp luật, quy định của Điều lệ công ty và hoàn thành chương trình Đại hội đã được Quý cổ đông thông qua.

Ban tổ chức Đại hội kính trình Đại hội thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội với các nội dung như sau:

**1. TRẬT TỰ CỦA ĐẠI HỘI**

1.1. Tất cả những người tham dự Đại hội mặc trang phục chỉnh tề, gọn gàng.

1.2. Cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự đại hội, nên ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định; tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.

1.3. Không hút thuốc lá trong Phòng họp đại hội.

1.4. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong Phòng đại hội (tắt máy điện thoại hoặc để chế độ rung, không có chuông).

**2. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI**

2.1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của Đại hội đều phải được thông qua bằng cách biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Thẻ biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và được ủy quyền. Mỗi cổ đông được cấp 01 THẺ BIỂU QUYẾT in trên bìa màu vàng. Trên mỗi THẺ BIỂU QUYẾT có ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu và/hoặc được ủy quyền của cổ đông và có đóng dấu của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

2.2. Cách biểu quyết: Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết lần lượt từng phương án “đồng ý”, “không đồng ý” và “ý kiến khác” nếu có. Cổ đông biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hoặc ý kiến khác) một vấn đề bằng cách giơ THẺ BIỂU QUYẾT. Khi biểu quyết, mặt trước của THẺ BIỂU QUYẾT được hướng về phía Đoàn chủ tịch.

2.3. Thông qua các vấn đề của đại hội: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề trong cuộc họp được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp chấp thuận. Riêng quyết định về việc sửa đổi Điều lệ công ty chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội chấp thuận.

**3. BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Thủ tục ứng cử, đề cử nhân sự để bầu vào HĐQT, BKS, việc thực hiện bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018- 2023 phải tuân thủ đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử và Quy chế bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai. Quy định về việc ứng cử, đề cử





để bầu thành viên Hội đồng quản trị, bầu thành viên Ban kiểm soát đã được Công ty đăng tải trên website của Công ty theo quy định.

#### **4. PHÁT BIỂU Ý KIẾN TẠI ĐẠI HỘI**

4.1. Nguyên tắc: Cổ đông tham dự Đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải xin phép và phát biểu khi Đoàn chủ tịch đồng ý.

4.2. Cách thức phát biểu: Cổ đông phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình nghị sự của Đại hội đã được thông qua. Đoàn chủ tịch sẽ sắp xếp cho cổ đông phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông.

#### **5. TRÁCH NHIỆM CỦA ĐOÀN CHỦ TỊCH**

5.1. Điều khiển Đại hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại hội thông qua. Đoàn chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

5.2. Hướng dẫn Đại hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại hội.

5.3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong Đại hội.

#### **6. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ**

6.1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn bảo lưu tại Đại hội.

6.2. Soạn thảo Biên bản họp đại hội và Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại hội.

#### **7. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU**

7.1. Báo cáo đại hội kết quả biểu quyết của cổ đông về các vấn đề thông qua tại đại hội;

7.2. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết;

7.3. Báo cáo tổng hợp kết quả nhận hồ sơ ứng cử, đề cử ứng viên Hội đồng quản trị, ứng viên Ban kiểm soát trước đại hội;

7.4. Tiến hành kiểm phiếu ngay tại Đại hội, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên BKS;

7.5. Xem xét và báo cáo với Đại hội quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ bầu cử hoặc đơn từ khiếu nại về bầu cử.

Trên đây là toàn bộ Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội thông qua./.

**T/M BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**Đình Quang Dũng**

Hoàng Mai, ngày 06 tháng 4 năm 2018

## **QUY CHẾ BẦU CỬ**

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018- 2023 TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

#### **Điều 1. Mục tiêu của Quy chế bầu cử**

- Đảm bảo tuân thủ theo luật pháp Việt Nam.
- Đảm bảo nguyên tắc công khai, dân chủ và quyền lợi hợp pháp của tất cả cổ đông;
- Đảm bảo tính tập trung, ổn định tổ chức của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018;

#### **Điều 2. Đối tượng thực hiện bầu cử và đối tượng được bầu cử.**

- Đối tượng thực hiện bầu cử là cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Đối tượng được bầu cử là các ứng cử viên có đủ tiêu chuẩn và các điều kiện theo quy định của pháp luật và quy định của Ban tổ chức đại hội tại Văn bản “*Quy định về việc ứng cử, đề cử Hội đồng quản trị, ban kiểm soát Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai*” có hồ sơ ứng cử, đề cử gửi về cho Ban tổ chức trước 17h00 ngày 23/4/2018.

#### **Điều 3. Danh sách ứng viên, Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

##### **1. Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát**

- Được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

##### **2. Phiếu bầu và ghi phiếu bầu**

- Phiếu bầu được in thống nhất, có tổng số cổ phần, tổng số lượt phiếu bầu có quyền biểu quyết theo mã số tham dự;
- Cổ đông hoặc đại diện ủy quyền được phát đồng thời phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo mã số tham dự (*sở hữu và được ủy quyền*). Trên mỗi Phiếu bầu có ghi đầy đủ thông tin của cổ đông, số cổ phần sở hữu và hoặc số cổ phần được ủy quyền, tổng số lượt phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu và được ủy quyền nhân với số lượng ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

- Trường hợp Quý cổ đông dùng toàn bộ số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần được ủy quyền ghi trên Phiếu bầu của mình để bầu theo phương án phân bổ đều cho các ứng viên HĐQT, BKS thì Quý cổ đông bỏ phiếu bằng cách để nguyên Phiếu bầu (không ghi gì thêm) và chỉ ký tên trên Phiếu bầu.
- Trong trường hợp quý cổ đông không phân bổ đều số lượt phiếu bầu của mình (kể cả phần được ủy quyền) cho ứng viên HĐQT, BKS thì Quý cổ đông ghi trực tiếp ý kiến, số lượt phiếu bầu trên Phiếu bầu sao cho tổng số lượt phiếu bầu thành viên HĐQT, BKS không lớn hơn số lượt phiếu bầu (kể cả phần được ủy quyền) ghi trên Phiếu bầu đồng thời Quý cổ đông ký tên trên Phiếu bầu.
- Cổ đông hoặc người được ủy quyền phải tự mình ghi số lượt phiếu bầu cho từng ứng cử viên vào ô trống của ứng cử viên đó trên phiếu bầu.
- Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban kiểm phiếu đổi phiếu bầu khác;

### **3. Các trường hợp phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không theo mẫu quy định của Ban tổ chức Đại hội, không có dấu của Công ty;
- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thuộc danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;
- Phiếu có tổng số lượt phiếu bầu cho những ứng cử viên của cổ đông vượt quá tổng số lượt phiếu bầu được biểu quyết của cổ đông đó nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền).

### **Điều 4. Phương thức bầu cử**

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát thực hiện bỏ phiếu theo phương thức bầu dồn phiếu;
- Mỗi cổ đông có tổng số lượt phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;
- Cổ đông có thể dồn hết tổng số lượt phiếu bầu cho một người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

### **Điều 5. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

#### **1. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử**

- a. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Ban Kiểm phiếu và Bầu cử có trách nhiệm:

- Thông qua Quy chế bầu cử;
- Phát phiếu bầu và hướng dẫn cách thức ghi phiếu bầu;
- Tiến hành kiểm phiếu;
- Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

c. Thành viên Ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

## **2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu**

- a. Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d. Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu và bầu cử công bố trước Đại hội.

## **Điều 6. Nguyên tắc trúng cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

- Nguyên tắc trúng cử:
  - + Ứng cử viên trúng cử vào Hội đồng quản trị là 05 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;
  - + Ứng cử viên trúng cử vào Ban kiểm soát là 03 ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất;
  - + Trong trường hợp không lựa chọn được số thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát theo dự kiến do có nhiều ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau thì sẽ tổ chức bầu lại riêng những người đó để chọn người có số phiếu bầu cao hơn.

## **Điều 7. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu**

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu.
- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

## **Điều 8. Khiếu nại về việc bầu cử.**

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu (nếu có) sẽ do chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông.

## **Điều 9. Hiệu lực thi hành:**



- Quy chế bầu cử này gồm 9 Điều, được công bố công khai trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của toàn thể cổ đông có mặt dự Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

- Quy chế này sẽ có hiệu lực thi hành bắt buộc đối với tất cả các cổ đông và người liên quan đến việc bầu Hội đồng quản trị, bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 - 2023 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.

- Trên đây là Quy chế bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2023 tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Ban tổ chức Kính trình Đại hội./.

**TM. BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**ĐÌNH QUANG DŨNG**

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
SXKD NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả hoạt động SXKD của Công ty năm 2017, kế hoạch SXKD năm 2018 với những nội dung sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2017**

**1. Thuận lợi:**

- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP.
- GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6,81% là mức cao nhất trong 6 năm qua, vượt mục tiêu đề ra. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, trong đó riêng Ngành xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7% (nguồn: Tổng cục Thống kê).
- Lãi suất cho vay giảm nhẹ và ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Về xuất khẩu cả năm 2017, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm 2016, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua (nguồn: Tổng cục thống kê).
- Tại Nghệ An, tính chung cả năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng gần 14% so với năm trước, trong đó tổng lượng xi măng tiêu thụ ước đạt 2,63 triệu tấn, tăng 28%, clinker bán ra 3,81 triệu tấn, gấp 6,2 lần so với cùng kỳ năm 2016 (Theo Báo Nghệ An).

**2. Khó khăn:**

- Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng tăng 5,61%. (Nguồn: Tổng cục Thống kê).
- Sau 3 năm không tăng giá, giá điện bắt đầu tăng 6,08% so với giá bình quân tính từ thời điểm 01/12/2017 cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.
- Tỷ giá EUR/VNĐ tăng mạnh so với đầu năm (tăng 12,6%); lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh.
- Trong năm, tổng công suất thiết kế của ngành xi măng Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng với nhiều Doanh nghiệp xi măng tham gia vào thị trường. Tại địa bàn tiêu thụ chính của Vicem Hoàng Mai tính đến cuối năm 2016,

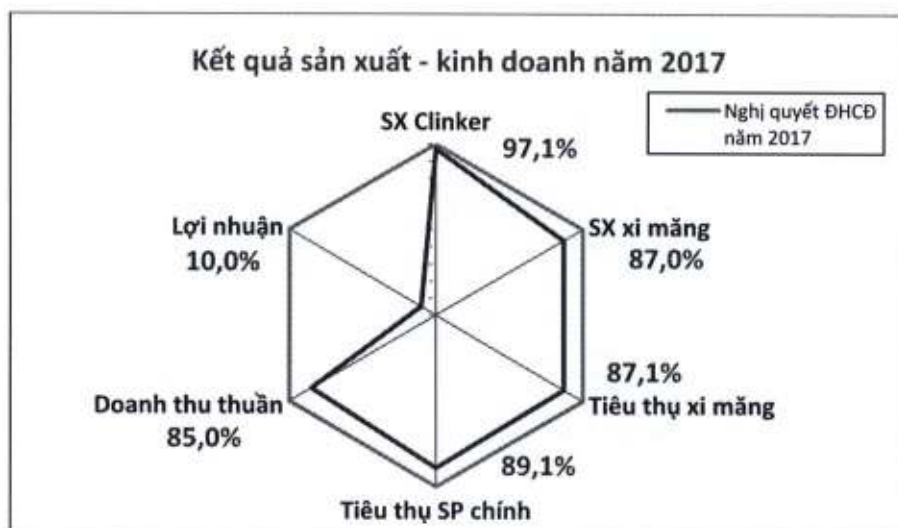
đầu năm 2017 có thêm 04 dây chuyền mới đi vào hoạt động nâng nguồn cung clinker, xi măng thêm 12,6 triệu tấn/năm: Vissai Sông Lam 4,6 triệu tấn/năm, Công Thanh 6 triệu tấn/năm, Long Sơn 2 triệu tấn/năm. Điều này khiến cho thị trường xi măng tiếp tục “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn.

- Trong năm 2017, tình hình chính trị bất ổn tại Philippin bắt đầu vào tháng 4 ảnh hưởng tới việc xuất khẩu xi măng và clinker trong nước nói chung, Vicem Hoàng Mai nói riêng.
- Tình hình mưa lũ kéo dài trong các tháng 7, 8, 9 ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động xây dựng công trình cũng như hoạt động vận chuyển, vận tải hàng hóa. Từ đó tác động tới sản lượng xi măng tiêu thụ của Công ty.

## II. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017.

### 1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính:

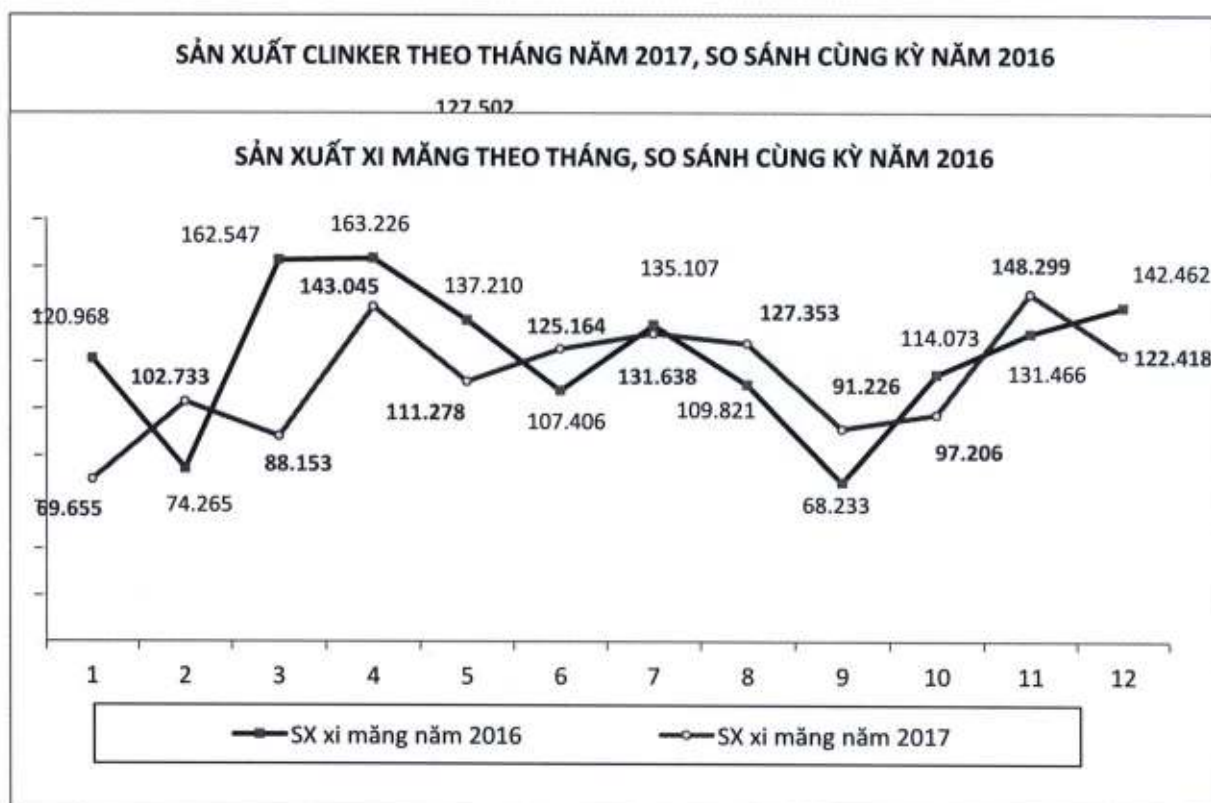
| TT       | Chỉ tiêu                  | ĐVT     | Kế hoạch năm 2017 | Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017 | Thực hiện          |                    |                     |                    |
|----------|---------------------------|---------|-------------------|--------------------------|--------------------|--------------------|---------------------|--------------------|
|          |                           |         |                   |                          | Thực hiện năm 2017 | Thực hiện năm 2016 | % TH. 2017/ KH 2017 | % TH 2017/ TH 2016 |
| 1        | 2                         | 3       |                   | 4                        | 5                  | 6                  | 7=6/4               | 8=6/5              |
| <b>A</b> | <b>SẢN XUẤT</b>           |         |                   |                          |                    |                    |                     |                    |
| 1        | Clinker                   | Tấn     | 1.353.000         | 1.300.000                | 1.261.883          | 1.269.240          | 97,1%               | 99,4%              |
| 2        | Xi măng                   | Tấn     | 1.845.000         | 1.600.000                | 1.392.617          | 1.466.783          | 87,0%               | 94,9%              |
| <b>B</b> | <b>TIÊU THỤ</b>           |         |                   |                          |                    |                    |                     |                    |
| 1        | <b>Tổng SLTT</b>          | Tấn     | 2.065.000         | 1.785.000                | 1.589.860          | 1.699.702          | 89,1%               | 93,5%              |
|          | <i>Clinker</i>            | Tấn     | 185.000           | 185.000                  | 195.794            | 201.424            | 105,8%              | 97,2%              |
|          | <i>Xi măng</i>            | Tấn     | 1.880.000         | 1.600.000                | 1.394.066          | 1.498.278          | 87,1%               | 93,0%              |
| <b>C</b> | <b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH</b> |         |                   |                          |                    |                    |                     |                    |
| 1        | Doanh thu thuần           | Tỷ đồng | 1.839,68          | 1.661,0                  | 1.412              | 1.581              | 85,0%               | 89,3%              |
| 2        | Lợi nhuận Trước thuế TNDN | Tỷ đồng | 82,39             | 61,2                     | 6,13               | 60,62              | 10,0%               | 10,1%              |
| 3        | EBITDA                    | Tỷ đồng | 240,28            |                          | 149,2              | 214,24             |                     | 69,8%              |
| 4        | Nộp ngân sách             | Tỷ đồng | 89,39             |                          | 53,26              | 67,29              |                     | 79,2%              |



## 2. Đánh giá chung các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

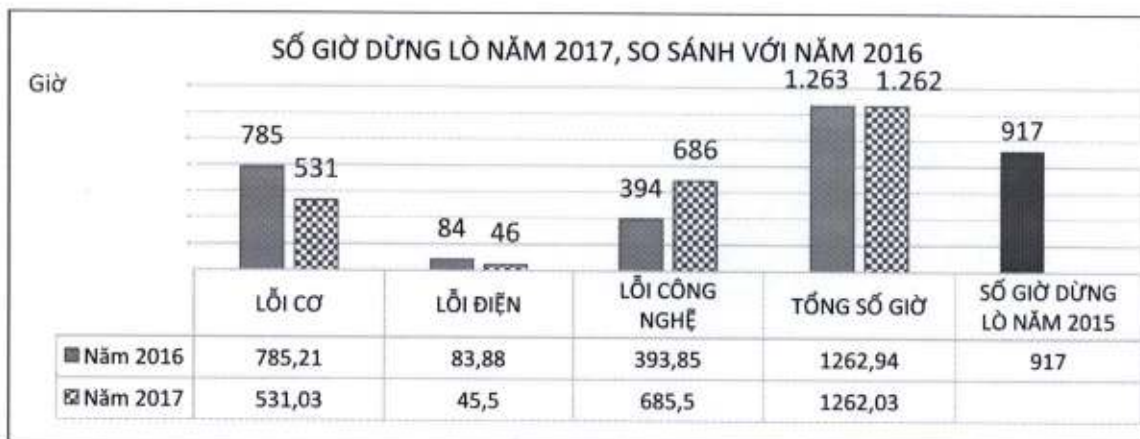
### 2.1. Đánh giá công tác sản xuất clinker - xi măng

Sản lượng Clinker thực hiện năm 2017 là 1.261.883 tấn bằng 99,4% sản lượng thực hiện năm 2016 và đạt 97,1% so với nghị quyết ĐHCĐ năm 2017. Đối với sản lượng xi măng sản xuất trong năm 2017 đạt 1.392.617 tấn bằng 94,9% so với năm 2016 và đạt 87% so với Nghị quyết ĐHCĐ năm 2017.



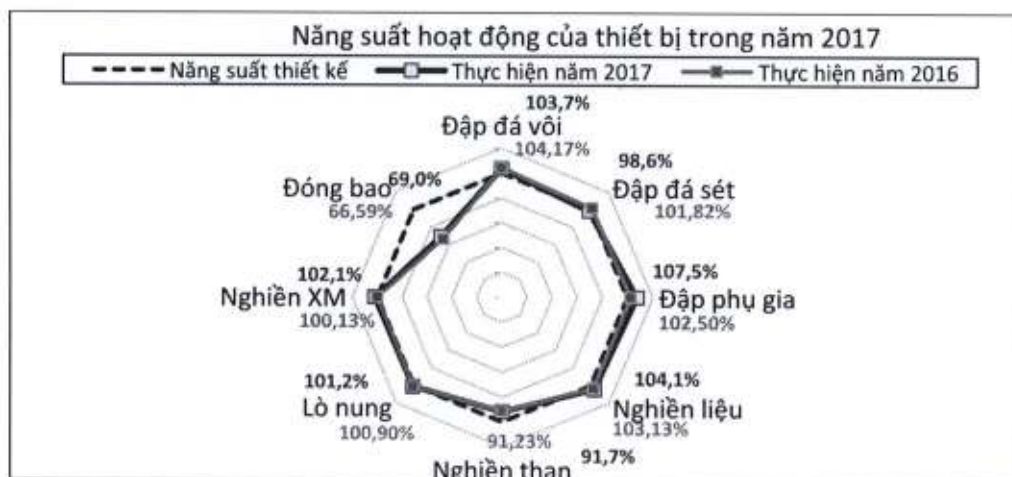


Trong năm 2017: tính đến thời điểm đầu tháng 12 năm 2017, Công ty đã phải dừng lò là: 36 lần (trong đó lỗi cơ 08 lần, lỗi công nghệ 10 lần, lỗi điện 18 lần), tổng thời gian dừng lò trong năm 2017 là 1.262,1 giờ. So với năm 2016, số lần dừng lò ít hơn 1 lần tương đương với ít hơn 0,91 giờ.

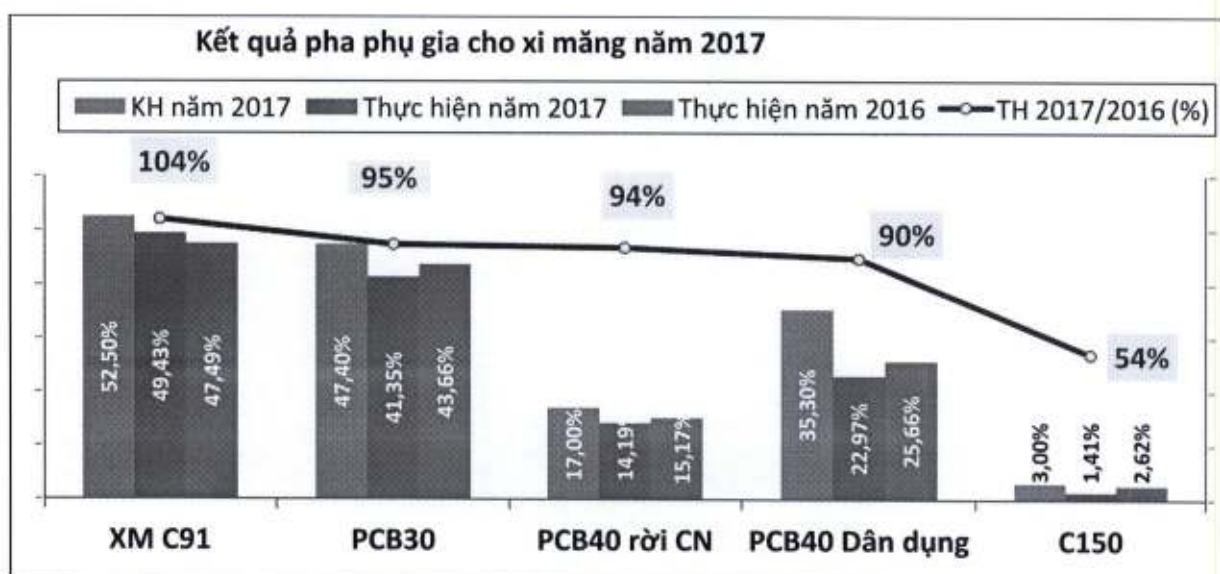
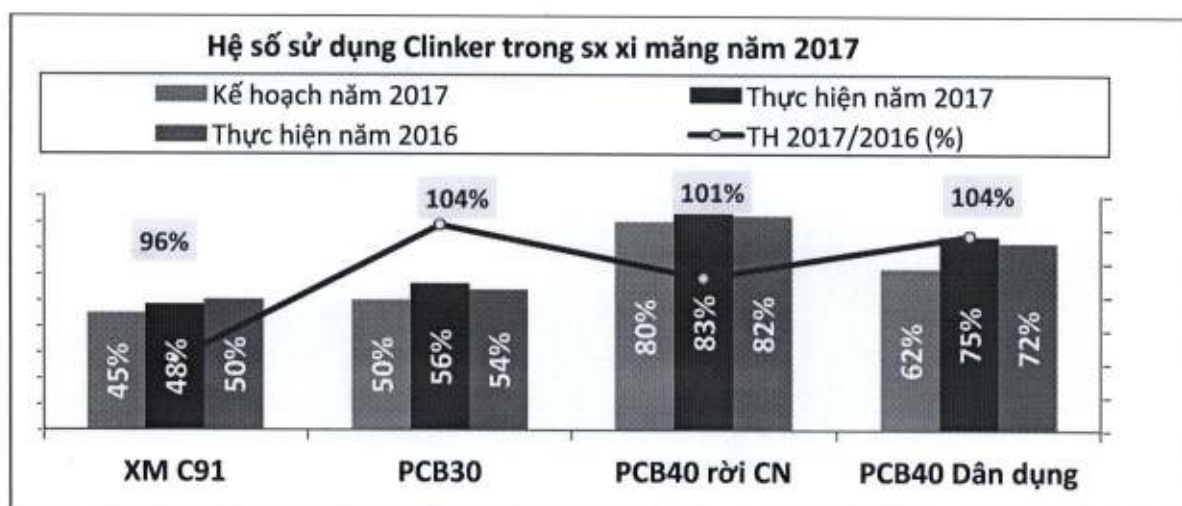
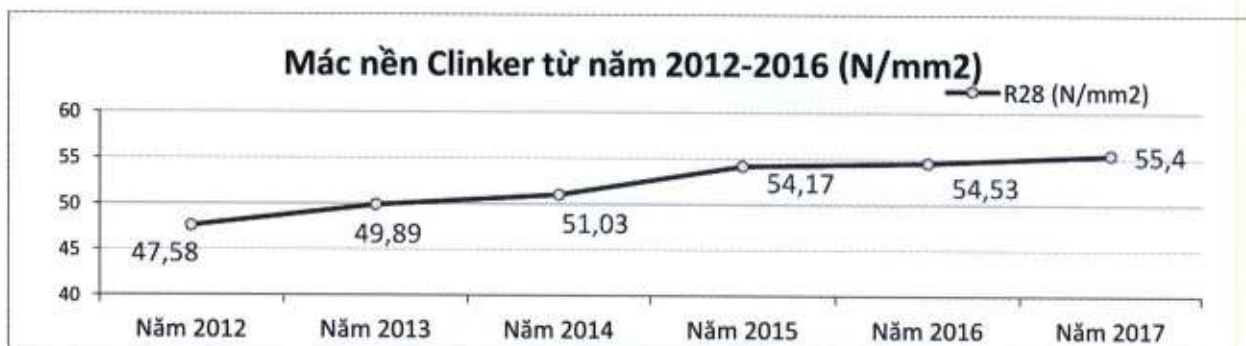


Trong năm 2017, ngoại trừ công đoạn máy nghiền than thì các công đoạn thiết bị còn lại đều đạt năng suất thiết kế. Riêng lò nung, trong năm 2017 có năng suất hoạt động tương đương năng suất thiết kế và cao hơn so với năm 2016 (169/168,5 tấn/giờ). Trong năm 2017, Công ty đã phải dừng lò nung thụ động đến 4 lần để khắc phục vết nứt vành băng đa, trong đó, tháng 4/2017 dừng lò để sửa chữa kết hợp hàn 01 vết nứt mất thời gian 17 ngày; tháng 8/2017 dừng 13 ngày; tháng 10/2017 dừng 03 ngày và tháng 11/2017 dừng 02 ngày để hàn vành băng đa. Tổng thời gian dừng lò năm 2017 là 52,58 ngày trong đó dừng ngoài kế hoạch để hàn và sửa chữa vành băng đa là 18,67 ngày. Việc khắc phục sự cố vành băng đa là nguyên nhân chủ yếu làm cho sản lượng sản xuất clinker không đạt kế hoạch cũng như việc tăng các định mức tiêu hao.

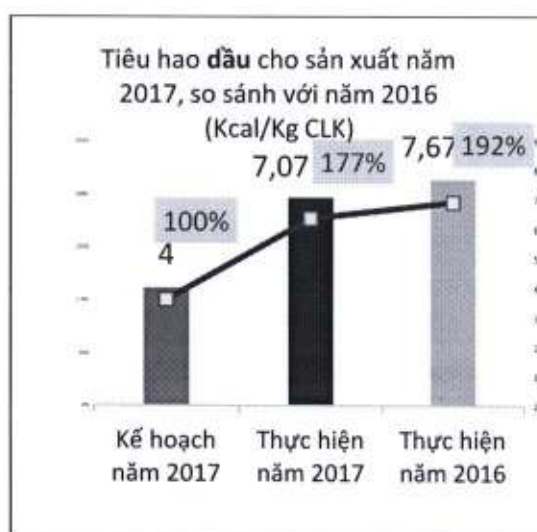
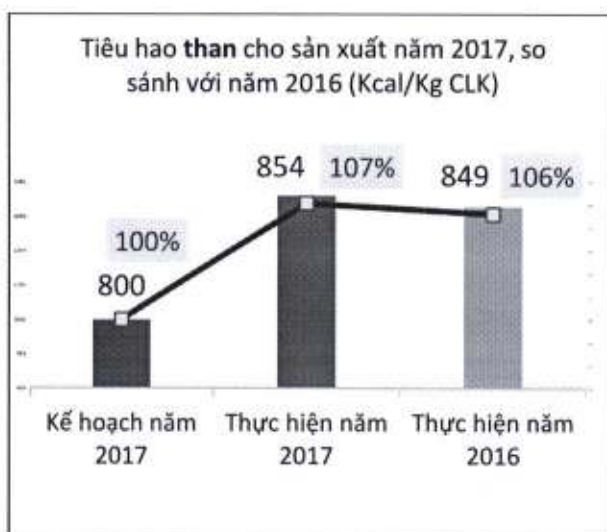
Đối với công đoạn nghiền than, thời tiết mưa nhiều ảnh hưởng đến chất lượng một số lô than nhập (độ ẩm cao) làm treo kết cân trong quá trình vận hành, làm ảnh hưởng đến năng suất máy nghiền than, không đạt năng suất thiết kế.



Chất lượng clinker năm 2017 ổn định và tăng cao hơn so với năm 2016, mức nền trung bình năm 2017 là 55,4 N/mm<sup>2</sup> tăng cao so với năm 2016 (năm 2016 đạt 54,53N/mm<sup>2</sup>) đã góp phần nâng tỷ lệ pha phụ gia trong sản xuất xi măng cao hơn so với năm 2016.



Các tiêu hao định mức kinh tế kỹ thuật như tiêu hao dầu, tiêu hao than cao hơn định mức. Nguyên nhân chính do ảnh hưởng của số lần dừng lò nhiều trong năm 2017, bên cạnh đó do một số nút thắt công nghệ vẫn chưa được xử lý triệt để như nhiệt gió 3 vẫn còn thấp chỉ đạt mức từ 850 đến 900 độ (mặc dù công ty đã cải tạo ghi 1 và điều chỉnh thông số vận hành để nâng nhiệt gió 3 từ dưới 800 độ lên trên 850 độ), khả năng cháy trên calciner thấp, hệ thống 5 tầng có nhiều vị trí tồn thất nhiệt so lớp lót mòn nhiều sau nhiều năm hoạt động. Tiêu hao than năm 2017 là 854 kcal/kg Clk, cao hơn 7% so với kế hoạch đặt ra (800 kcal/kg Clk); tăng 0,6% so với cùng kỳ năm 2016 (849 kcal/kg Clk). Tiêu hao dầu năm 2017 ở mức 7,07 kcal/kg Clk, cao hơn so với kế hoạch 2017 và bằng 92% so với thực hiện cùng kỳ năm 2016 (7,67kCal/kg Clk)



## 2.2. Tình hình tiêu thụ sản phẩm xi măng – clinker năm 2017

### a) Kết quả tiêu thụ clinker - xi măng năm 2017

Năm 2017, tổng sản lượng tiêu thụ Vicem Hoàng Mai đạt 1.589.860 tấn giảm 6,5% so với cùng kỳ 2016 và đạt 89,1% so với Nghị quyết HĐQT. Trong đó sản lượng xi măng tiêu thụ giảm 7,0% so với năm 2016, đạt 87,1% so với Nghị quyết HĐQT năm 2017.

Sản lượng tiêu thụ clinker năm 2017 đạt 195.907 tấn, giảm 2,7% so với năm 2016; tăng 5,8% so với Nghị quyết HĐQT năm 2017.

Sản lượng xi măng xuất khẩu năm 2017 đạt 95.800 tấn, tăng 91,6% với cùng kỳ năm 2016, vượt 6,4% so với kế hoạch 2017.

Tổng Công ty. Tuy nhiên, sản lượng xi măng gia công cho Vicem Bim Sơn đạt thấp và ngày càng sụt giảm.

- Năng lực cạnh tranh của Xi măng Vicem Hoàng Mai giảm sút. Đầu tháng 6/2017, trạm nghiền xi măng Nghi Thiết công suất 3,5 triệu tấn/năm của xi măng Vissai Sông Lam đã đi vào hoạt động, tiếp tục gây khó khăn cho xi măng Vicem tại địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh.

- Các địa bàn tiêu thụ chính lại là các địa điểm chịu ảnh hưởng tới trong mùa mưa bão kéo dài trong Quý III năm 2017, việc tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn.

❖ *Công tác phối hợp thị trường:*

- Việc phối hợp thị trường giữa Hoàng Mai – Bim Sơn – Nghi Sơn được duy trì thường xuyên, tạo sự thống nhất về giá bán trên thị trường.

- Sự phối hợp thị trường giữa các đơn vị khác trong Vicem đã có sự trao đổi thông tin để cùng nhau hỗ trợ xử lý khi thị trường có những diễn biến bất thường, thực hiện hợp bàn kế hoạch phối hợp thị trường tháng tiếp theo.

- Hàng tháng, Vicem Hoàng Mai đã thực hiện văn bản báo cáo phối hợp thị trường gửi về Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo quy định.

❖ *Những việc đã làm được:*

- Điều hành cơ chế chính sách tương đối linh hoạt, kịp thời tăng khả năng cạnh tranh cho xi măng Vicem, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho hệ thống phân phối.

- Mặc dù đối mặt nhiều khó khăn, sản lượng, thị phần tại địa bàn chính Nghệ An giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2017, nhưng trong Quý IV Vicem Hoàng Mai dần khắc phục các khó khăn, điều hành chính sách sát với diễn biến thị trường và đang trong đà phục hồi, duy trì thị phần xi măng tại Nghệ An trên 40%.

- Thực hiện kịp thời các định hướng của Tổng công ty, tích cực phối hợp với các đoàn, nhóm công tác Vicem khắc phục những mặt tồn tại, cải thiện công tác bán hàng, tổ chức lại nhân sự về tiêu thụ.

- Phối hợp với tổ công tác Vicem khảo sát, đánh giá thị trường Nghệ An, Hà Tĩnh và đã thực hiện hợp nhất thương hiệu chung Vicem tại địa bàn Nghệ An, Hà Tĩnh từ ngày 15/5/2017.

- Tổ chức hội nghị khách hàng công bố việc hợp nhất tại 03 vùng địa bàn Nghệ An.

- Làm việc với từng NPP, phân công địa bàn tiêu thụ, chuyển giao hệ thống cửa hàng, khách hàng tại từng vùng sau khi hợp nhất đảm bảo phù hợp với thể mạnh của từng NPP.

- Về quản lý địa bàn tiêu thụ: Cơ bản các vi phạm về quản lý địa bàn giảm rõ rệt, số lần phạt vi phạm năm 2017 là 01 lần, giảm 07 lần so với năm 2016.

❖ *Một số tồn tại cần khắc phục:*

- Khả năng dự báo và ứng phó trước sự xâm nhập mạnh của các loại xi măng mới còn hạn chế, thiếu đối sách kịp thời.

- Chưa có giải pháp hiệu quả thúc đẩy tăng sản lượng tại những vùng có thị phần, độ phủ thấp. Việc rà soát, đánh giá và điều chỉnh chính sách bán hàng chưa thực sự tốt.

- Các giải pháp thúc đẩy tăng sản lượng, thị phần tại các vùng khó như Vinh, Hưng Nguyên, Nam Đàn, Nghi Lộc.... như chương trình Nhà thầu dân dụng, Thương du lịch, Chương trình phân chia địa bàn,... tuy có kết quả nhưng chưa đạt mục tiêu.

- Việc định vị và phát triển xi măng C91 tại các vùng đô thị chưa hiệu quả, đặc biệt là công tác truyền thông, quảng bá sản phẩm.

- Tại các địa bàn giáp ranh còn tình trạng bán trái vùng, ảnh hưởng đến hiệu quả, tâm lý kinh doanh của hệ thống.

- Tuy sự phối hợp giữa khối sản xuất và tiêu thụ có sự điều phối tốt, tuy vậy vẫn còn những vấn đề cần khắc phục để nâng cao năng lực xuất xi măng, đảm bảo chất lượng theo nhu cầu của khách hàng, tăng tính cạnh tranh so với đối thủ như: nâng cao cường độ phát triển sớm R3- R7, chất lượng bao bì, khâu điều phối đóng bao, lưu kho các loại bao jumbo, bao sling, bao xi măng xuất khẩu.

### **3/. Công tác đầu tư xây dựng**

#### **3.1. Báo cáo thực hiện kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2017**

- Kế hoạch đầu tư: 52.018 triệu đồng

- Thực hiện năm 2017: 17.837 triệu đồng = 34,29%

Trong đó,

+ Thực hiện các dự án nhóm A: 500 triệu đồng

+ Thực hiện các dự án nhóm C: 17.337 triệu đồng/19.900 triệu đồng, = 87,12%

#### **3.2. Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch ĐTXD năm 2017:**

- Kết quả thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng dự án nhóm A, B, C năm 2017 chỉ đạt 34,29% kế hoạch năm, nguyên nhân là do các dự án lớn đang ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư, nên gặp nhiều khó khăn trong thủ tục xin phép đầu tư cũng như thỏa thuận vị trí xây dựng, nên đã ảnh hưởng đến công tác triển khai theo kế hoạch:

+ Đối với Dự án xi măng Hoàng Mai 2 do chưa thống nhất được vị trí xây dựng với UBND tỉnh Nghệ An nên các dự án chuẩn bị cho công tác đầu tư chưa có cơ sở để thực hiện.

+ Đối với các dự án nhóm C:

- Dự án đường ống cấp nước thô từ giếng khoan về nhà máy đã hoàn thành khối lượng và bàn giao nghiệm thu đưa vào sử dụng trong tháng 10/2017;

- Dự án xin cấp lại giấy phép khai thác mỏ đá vôi Hoàng Mai B đã hoàn thiện các thủ tục xin cấp phép theo yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường Tuy nhiên đến nay vẫn chưa được cấp giấy phép khai thác được cấp là do đang có ý kiến về công suất khai thác phải được chính phủ chấp thuận;

- Dự án đền bù giải phóng mặt bằng chậm tiến độ là do công việc xác định nguồn gốc sử dụng đất có nhiều vướng mắc như đất thuộc địa bàn tỉnh Thanh Hóa quản lý, nhưng người dân của Nghệ An lại canh tác, không có sự theo dõi của chính quyền về nguồn gốc sử dụng đất, nên khi xác định nguồn gốc sử dụng còn có sự tranh chấp, bên cạnh đó trên địa bàn huyện Tĩnh Gia có nhiều dự án đầu tư nên Hội đồng đền bù dành nhiều thời gian cho dự án mới đầu tư trên địa bàn huyện.

#### **4/. Công tác tổ chức, lao động và các công tác khác**

##### *4.1. Về công tác tổ chức lao động:*

- Tổng số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2017 là 953 người, trong đó có 174 lao động nữ. Công ty đã và đang tiến hành rà soát lại lao động, xây dựng định biên lao động, thực hiện phương án giảm khoảng trên 100 lao động dư so với nhu cầu sử dụng nhằm phát huy tối đa hiệu quả trong công tác quản lý và sử dụng nhân lực;

- Trên cơ sở tổ chức lại bộ máy, định biên, bố trí, sắp xếp lại lao động, công ty đang tiến hành rà soát lại để sửa đổi, ban hành mới quy chế tiền lương cho phù hợp với điều kiện, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính công bằng cho cán bộ, người lao động.

##### *4.2. Về công tác tiền lương, thu nhập:*

Năm 2017, Công ty thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách về tiền lương, tiền thưởng, ăn ca, BHXH, BHYT, BHTN, trợ cấp ốm đau, thai sản, khám sức khỏe định kỳ, tham quan du lịch học tập kinh nghiệm, giao lưu VHVN, TDTT cho CBCNV lao động của Công ty;

- Tổng quỹ tiền lương cho người lao động năm 2017 là 110 tỷ đồng, bằng 98,21% so với năm 2016. Tiền lương bình quân năm 2017 của người quản lý là 38 triệu/người/tháng, giảm 7,3% so với năm 2016.

##### *4.3. Công tác đào tạo.*

- Năm 2017, Công ty tổ chức 56 khóa đào tạo các lĩnh vực quản lý, tài chính, kinh tế, kỹ thuật, cụ thể như: khóa đào tạo cao cấp lý luận chính trị; khóa đào tạo Nâng cao năng lực quản trị cho cán bộ cấp trung; nhà lãnh đạo thế hệ mới, giám đốc SX chuyên nghiệp, tạo động lực cho nhân viên, quản lý sản xuất dành cho trưởng ca, tổ trưởng; kỹ năng làm việc cho cán bộ quản lý kỹ thuật. Kiến thức về Công nghệ XM cho lãnh đạo không trực tiếp điều hành SX XM, đào tạo kỹ

năng bán hàng, Tập huấn nghiệp vụ PCCC, diễn tập khu vực phòng thủ với tổng số đạt 1.840 lượt người được đào tạo và tổng giá trị đào tạo đạt 3,2 tỷ đồng,

#### 4.4 Công tác từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội, vì cộng đồng.

Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất, kinh doanh, Ban Lãnh đạo công ty đã phối hợp với Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty tổ chức phát động các phong trào tương trợ giúp nhau vượt qua khó khăn và tham gia công tác an sinh xã hội như lập quỹ tình thương đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt; ủng hộ quỹ khuyến học khuyến tài, hưởng ứng chương trình nông thôn mới, gia đình chính sách, nhận phụng dưỡng bà mẹ liệt sỹ... Trong năm 2017, riêng công tác ủng hộ, từ thiện nhân đạo, an sinh xã hội Công ty thực hiện đạt giá trị hơn 2 tỷ đồng, khẳng định sự đặc biệt quan tâm của Công ty đối với công tác từ thiện, nhân đạo, công tác an sinh xã hội vì cộng đồng của Công ty.

### III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018.

Căn cứ trên dự báo cung cầu xi măng, khả năng huy động thiết bị và các nguồn lực của Công ty, Hội đồng quản trị đã thống nhất trình Đại hội đồng cổ đông kế hoạch SXKD năm 2018, cụ thể như sau:

| TT          | Các chỉ tiêu                      | ĐVT        | Mục tiêu         |
|-------------|-----------------------------------|------------|------------------|
| <b>I</b>    | <b>SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT</b>         |            |                  |
| 1           | Clinker                           | Tấn        | 1.300.000        |
| 2           | Xi măng sx tại nhà máy            | Tấn        | 1.600.000        |
| <b>II</b>   | <b>SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ</b>         |            | <b>1.670.000</b> |
| 1           | Clinker                           | Tấn        | 70.000           |
| 2           | Xi măng                           | Tấn        | 1.600.000        |
| <b>III.</b> | <b>CHI PHÍ</b>                    |            |                  |
|             | - Tổng quỹ lương                  | Tỷ đồng    | 112,6            |
|             | - Tổng chi phí bán hàng           | Tỷ đồng    | 78,7             |
|             | - Tổng chi phí quản lý DN         | Tỷ đồng    | 77,4             |
|             | - Chi phí tài chính               | Triệu đồng | 23,5             |
| <b>IV</b>   | <b>KẾT QUẢ SXKD</b>               |            |                  |
| 1           | Doanh thu thuần                   | Tỷ đồng    | 1.501,9          |
| 2           | Lợi nhuận trước thuế              | Tỷ đồng    | 23,0             |
| 3           | EBITDA                            | Tỷ đồng    | 182,4            |
| 4           | Nộp ngân sách                     | Tỷ đồng    | 51,2             |
| 5           | Ngân sách Đầu tư xây dựng         | Tỷ đồng    | 58,3             |
| 6           | Chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản | Tỷ đồng    | 5,3              |

| TT | Các chỉ tiêu                              | ĐVT     | Mục tiêu |
|----|-------------------------------------------|---------|----------|
| 7  | Chi phí sửa chữa tài sản vật<br>kiến trúc | Tỷ đồng | 6,9      |
| 8  | Chi phí sửa chữa tài sản cố<br>định       | Tỷ đồng | 105,6    |

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017 và các năm trước về việc đầu tư dự án Nhà máy xi măng Hoàng Mai 2 và thống nhất tiếp nhận từ Tổng công ty công nghiệp Xi măng Việt Nam Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông & vật liệu xây dựng không nung Đông Hội và Dự án cảng Vicem Đông Hội. Theo đó, hiện nay Công ty đang tích cực đồng thời triển khai các bước của Dự án. Để chuẩn bị đủ nguồn vốn thực hiện Dự án Xi măng Hoàng Mai 2 và các Dự án nêu trên, Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông thống nhất không chia cổ tức năm 2018 và để lại đầu tư phát triển cho việc mở rộng quy mô sản xuất của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. Hội đồng quản trị Công ty báo cáo Quý vị cổ đông./.

Hoàng Mai, ngày 06 tháng 04 năm 2018

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Dũng**



## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2017

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai báo cáo kết quả thực hiện quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, về quản trị và hoạt động SXKD của Công ty năm 2017 với những nội dung sau:

### **I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH NĂM 2017**

#### **1. Thuận lợi:**

- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP.
- GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6,81% là mức cao nhất trong 6 năm qua, vượt mục tiêu đề ra. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, trong đó riêng Ngành xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7% (nguồn: Tổng cục Thống kê).
- Lãi suất cho vay giảm nhẹ và ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Về xuất khẩu cả năm 2017, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm 2016, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua (nguồn: Tổng cục thống kê).
- Tại Nghệ An, tính chung cả năm 2017, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng gần 14% so với năm trước, trong đó tổng lượng xi măng tiêu thụ ước đạt 2,63 triệu tấn, tăng 28%, clinker bán ra 3,81 triệu tấn, gấp 6,2 lần so với cùng kỳ năm 2016 (Theo Báo Nghệ An).

#### **2. Khó khăn:**

- Chỉ số giá nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu dùng cho xây dựng tăng 5,61%. (Nguồn: Tổng cục Thống kê).
- Sau 3 năm không tăng giá, giá điện bắt đầu tăng 6,08% so với giá bình quân tính từ thời điểm 01/12/2017 cũng ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017.
- Tỷ giá EUR/VNĐ tăng mạnh so với đầu năm (tăng 12,6%); lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh.
- Trong năm, tổng công suất thiết kế của ngành xi măng Việt Nam vẫn tiếp tục tăng trưởng với nhiều Doanh nghiệp xi măng tham gia vào thị trường.

Tại địa bàn tiêu thụ chính của Vicem Hoàng Mai tính đến cuối năm 2016, đầu năm 2017 có thêm 04 dây chuyền mới đi vào hoạt động nâng nguồn cung clinker, xi măng thêm 12,6 triệu tấn/năm: Vissai Sông Lam 4,6 triệu tấn/năm, Công Thanh 6 triệu tấn/năm, Long Sơn 2 triệu tấn/năm. Điều này khiến cho thị trường xi măng tiếp tục “cung” vượt quá “cầu” nên cạnh tranh càng quyết liệt hơn.

- Trong năm 2017, tình hình chính trị bất ổn tại Philippin bắt đầu vào tháng 4 ảnh hưởng tới việc xuất khẩu xi măng và clinker trong nước nói chung, Vicem Hoàng Mai nói riêng.
- Tình hình mưa lũ kéo dài trong các tháng 7, 8, 9 ảnh hưởng rất lớn tới các hoạt động xây dựng công trình cũng như hoạt động vận chuyển, vận tải hàng hóa. Từ đó tác động tới sản lượng xi măng tiêu thụ của Công ty.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017.**

### **1. Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:**

Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 06 cuộc họp trực tiếp và 10 cuộc họp không trực tiếp theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua việc giao ban công việc hàng tháng, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD trong năm 2017 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT; Xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban điều hành. Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định.

Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh

doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

## **2. Việc miễn nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

Ngày 29/09/2017, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nhận được Đơn xin thôi nhiệm vụ Ủy viên Hội đồng quản trị của ông Dương Đình Hội theo nguyện vọng cá nhân. Tại phiên họp ngày 29/09/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất ban hành Nghị quyết số 32/NQ-XMHHM-HĐQT với nội dung: Nhất trí đề ông Dương Đình Hội thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty theo nguyện vọng cá nhân đề nghị hưu hưởng chế độ BHXH theo quy định, kể từ ngày 01/10/2017.

Ngày 01/12/2017, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nhận được Đơn xin thôi nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị của bà Trần Thị Minh Anh theo nguyện vọng cá nhân. Tại phiên họp ngày 01/12/2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất ban hành Nghị quyết số 46/NQ-XMHHM-HĐQT với nội dung: Thống nhất đề bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai và thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty kể từ ngày 02/12/2017; Thống nhất tạm giao thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai cho ông Nguyễn Quốc Việt, Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty, kể từ ngày 02/12/2017.

Ngày 05/02/2018, Hội đồng thành viên Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM) đã có Quyết định số 209/QĐ-VCEM về việc nhân sự đại diện ủy quyền và điều chỉnh tỷ lệ quản lý phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai. Tại phiên họp ngày 08/02/2018, Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất ban hành Nghị quyết số 11/NQ-XMHHM-HĐQT với nội dung: Thống nhất bầu ông Đinh Quang Dũng – Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), người đại diện ủy quyền quản lý 204.918.000.000 đồng phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 28,46% vốn điều lệ) tham gia Hội đồng quản trị và giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018.

Cũng tại phiên họp ngày 08/02/2018, Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai nhận được Đơn xin thôi nhiệm vụ Hội đồng quản trị của ông Nguyễn Công Hòa và ông Đỗ Tiến Trình theo nguyện vọng cá nhân. Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất ban hành Nghị quyết số 12/NQ-XMHHM-HĐQT với nội dung: Đồng ý đề ông Nguyễn Công Hòa và ông Đỗ Tiến Trình thôi tham gia Hội đồng quản trị và thôi giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018; thống nhất bầu ông Trần Việt Hồng – Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó Tổng Giám đốc Công ty, người đại diện ủy quyền quản lý 39.600.000.000 đồng phần vốn của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 5,5% vốn điều lệ) giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018; thống nhất bầu ông Lê Trung Kiên – Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Quản đốc xưởng Khai thác, người đại diện ủy quyền quản lý 39.600.000.000 đồng phần vốn

của VICEM tại Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai (chiếm 5,5% vốn điều lệ) giữ chức vụ Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai, kể từ ngày 08/02/2018.

### **3. Công tác chuẩn bị và tổ chức để thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.**

Ngày 25 tháng 4 năm 2017, Hội đồng quản trị tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, từ khâu chuẩn bị các điều kiện đại hội, triệu tập đại hội đến việc thực hiện chương trình đề ra cho đại hội. Hội đồng quản trị đã điều hành Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 hoàn thành tốt chương trình nghị sự - thông qua toàn bộ chương trình gồm có 8 nội dung mà Hội đồng quản trị đã thông báo đến các cổ đông, trong đó các nội dung được thông qua với tỷ lệ tán thành rất cao. Sự thành công của Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 đánh giá sự chuẩn bị tốt của Hội đồng quản trị cho các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

### **4. Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý.**

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các đồng chí trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2017, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về hoạt động quản trị doanh nghiệp của Công ty CP Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Hội đồng quản trị Công ty xin chân thành cảm ơn các Quý vị cổ đông./.

*Hoàng Mai, ngày 06 tháng 04 năm 2018*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Dũng**



Hoàng Mai, ngày 09 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018

**Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông**  
**Công ty cổ phần xi măng VICEM Hoàng Mai**

- Căn cứ Chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (sau đây gọi tắt là Công ty);
- Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty EY Việt Nam;
- Kết quả hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát năm 2017.

Ban kiểm soát báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông kết quả kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động trong năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai như sau:

**I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**1. Các công tác đã thực hiện năm 2017**

- Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty;
- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty năm 2017, cụ thể:
  - Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong năm 2017;
  - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 đối với HĐQT và Ban Điều hành;
  - Thẩm tra các Báo cáo tài chính 06 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát việc thực thi những kiến nghị do Công ty kiểm toán độc lập đưa ra;
  - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật;
- Năm 2017, Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với Hội đồng quản trị và Ban Điều hành trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, thể hiện:
  - Ban kiểm soát đã được mời tham dự đầy đủ, tham gia ý kiến tại cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị Công ty;
  - Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ về các Biên bản họp, Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty;



- Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin tài liệu liên quan đến hoạt động, tình hình tài chính của Công ty định kỳ 6 tháng, năm.

## **2. Kế hoạch định hướng năm 2018**

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo các quy định của pháp luật và công ty (Luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động; Quy chế quản trị của Công ty; Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát);

- Ban kiểm soát sẽ thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến hoạt động đầu tư của Công ty;

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

## **II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quý, năm (và bất thường) theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm;

- Hội đồng quản trị đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên 2017;

- Nghị quyết về thống nhất lựa chọn Công ty tham gia sửa chữa, bảo dưỡng máy, thiết bị của Công ty năm 2017;

- Nghị quyết thống nhất phương án giải thể XN VLXD; giao cho xưởng Khai thác tiếp nhận, quản lý điều hành bộ phận sản xuất VLXD từ đá phi nguyên liệu;

- Nghị quyết thống nhất ông Dương Đình Hội thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty; thống nhất bà Trần Thị Minh Anh thôi tham gia HĐQT, thôi giữ chức vụ HĐQT Công ty;

- Nghị quyết bổ nhiệm ông Nguyễn Quốc Việt – UV HĐQT, Phó Tổng Giám đốc giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty;

- Nghị quyết thống nhất phê duyệt chủ trương mua trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam

- Quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Công ty từ 18 đơn vị trực thuộc còn 17 đơn vị (giải thể XN Vật liệu xây dựng);

- Quyết định phê duyệt ngân sách mua sắm vành băng đa bộ số II lò nung và các phụ kiện;

- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Thuê bốc xúc, vận chuyển đá vôi; Khoan khai thác đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B, thuộc dự án Thuê khoan khai thác, bốc xúc, vận chuyển đá vôi tại mỏ đá vôi Hoàng Mai B;

- Quyết định giao cho Tổng Giám đốc Công ty đại diện cho Công ty thực hiện ký kết và thực hiện các Hợp đồng tín dụng, các giao dịch tài chính với các tổ chức tín dụng và tổ chức khác theo đúng quy định hiện hành, phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

- Quyết định bổ nhiệm chức danh Phó phòng Kỹ thuật và Nghiên cứu triển khai, phó Quản đốc xưởng Sửa chữa, phó Chủ tịch công đoàn Công ty chuyên trách
- Quyết định bổ nhiệm lại chức danh Phó Quản đốc Xưởng Khai thác;
- Quyết định điều động luân chuyển cán bộ.

- HĐQT thực hiện giám sát hoạt động của Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. HĐQT đã phối hợp cùng với Ban Điều hành chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty để cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017;

- Các công tác khác theo chức năng và thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

### III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2017, là một năm khó khăn đối với Công ty, Tổng Giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp Công ty cố gắng hoàn thành kế hoạch được giao, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động;

- Về công tác tài chính kế toán: Ban điều hành đã chỉ đạo thực hiện nghiêm túc việc lập báo cáo tài chính quý, năm đúng hạn, đúng chuẩn mực kế toán và các quy định pháp luật của Việt Nam. Đối với các khoản nợ, Ban điều hành đã chỉ đạo ưu tiên thanh toán các khoản nợ đến hạn để giảm chi phí tài chính cho Công ty;

- Về công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã chỉ đạo điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức của Công ty cho phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh.

### IV. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

#### 1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính

- Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành;

- Báo cáo tài chính năm 2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Ernst & Young Việt Nam là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Báo cáo tài chính năm 2017 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2017, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu trong năm 2017 như sau:

| Nội dung              | Đvt | Thực hiện 2016 | Kế hoạch 2017 (Theo NQ ĐHĐCĐ 2017) | Thực hiện 2017 | TH/KH 2017 | TH2017 /TH2016 |
|-----------------------|-----|----------------|------------------------------------|----------------|------------|----------------|
| 1. Sản lượng sản xuất |     |                |                                    |                |            |                |
| + Clinker             | Tấn | 1.269.240      | 1.300.000                          | 1.261.883      | 97,07%     | 99,42%         |
| + Xi măng bột         | Tấn | 1.466.783      | 1.600.000                          | 1.358.158      | 84,88%     | 92,59%         |
| 2. Sản lượng tiêu thụ |     |                |                                    |                |            |                |

| Nội dung                | Đvt   | Thực hiện 2016 | Kế hoạch 2017 (Theo NQ ĐHĐCĐ 2017) | Thực hiện 2017 | TH/KH 2017 | TH2017 /TH2016 |
|-------------------------|-------|----------------|------------------------------------|----------------|------------|----------------|
| + Xi măng               | Tấn   | 1.498.278      | 1.600.000                          | 1.394.055      | 87,13%     | 93,04%         |
| + Clinker               | Tấn   | 201.424        | 185.000                            | 195.794        | 105,83%    | 97,20%         |
| 3. Doanh thu thuần      | Tỷ.đ  | 1.581,42       | 1.661                              | 1.421,70       | 85,59%     | 89,90%         |
| 4. Đầu tư xây dựng      | Tỷ.đ  | 9,492          | 52                                 | 17,8           | 34,23%     | 187,53%        |
| 5. Lợi nhuận trước thuế | Tỷ.đ  | 60,624         | 61,2                               | 6,1            | 9,97%      | 10,06%         |
| 6. Mức cổ tức dự kiến   | %/năm | 4%             | 3-5%                               |                |            |                |

Căn cứ vào bảng tổng hợp nêu trên: Công ty chưa hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2017, trong đó: sản lượng sản xuất clinket đạt 97,07%, doanh thu đạt 85,59%, lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 9,97%. Mặc dù, Công ty đã nỗ lực khắc phục các khó khăn trong sản xuất kinh doanh, thị trường tiêu thụ sản phẩm có sự cạnh tranh khốc liệt, khắc phục các sự cố trong sản xuất,...nhưng Công ty vẫn không đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

### 3. Tình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2017

#### 3.1. Các chỉ tiêu phân tích tài chính

| Chỉ tiêu                        | Đvt | Năm 2017 | Năm 2016 |
|---------------------------------|-----|----------|----------|
| <b>1. Cơ cấu tài sản</b>        |     |          |          |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản  | %   | 69,48    | 67,49    |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | %   | 30,52    | 32,51    |
| <b>2. Cơ cấu vốn</b>            |     |          |          |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn    | %   | 43,95    | 45,21    |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | %   | 56,05    | 54,79    |
| <b>3. Khả năng thanh toán</b>   |     |          |          |
| - Khả năng thanh toán nhanh     | Lần | 0,37     | 0,49     |
| - Khả năng thanh toán hiện hành | Lần | 0,72     | 0,75     |
| <b>4. Tỷ suất sinh lời</b>      |     |          |          |
| - Lợi nhuận TT/Doanh thu thuần  | %   | 0,43     | 3,83     |
| - Lợi nhuận TT/Vốn chủ sở hữu   | %   | 0,66     | 6,31     |

Đánh giá chung:

- Cơ cấu vốn, nguồn vốn của Công ty không thay đổi lớn so với năm 2016.

- Khả năng thanh toán hiện hành và Khả năng thanh toán nhanh trong năm 2017 giảm so với năm 2016 cho thấy khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ đến hạn của Công ty đang giảm so với 2016, công ty cần có biện pháp tích cực hơn để giảm thiểu lượng hàng tồn kho, giảm vay vốn ngắn hạn và quản lý tốt dòng tiền.

- Xét về chỉ tiêu tỷ suất sinh lời tính trên doanh thu và Vốn chủ sở hữu thì kết quả năm 2017 giảm so với năm 2016 do tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là trong công tác tiêu thụ sản phẩm.

#### 3.2. Nhận xét, đánh giá tình hình tài chính tại ngày 31/12/2017

- Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/nợ phải trả ngắn hạn là 0,72 lần, Công ty có đủ khả năng thanh toán nợ ngắn hạn;



- Tỷ lệ nợ phải trả/vốn chủ sở hữu là 78,4%. Tỷ lệ này cho thấy nợ phải trả chiếm tỷ lệ nhỏ hơn vốn chủ sở hữu, và Công ty đang có đủ vốn tự có để hoạt động;

- Phải thu của khách hàng tại ngày 31/12/2017 là 188 tỷ đồng, bằng 13,2% doanh thu 2017 của Công ty, tỷ lệ này là cao so với thời điểm 31/12/2016 là 11,7% doanh thu năm 2016, cho thấy vốn lưu động của Công ty đang bị khách hàng chiếm dụng. Công ty cần đốc thúc, thu hồi công nợ tiền hàng, đảm bảo hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

## V. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2017

### 1. Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017

Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

### 2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017

Công ty đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

### 3. Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:


Công ty đã nỗ lực cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 thông qua, tuy nhiên vẫn chưa hoàn thành kế hoạch do các khó khăn trong sản xuất, kinh doanh.

## VI. KIẾN NGHỊ

1. Đề nghị Hội đồng quản trị chỉ đạo Công ty có giải pháp triển khai nhanh việc thoái vốn, chấm dứt đầu tư tại các Dự án chưa đạt hiệu quả như: dự án nhà ở chuyên gia Đông Hồi, Tổ hợp chung cư - Trung tâm thương mại - Văn phòng cho thuê, Khu đô thị công nhân tại Hoàng Mai. Làm việc với các đối tác góp vốn để xử lý về mặt tài chính đối với Dự án Đô thị Vicem tại Vinh.

2. Đề nghị Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận có liên quan tích cực đôn đốc thu hồi công nợ xi măng GTNT và công nợ khách hàng đảm bảo dòng tiền cho hoạt động của Công ty. Xây dựng mức dự nợ khách hàng theo tỷ lệ công nợ/doanh thu được duyệt.

3. Đề nghị Tổng Giám đốc chỉ đạo các bộ phận đặc biệt là bộ phận sản xuất thực hiện các giải pháp hiệu quả để giảm tiêu hao than, điện, tăng tỷ lệ pha phụ gia đối với xi măng.

4. Đề nghị Tổng Giám đốc chỉ đạo xí nghiệp tiêu thụ tìm giải pháp tăng sản lượng tiêu thụ tại địa bàn Nghệ An nhằm tăng hiệu quả cho Công ty. 

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY  
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Kim Thanh

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI  
BAN KIỂM SOÁT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hoàng Mai, ngày 09 tháng 4 năm 2018



### TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018  
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát được qui định trong Điều lệ Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai, Ban Kiểm soát Công ty đề xuất lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 cho Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính đề nghị Đại hội cổ đông thống nhất thông qua.

**Nơi nhận:**

- Thông qua ĐHCĐ;
- HĐQT Cty;
- Các thành viên BKS;
- Lưu: VT, BKS.

T.M BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Kim Thanh

Số: 1223/TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về việc thống nhất chủ trương tăng Vốn điều lệ

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội khóa XI thông qua và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2017;

Căn cứ Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 về việc thông qua chủ trương đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2 và Nghị quyết Đại hội cổ đông các năm từ năm 2010 đến năm 2017 phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng trong đó có hạng mục công trình thuộc Dự án Xi măng Hoàng Mai 2. Căn cứ Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 về việc thống nhất tiếp nhận Dự án Nhà máy Kết cấu bê tông & vật liệu xây dựng không nung Đông Hội và Dự án cảng Vicem Đông Hội.

Theo đó, hiện nay Công ty đang tích cực làm việc với UBND Tỉnh Nghệ An, các Sở ban ngành liên quan và tư vấn để thống nhất vị trí đặt nhà máy chính, lập dự án đầu tư và triển khai các bước chuẩn bị cho đầu tư xây dựng Dự án Xi măng Hoàng Mai 2. Theo Báo cáo Tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã được kiểm toán, nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2017 là 921.276 triệu đồng chiếm tỷ lệ 56% Tổng nguồn vốn, trong đó vốn cổ phần là 720.000 triệu đồng và Quỹ đầu tư phát triển là 208.210 triệu đồng trong khi đó vốn tự có để đảm bảo cho đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2 dự kiến khoảng 2.000.000 triệu đồng.

Để đảm bảo nguồn vốn tự có thực hiện Dự án Xi măng Hoàng Mai 2, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua chủ trương tăng Vốn điều lệ và giao cho Hội đồng quản trị Công ty tính toán cân đối nhu cầu vốn, xây dựng phương án phát hành tăng vốn đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư Dự án Xi măng Hoàng Mai 2.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

#### Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCKT, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

Số: 1219 /TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2017;

Căn cứ kết quả kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam. Báo cáo tài chính năm 2017 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty ([www.ximanghoangmai.vn](http://www.ximanghoangmai.vn)), bao gồm:

Báo cáo của kiểm toán viên

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Thuyết minh báo cáo tài chính

Chi tiết Báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán được đính kèm Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Dũng**

Signature Not Verified

Được ký bởi ĐẬU THỊ NGÀ  
Ngày ký: 29.03.2018 08:43



## **Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Báo cáo tài chính

Ngày 31 tháng 12 năm 2017



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

## MỤC LỤC

|                                      | <i>Trang</i> |
|--------------------------------------|--------------|
| Thông tin chung                      | 1 - 2        |
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc        | 3            |
| Báo cáo kiểm toán độc lập            | 4 - 5        |
| Bảng cân đối kế toán                 | 6 - 7        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 8            |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 9 - 10       |
| Thuyết minh báo cáo tài chính        | 11 - 41      |



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp vào ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 được cấp ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |            |                                     |
|----------------------|------------|-------------------------------------|
| Ông Đinh Quang Dũng  | Chủ tịch   | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018    |
| Ông Trần Đức Danh    | Thành viên |                                     |
| Ông Đậu Phi Tuấn     | Thành viên |                                     |
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018    |
| Ông Trần Việt Hồng   | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018    |
| Ông Lê Trung Kiên    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018  |
| Ông Đỗ Tiến Trình    | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 2 tháng 12 năm 2017 |
| Bà Trần Thị Minh Anh | Chủ tịch   | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017 |
| Ông Dương Đình Hội   | Thành viên | Miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2018  |
| Ông Nguyễn Công Hòa  | Thành viên |                                     |

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                      |                   |                                        |
|----------------------|-------------------|----------------------------------------|
| Ông Nguyễn Quốc Việt | Tổng Giám đốc     | Bổ nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017      |
|                      | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 6 tháng 10 năm 2017    |
| Ông Trần Việt Hồng   | Phó Tổng Giám đốc |                                        |
| Ông Đặng Ngọc Long   | Phó Tổng Giám đốc |                                        |
| Ông Dương Đình Hội   | Tổng Giám đốc     | Miễn nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2017    |
| Ông Nguyễn Công Hòa  | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm vào ngày 1 tháng 2 năm 2018 |

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

|                         |                      |                                     |
|-------------------------|----------------------|-------------------------------------|
| Bà Nguyễn Thị Kim Thanh | Trưởng Ban kiểm soát | Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017   |
| Ông Nguyễn Hữu Thất     | Thành viên           |                                     |
| Ông Lê Văn Chiên        | Thành viên           |                                     |
| Bà Thái Thị Thu Hương   | Thành viên           |                                     |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn     | Thành viên           |                                     |
| Ông Phạm Đức Trung      | Trưởng Ban kiểm soát | Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2017 |

# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày 1 tháng 10 năm 2017 là ông Dương Đình Hội và cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 10 năm 2017 đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quốc Việt, Tổng Giám đốc.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Quốc Việt  
Tổng Giám đốc

Nghệ An, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018



Building a better  
working world

Ernst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: + 84 24 3831 5100  
Fax: + 84 24 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 60862266/19319318

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty") được lập ngày 20 tháng 3 năm 2018 và được trình bày từ trang 6 đến trang 41 bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better  
working world

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0637-2018-004-1

Nguyễn Mạnh Hùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | TÀI SẢN                                        | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|------------|------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| <b>100</b> | <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                     |             | <b>501.620.898.869</b>   | <b>570.280.760.700</b>        |
| <b>110</b> | <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>   | <b>4</b>    | <b>54.720.698.092</b>    | <b>97.378.206.645</b>         |
| 111        | 1. Tiền                                        |             | 54.720.698.092           | 64.378.206.645                |
| 112        | 2. Các khoản tương đương tiền                  |             | -                        | 33.000.000.000                |
| <b>120</b> | <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>           |             | <b>-</b>                 | <b>71.000.000.000</b>         |
| 123        | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn             |             | -                        | 71.000.000.000                |
| <b>130</b> | <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>        |             | <b>189.452.404.283</b>   | <b>193.860.051.030</b>        |
| 131        | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng            | 5           | 188.029.903.127          | 185.077.025.879               |
| 132        | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn            |             | 923.423.642              | 11.046.100.824                |
| 136        | 3. Phải thu ngắn hạn khác                      | 6           | 7.787.395.413            | 2.871.770.219                 |
| 137        | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi          | 7           | (7.288.317.899)          | (5.134.845.892)               |
| <b>140</b> | <b>IV. Hàng tồn kho</b>                        | <b>8</b>    | <b>249.533.311.609</b>   | <b>201.807.468.221</b>        |
| 141        | 1. Hàng tồn kho                                |             | 250.817.657.592          | 203.133.535.244               |
| 149        | 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho              |             | (1.284.345.983)          | (1.326.067.023)               |
| <b>150</b> | <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>                |             | <b>7.914.484.885</b>     | <b>6.235.034.804</b>          |
| 151        | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                  | 9           | 7.914.484.885            | 3.222.270.775                 |
| 152        | 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ         |             | -                        | 3.012.764.029                 |
| <b>200</b> | <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      |             | <b>1.142.169.934.393</b> | <b>1.184.005.838.646</b>      |
| <b>210</b> | <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           |             | <b>1.061.401.801</b>     | <b>974.383.235</b>            |
| 216        | 1. Phải thu dài hạn khác                       | 6           | 1.061.401.801            | 974.383.235                   |
| <b>220</b> | <b>II. Tài sản cố định</b>                     |             | <b>890.992.369.180</b>   | <b>969.016.336.613</b>        |
| 221        | 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 10          | 890.303.225.015          | 968.047.061.042               |
| 222        | Nguyên giá                                     |             | 2.889.933.974.172        | 2.835.179.808.140             |
| 223        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (1.999.630.749.157)      | (1.867.132.747.098)           |
| 227        | 2. Tài sản cố định vô hình                     | 11          | 689.144.165              | 969.275.571                   |
| 228        | Nguyên giá                                     |             | 2.168.923.370            | 2.168.923.370                 |
| 229        | Giá trị hao mòn lũy kế                         |             | (1.479.779.205)          | (1.199.647.799)               |
| <b>240</b> | <b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>            |             | <b>47.612.215.804</b>    | <b>39.592.835.321</b>         |
| 242        | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 12          | 47.612.215.804           | 39.592.835.321                |
| <b>250</b> | <b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>  |             | <b>12.000.000.000</b>    | <b>-</b>                      |
| 255        | 1. Các khoản đầu tư tài chính                  | 13          | 12.000.000.000           | -                             |
| <b>260</b> | <b>V. Tài sản dài hạn khác</b>                 |             | <b>190.503.947.608</b>   | <b>174.422.283.477</b>        |
| 261        | 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 9           | 63.557.137.918           | 46.393.743.698                |
| 263        | 2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 8           | 126.946.809.690          | 128.028.539.779               |
| <b>270</b> | <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                       |             | <b>1.643.790.833.262</b> | <b>1.754.286.599.346</b>      |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số      | NGUỒN VỐN                                                     | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
|------------|---------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------------------------|
| <b>300</b> | <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                         |             | <b>722.514.619.405</b>   | <b>792.689.109.802</b>        |
| <b>310</b> | <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                                         |             | <b>688.554.690.256</b>   | <b>759.051.146.074</b>        |
| 311        | 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 14.1        | 228.417.096.097          | 200.859.218.327               |
| 312        | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 14.2        | 10.994.372.995           | 8.605.999.285                 |
| 313        | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 15          | 17.145.923.323           | 23.506.341.270                |
| 314        | 4. Phải trả người lao động                                    |             | 26.836.633.520           | 39.341.839.410                |
| 315        | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 16          | 14.966.512.785           | 14.740.770.953                |
| 319        | 6. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 17          | 17.735.858.698           | 21.871.186.780                |
| 320        | 7. Vay ngắn hạn                                               | 18          | 359.154.048.695          | 441.366.293.736               |
| 322        | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi                                   | 19          | 13.304.244.143           | 8.759.496.313                 |
| <b>330</b> | <b>II. Nợ dài hạn</b>                                         |             | <b>33.959.929.149</b>    | <b>33.637.963.728</b>         |
| 338        | 1. Vay dài hạn                                                | 18          | -                        | 4.183.617.870                 |
| 341        | 2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                            | 27.3        | 32.898.527.348           | 28.785.534.457                |
| 342        | 3. Dự phòng phải trả dài hạn                                  |             | 1.061.401.801            | 668.811.401                   |
| <b>400</b> | <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      |             | <b>921.276.213.857</b>   | <b>961.597.489.544</b>        |
| <b>410</b> | <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>20.1</b> | <b>921.276.213.857</b>   | <b>961.597.489.544</b>        |
| 411        | 1. Vốn cổ phần                                                |             | 720.000.000.000          | 720.000.000.000               |
| 411a       | - Cổ phiếu có quyền biểu quyết                                |             | 720.000.000.000          | 720.000.000.000               |
| 412        | 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       |             | 19.138.086.811           | 19.138.086.811                |
| 415        | 3. Cổ phiếu quỹ                                               |             | (28.199.462.462)         | (28.199.462.462)              |
| 418        | 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      |             | 208.210.192.057          | 196.822.894.943               |
| 421        | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          |             | 2.127.397.451            | 53.835.970.252                |
| 421a       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước |             | 522.233.138              | 1.274.681.333                 |
| 421b       | - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   |             | 1.605.164.313            | 52.561.288.919                |
| <b>440</b> | <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                                    |             | <b>1.643.790.833.262</b> | <b>1.754.286.599.346</b>      |



Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập



Đặng Thị Nga  
Kế toán trưởng





Nguyễn Quốc Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                    | Thuyết minh | Năm nay             | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|-------|---------------------------------------------|-------------|---------------------|------------------------------|
| 01    | 1. Doanh thu bán hàng                       | 21.1        | 1.421.717.662.995   | 1.581.420.392.526            |
| 02    | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu             | 21.1        | -                   | -                            |
| 10    | 3. Doanh thu thuần về bán hàng              | 21.1        | 1.421.717.662.995   | 1.581.420.392.526            |
| 11    | 4. Giá vốn hàng bán                         | 22          | (1.232.079.538.789) | (1.322.327.238.542)          |
| 20    | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng                |             | 189.638.124.206     | 259.093.153.984              |
| 21    | 6. Doanh thu hoạt động tài chính            | 21.2        | 851.081.537         | 3.427.571.336                |
| 22    | 7. Chi phí tài chính                        | 23          | (24.858.680.911)    | (26.024.851.128)             |
| 23    | Trong đó: Chi phí lãi vay                   |             | (24.774.359.777)    | (25.882.065.474)             |
| 25    | 8. Chi phí bán hàng                         | 24          | (78.649.401.032)    | (84.854.311.027)             |
| 26    | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 24          | (82.793.099.238)    | (94.180.488.335)             |
| 30    | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh |             | 4.188.024.562       | 57.461.074.830               |
| 31    | 11. Thu nhập khác                           | 25          | 2.207.406.590       | 4.148.482.516                |
| 32    | 12. Chi phí khác                            | 25          | (288.317.324)       | (498.569.343)                |
| 40    | 13. Lợi nhuận khác                          | 25          | 1.919.089.266       | 3.649.913.173                |
| 50    | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       |             | 6.107.113.828       | 61.110.988.003               |
| 51    | 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 27.1        | (388.956.624)       | (4.425.433.122)              |
| 52    | 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại              | 27.3        | (4.112.992.891)     | (4.124.265.962)              |
| 60    | 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 |             | 1.605.164.313       | 52.561.288.919               |
| 70    | 18. Lãi trên cổ phiếu                       | 29          |                     |                              |
|       | - Lãi cơ bản                                |             | 23                  | 554                          |
|       | - Lãi suy giảm                              |             | 23                  | 554                          |

*Nguyễn Văn Tuấn*

Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập

*Đậu Thị Nga*

Đậu Thị Nga  
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                                                  | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|--------------------------|------------------------------|
|       | <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>                                         |             |                          |                              |
| 01    | <b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>                                                          |             | <b>6.107.113.828</b>     | <b>61.110.988.003</b>        |
|       | <i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>                                                          |             |                          |                              |
| 02    | Khấu hao và hao mòn tài sản cố định                                                       |             | 132.903.010.596          | 127.595.605.308              |
| 03    | Trích/(hoàn nhập) khoản dự phòng                                                          |             | 2.024.732.401            | (5.445.709.343)              |
| 04    | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ |             | 46.125.432               | (131.826.560)                |
| 05    | Lãi từ hoạt động đầu tư                                                                   |             | (850.330.620)            | (3.169.768.909)              |
| 06    | Chi phí lãi vay                                                                           | 23          | 24.774.359.777           | 25.882.065.474               |
| 08    | <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                      |             | <b>165.005.011.414</b>   | <b>205.841.353.973</b>       |
| 09    | Giảm/(tăng) các khoản phải thu                                                            |             | 4.764.758.214            | (22.423.514.876)             |
| 10    | (Tăng)/giảm hàng tồn kho                                                                  |             | (46.602.392.259)         | 14.896.026.685               |
| 11    | Giảm các khoản phải trả                                                                   |             | 16.869.039.678           | 1.913.916.816                |
| 12    | Tăng chi phí trả trước                                                                    |             | (21.855.608.330)         | (11.035.832.031)             |
| 14    | Tiền lãi vay đã trả                                                                       |             | (24.884.459.360)         | (25.868.370.997)             |
| 15    | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                         | 15          | (4.758.538.898)          | (2.292.868.551)              |
| 17    | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                    |             | (9.690.252.170)          | (12.105.832.030)             |
| 20    | <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                      |             | <b>78.847.558.289</b>    | <b>148.924.878.989</b>       |
|       | <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                            |             |                          |                              |
| 21    | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                            |             | (67.612.964.129)         | (18.353.249.181)             |
| 22    | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                         |             | -                        | 104.545.455                  |
| 23    | Tiền chi cho vay, ủy thác đầu tư                                                          |             | (12.000.000.000)         | (71.000.000.000)             |
| 24    | Tiền thu hồi cho vay                                                                      |             | 71.000.000.000           | -                            |
| 27    | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay                                                       |             | 1.352.511.175            | 2.632.111.910                |
| 30    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>                                 |             | <b>(7.260.452.954)</b>   | <b>(86.616.591.816)</b>      |
|       | <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                                        |             |                          |                              |
| 33    | Tiền thu từ đi vay                                                                        |             | 1.196.340.590.303        | 1.296.236.057.843            |
| 34    | Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                   |             | (1.282.813.365.239)      | (1.463.864.226.861)          |
| 36    | Cổ tức đã trả                                                                             |             | (27.770.857.000)         | (212.562.935)                |
| 40    | <b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>                              |             | <b>(114.243.631.936)</b> | <b>(167.840.731.953)</b>     |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                | Thuyết minh | Năm nay          | Năm trước<br>(Trình bày lại) |
|-------|---------------------------------------------------------|-------------|------------------|------------------------------|
| 50    | Lưu chuyển tiền thuần trong năm                         |             | (42.656.526.601) | (105.532.444.780)            |
| 60    | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm              |             | 97.378.206.645   | 202.911.783.237              |
| 61    | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ |             | (981.952)        | (1.131.812)                  |
| 70    | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm             | 4           | 54.720.698.092   | 97.378.206.645               |




Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập



Đậu Thị Nga  
Kế toán trưởng



  
Nguyễn Quốc Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai ("Công ty"), tiền thân là Công ty Xi măng Hoàng Mai - một doanh nghiệp nhà nước hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (VICEM), được thành lập theo Luật doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703001834 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 1 tháng 4 năm 2008 và theo các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 8 vào ngày 12 tháng 10 năm 2017.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng và các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An.

Số lượng cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 953 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 972 người).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam, và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng tại Công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### 3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng kê khai thường xuyên để hạch toán cho công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế và vật tư thu hồi và phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán cho nguyên vật liệu, sản phẩm sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm với giá trị được xác định như sau:

- |                                                        |                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và phụ tùng thay thế | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.                                                                                                                       |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.     | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên các tiêu chí phù hợp theo phương pháp bình quân gia quyền. |

#### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

Hàng tồn kho và dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện theo hướng dẫn tại thông tư 200/2014/TT-BTC.

#### 3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

|                                 |            |
|---------------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc          | 5 - 50 năm |
| Máy móc, thiết bị               | 5 - 20 năm |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 5 - 10 năm |
| Trang thiết bị văn phòng        | 5 - 10 năm |
| Phần mềm máy tính               | 3 - 5 năm  |

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn.

*Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam:*

Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và phân bổ trong vòng 10 năm dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

#### 3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư.
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► *Quỹ đầu tư và phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

#### 3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.13 Thuế

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế hoãn lại tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ .

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thông tin theo bộ phận**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh clinker và các sản phẩm xi măng, vật liệu xây dựng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

**3.15 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                            | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|----------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                            | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>            |
| Tiền mặt                   | 136.752.932                  | 130.024.380                  |
| Tiền gửi ngân hàng         | 54.583.945.160               | 64.248.182.265               |
| Các khoản tương đương tiền | -                            | 33.000.000.000               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b><u>54.720.698.092</u></b> | <b><u>97.378.206.645</u></b> |

**5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

|                                                               | <i>Đơn vị tính: VND</i>       |                               |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
|                                                               | <i>Số cuối năm</i>            | <i>Số đầu năm</i>             |
| Phải thu ngắn hạn từ khách hàng                               | 145.248.228.279               | 177.930.321.987               |
| - Sở Tài chính Nghệ An                                        | 95.049.749.991                | 148.501.593.926               |
| - Công ty TNHH Thành Luân                                     | 13.809.013.828                | 7.934.329.795                 |
| - Phải thu các khách hàng khác                                | 36.389.464.460                | 21.494.398.266                |
| Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan<br>(Thuyết minh số 28) | 42.781.674.848                | 7.146.703.892                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                              | <b><u>188.029.903.127</u></b> | <b><u>185.077.025.879</u></b> |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                            | (3.433.847.644)               | (3.384.139.364)               |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**6. PHẢI THU KHÁC**

|                                                                         | Đơn vị tính: VND     |                      |
|-------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
|                                                                         | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                         |                      |                      |
| Phải thu về chi phí đã phát sinh cho Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai (*) | 6.172.086.734        | -                    |
| Tạm ứng                                                                 | 852.136.005          | 1.646.356.344        |
| Cho vay                                                                 | 355.000.000          | 355.000.000          |
| Lãi tiền gửi phải thu                                                   | 66.123.600           | 568.304.155          |
| Các khoản phải thu khác                                                 | 342.049.074          | 302.109.720          |
|                                                                         | <b>7.787.395.413</b> | <b>2.871.770.219</b> |
| <b>Dài hạn</b>                                                          |                      |                      |
| Đặt cọc, ký cược, ký quỹ                                                | 1.061.401.801        | 974.383.235          |
|                                                                         | <b>1.061.401.801</b> | <b>974.383.235</b>   |
|                                                                         | <b>8.848.797.214</b> | <b>3.846.153.454</b> |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                        |                      |                      |
| <i>Trong đó:</i>                                                        |                      |                      |
| <i>Phải thu khác</i>                                                    | 8.767.269.140        | 3.778.691.863        |
| <i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)</i>                    | 81.528.074           | 67.461.591           |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi                                      | (3.854.470.255)      | (355.000.000)        |

(\*) Đây là các khoản chi phí xây dựng cơ bản mà Công ty đã chi ra trong các năm trước cho Dự án Đô thị Xi măng Hoàng Mai (trong đó Công ty tham gia cùng hai đối tác đầu tư khác theo hợp đồng hợp tác liên doanh - BCC). Trong năm 2017, chính quyền địa phương đã có văn bản thu hồi dự án và không bồi hoàn chi phí đã phát sinh cho Dự án, Công ty đã kết chuyển toàn bộ các chi phí xây dựng cơ bản kể trên từ hạng mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang" sang "Phải thu ngắn hạn khác" và thực hiện trích lập dự phòng với số tiền là 3.499.470.255 VND, tương ứng với phần vốn đã góp trong BCC của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

**7. NỢ XẤU**

|                                  | Đơn vị tính: VND     |                        |                      |                        |
|----------------------------------|----------------------|------------------------|----------------------|------------------------|
|                                  | Số cuối năm          |                        | Số đầu năm           |                        |
|                                  | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc              | Giá trị có thể thu hồi |
| Dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai | 3.499.470.255        | -                      | -                    | -                      |
| Công ty Cổ phần xi măng Puzolan  | 2.658.439.332        | -                      | 2.658.439.332        | -                      |
| Khác                             | 1.607.940.387        | 477.532.075            | 3.012.943.435        | 536.536.875            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                 | <b>7.765.849.974</b> | <b>477.532.075</b>     | <b>5.671.382.767</b> | <b>536.536.875</b>     |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. HÀNG TỒN KHO**

Đơn vị tính: VND

|                                     | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                     | Giá gốc                | Dự phòng               | Giá gốc                | Dự phòng               |
| <b>Ngắn hạn</b>                     |                        |                        |                        |                        |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 122.247.636.213        | -                      | 83.823.852.337         | -                      |
| Vật tư, phụ tùng, công cụ, dụng cụ  | 55.032.153.514         | (1.170.092.793)        | 51.025.866.157         | (1.188.689.297)        |
| Nguyên liệu, nhiên liệu             | 41.873.006.530         | (114.253.190)          | 49.852.498.342         | (137.377.726)          |
| Thành phẩm                          | 31.664.861.335         | -                      | 18.431.318.408         | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>250.817.657.592</b> | <b>(1.284.345.983)</b> | <b>203.133.535.244</b> | <b>(1.326.067.023)</b> |
| <b>Dài hạn</b>                      |                        |                        |                        |                        |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế | 126.946.809.690        | -                      | 128.028.539.779        | -                      |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                    | <b>126.946.809.690</b> | <b>-</b>               | <b>128.028.539.779</b> | <b>-</b>               |

Một phần hàng tồn kho đã được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn như được trình bày trong Thuyết minh số 17.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

|                                              | Số cuối năm          | Số đầu năm           |
|----------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Số đầu năm                                   | 1.326.067.023        | 8.845.947.226        |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm           | -                    | -                    |
| Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm | (41.721.040)         | (7.519.880.203)      |
| <b>Số cuối năm</b>                           | <b>1.284.345.983</b> | <b>1.326.067.023</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

|                                                                                | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------------|
|                                                                                | <i>Số cuối năm</i>      | <i>Số đầu năm</i>     |
| <b>Ngắn hạn</b>                                                                |                         |                       |
| Chi phí sửa chữa phân bổ (*)                                                   | 6.877.583.150           | 2.075.780.701         |
| Phí bảo hiểm                                                                   | 1.036.901.735           | 1.146.490.074         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                               | <b>7.914.484.885</b>    | <b>3.222.270.775</b>  |
| <b>Dài hạn</b>                                                                 |                         |                       |
| Chi phí sửa chữa phân bổ                                                       | 58.516.767.399          | 32.091.459.576        |
| Chi phí sửa chữa lớn đường vào nhà máy                                         | 3.100.828.058           | 4.604.571.717         |
| Giá trị thương hiệu góp vốn của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (**) | 1.939.542.461           | 9.697.712.405         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                               | <b>63.557.137.918</b>   | <b>46.393.743.698</b> |

(\*) Trong đó chi phí bao gồm thay gạch và vật tư chịu lửa giá trị 4.470.776.442 VND phát sinh trong kỳ và được phân bổ vào giá thành sản xuất dựa trên tuổi thọ kỹ thuật của vật tư sử dụng và thời gian dự kiến thay thế lần kế tiếp.

(\*\*) Theo Quyết định số 1709/QĐ-XMVN do Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ban hành ngày 12 tháng 10 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty Xi măng Hoàng Mai (tên trước đây của Công ty), giá trị thương hiệu đã được định giá với số tiền là 50.000.000.000 VND, và được Công ty ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và vốn cổ phần đã góp của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam (Thuyết minh số 18.1) cũng như phân bổ dựa trên hướng dẫn của Thông tư số 138/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 8 năm 2012 về việc hướng dẫn phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh đối với công ty cổ phần được chuyển đổi từ công ty nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

*Đơn vị tính: VND*

|                                 | <i>Nhà cửa,<br/>vật kiến trúc</i> | <i>Máy móc,<br/>thiết bị</i> | <i>Phương tiện vận tải,<br/>truyền dẫn</i> | <i>Trang thiết bị<br/>văn phòng</i> | <i>Tổng cộng</i>         |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|
| <b>Nguyên giá:</b>              |                                   |                              |                                            |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                   | 737.731.123.365                   | 2.045.684.552.550            | 39.861.404.549                             | 11.902.727.676                      | 2.835.179.808.140        |
| - Mua trong năm                 | -                                 | 9.825.224.878                | 1.166.541.819                              | 45.450.000                          | 11.037.216.697           |
| - Đầu tư XDCB hoàn thành        | 11.521.538.182                    | 32.410.250.235               | -                                          | -                                   | 43.931.788.417           |
| - Thanh lý, nhượng bán          | -                                 | -                            | -                                          | (139.150.900)                       | (139.150.900)            |
| - Giảm khác                     | -                                 | -                            | (75.688.182)                               | -                                   | (75.688.182)             |
| Số dư cuối năm                  | <u>749.252.661.547</u>            | <u>2.087.920.027.663</u>     | <u>40.952.258.186</u>                      | <u>11.809.026.776</u>               | <u>2.889.933.974.172</u> |
| <i>Trong đó:</i>                |                                   |                              |                                            |                                     |                          |
| <i>Đã khấu hao hết</i>          | <i>4.147.760.778</i>              | <i>77.816.407.522</i>        | <i>20.656.159.254</i>                      | <i>1.091.024.230</i>                | <i>103.711.351.784</i>   |
| <b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b> |                                   |                              |                                            |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                   | 300.699.075.868                   | 1.533.307.284.024            | 28.770.036.737                             | 4.356.350.469                       | 1.867.132.747.098        |
| - Khấu hao trong năm            | 30.802.090.758                    | 96.830.859.233               | 2.895.436.471                              | 2.094.492.728                       | 132.622.879.190          |
| - Thanh lý, nhượng bán          | -                                 | -                            | -                                          | (123.841.016)                       | (123.841.016)            |
| - Giảm khác                     | -                                 | -                            | (1.036.115)                                | -                                   | (1.036.115)              |
| Số dư cuối năm                  | <u>331.501.166.626</u>            | <u>1.630.138.143.257</u>     | <u>31.664.437.093</u>                      | <u>6.327.002.181</u>                | <u>1.999.630.749.157</u> |
| <b>Giá trị còn lại:</b>         |                                   |                              |                                            |                                     |                          |
| Số dư đầu năm                   | <u>437.032.047.497</u>            | <u>512.377.268.526</u>       | <u>11.091.367.812</u>                      | <u>7.546.377.207</u>                | <u>968.047.061.042</u>   |
| Số dư cuối năm                  | <u>417.751.494.921</u>            | <u>457.781.884.406</u>       | <u>9.287.821.093</u>                       | <u>5.482.024.595</u>                | <u>890.303.225.015</u>   |

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, một phần nhà cửa, vật kiến trúc và một số máy móc thiết bị đã được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay từ các ngân hàng (xem thêm tại Thuyết minh số 17).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

|                                | <i>Đơn vị tính: VND</i>  |                      |
|--------------------------------|--------------------------|----------------------|
|                                | <i>Phần mềm máy tính</i> |                      |
| <b>Nguyên giá:</b>             |                          |                      |
| Số dư đầu năm                  |                          | 2.168.923.370        |
| Số dư cuối năm                 |                          | <u>2.168.923.370</u> |
| Trong đó:                      |                          |                      |
| Đã hao mòn hết                 |                          | 726.423.370          |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b> |                          |                      |
| Số dư đầu năm                  |                          | 1.199.647.799        |
| Hao mòn trong năm              |                          | <u>280.131.406</u>   |
| Số dư cuối năm                 |                          | <u>1.479.779.205</u> |
| <b>Giá trị còn lại:</b>        |                          |                      |
| Số dư đầu năm                  |                          | 969.275.571          |
| Số dư cuối năm                 |                          | <u>689.144.165</u>   |

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

|                                            | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|--------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                            | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>            |
| Dự án Hoàng Mai II                         | 23.263.577.022               | 14.172.667.931               |
| Mỏ đá vôi Hoàng Mai B - giai đoạn III      | 19.123.170.857               | 16.468.613.857               |
| Mua sắm tài sản cố định                    | 2.362.472.945                | -                            |
| Dây chuyền sản xuất tro bay                | 1.546.912.420                | 1.546.912.420                |
| Tổ hợp nhà thương mại Vinh                 | 707.528.924                  | 707.528.924                  |
| Khu nhà ở cán bộ công nhân viên Quỳnh Vinh | 495.060.000                  | 495.060.000                  |
| Dự án Khu đô thị Vicem Hoàng Mai (**)      | -                            | 6.172.086.734                |
| Các công trình khác                        | 113.493.636                  | 29.965.455                   |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                           | <b><u>47.612.215.804</u></b> | <b><u>39.592.835.321</u></b> |

(\*) Xem thêm tại Thuyết minh số 6.

**13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

|                      | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                   |
|----------------------|------------------------------|-------------------|
|                      | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i> |
| Trái phiếu ngân hàng | 12.000.000.000               | -                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>     | <b><u>12.000.000.000</u></b> | <b><u>-</u></b>   |

Đây là khoản đầu tư vào trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có thời hạn 10 năm đáo hạn ngày 14 tháng 12 năm 2027, với lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm và gốc được thanh toán khi đáo hạn. Ngân hàng công thương có thể mua lại trước hạn toàn bộ trái phiếu với giá mua lại bằng mệnh giá tại thời điểm tròn 5 năm từ ngày phát hành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

**14.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

|                                                             | Số cuối năm            |                        | Số đầu năm             |                        |
|-------------------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                                                             | Số dư                  | Số có khả năng trả nợ  | Số dư                  | Số có khả năng trả nợ  |
| Phải trả ngắn hạn cho người bán                             | 141.101.138.156        | 141.101.138.156        | 124.635.155.552        | 124.635.155.552        |
| - Công ty TNHH Thương mại Thành Công                        | 12.200.628.099         | 12.200.628.099         | 39.780.299.784         | 39.780.299.784         |
| - Phải trả người bán khác                                   | 128.900.510.057        | 128.900.510.057        | 84.854.855.768         | 84.854.855.768         |
| Phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Thuyết minh số 28) | 87.315.957.941         | 87.315.957.941         | 76.224.062.775         | 76.224.062.775         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                            | <b>228.417.096.097</b> | <b>228.417.096.097</b> | <b>200.859.218.327</b> | <b>200.859.218.327</b> |

**14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Đơn vị tính: VND

|                                                     | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|-----------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Công ty TNHH Tô Tây                                 | 10.000.000.000        | -                    |
| Công ty Cổ phần Vận tải và Thương mại Anh Quân      | 178.057.063           | 930.937.063          |
| Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vận tải Viết Hải | 15.940.952            | 3.939.659.993        |
| Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Bình                     | -                     | 2.520.211.074        |
| Người mua trả tiền trước khác                       | 800.374.980           | 1.215.191.155        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                    | <b>10.994.372.995</b> | <b>8.605.999.285</b> |

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

|                                                  | Số đầu năm (Trình bày lại) | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm   | Số cuối năm           |
|--------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng                            | 6.034.733.791              | 20.295.652.371        | 17.486.754.092        | 8.843.632.070         |
| Thuế tài nguyên                                  | 4.994.301.713              | 13.702.551.620        | 16.483.832.646        | 2.213.020.687         |
| Tiền thuê đất                                    | 2.459.749.042              | 4.353.698.000         | 4.636.598.042         | 2.176.849.000         |
| Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản              | 3.638.754.000              | -                     | 1.897.565.280         | 1.741.188.720         |
| Thuế thu nhập cá nhân                            | 13.150.564                 | 1.233.659.595         | 871.552.552           | 375.257.607           |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.1) | 4.369.582.274              | 388.956.624           | 4.758.538.898         | -                     |
| Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | 1.996.069.886              | 6.890.227.949         | 7.090.322.596         | 1.795.975.239         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                 | <b>23.506.341.270</b>      | <b>46.864.746.159</b> | <b>53.225.164.106</b> | <b>17.145.923.323</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

|                                                       | Đơn vị tính: VND      |                       |
|-------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
|                                                       | Số cuối năm           | Số đầu năm            |
| Chi phí bốc xếp, vận chuyển                           | 9.773.879.453         | 986.494.478           |
| Chi phí hỗ trợ tiêu thụ                               | 2.463.514.000         | 1.487.076.278         |
| Chi phí nhân công sửa chữa lớn                        | 521.016.303           | 1.285.798.798         |
| Chi phí lãi vay phải trả                              | 371.392.073           | 481.491.656           |
| Chi phí quảng cáo, hội nghị, giới thiệu sản phẩm      | 365.992.234           | 845.357.234           |
| Chi phí tiền điện                                     | 4.061.921             | 4.004.998.413         |
| Phí bảo lãnh cho các khoản vay phải trả               | -                     | 446.993.937           |
| Chi phí phải trả khác                                 | 1.466.656.801         | 5.202.560.159         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                      | <b>14.966.512.785</b> | <b>14.740.770.953</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                      |                       |                       |
| Chi phí phải trả bên liên quan<br>(Thuyết minh số 28) | 521.016.303           | -                     |
| Chi phí phải trả các bên khác                         | 14.445.496.482        | 14.740.770.953        |

**17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

|                                                                          | Đơn vị tính: VND      |                               |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------|
|                                                                          | Số cuối năm           | Số đầu năm<br>(Trình bày lại) |
| Chi phí vận tải (*)                                                      | 9.454.605.875         | 13.698.570.875                |
| Cổ tức phải trả cho cổ đông                                              | 2.060.348.650         | 2.139.765.650                 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 1.549.959.885         | 1.377.494.915                 |
| Tiền ủng hộ phải trả cho Ban vận động "Quý vị người nghèo"               | 367.110.237           | 642.120.089                   |
| Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác                               | 4.303.834.051         | 4.013.235.251                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                                         | <b>17.735.858.698</b> | <b>21.871.186.780</b>         |

(\*) Đây là chi phí vận tải phải trả cho Công ty TNHH Thành Luân liên quan đến dự án Giao thông nông thôn. Theo yêu cầu của Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An, khoản phải thu của Công ty TNHH Thành Luân đối với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An liên quan tới dịch vụ vận chuyển xi măng cung ứng cho Dự án giao thông nông thôn được chuyển giao cho Công ty để làm đầu mối thu nợ tập trung với Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An. Theo đó, Công ty sẽ thanh toán cho Công ty TNHH Thành Luân khi nhận được phần thanh toán tương ứng từ Sở Tài chính Tỉnh Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. VAY**

Đơn vị tính: VND

|                         | Số đầu năm             |                        | Trong năm                |                          | Số cuối năm            |                        |
|-------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|
|                         | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  | Tăng                     | Giảm                     | Giá trị                | Số có khả năng trả nợ  |
| <b>Vay ngắn hạn</b>     |                        |                        |                          |                          |                        |                        |
| Vay ngắn hạn            | 437.156.109.440        | 437.156.109.440        | 1.196.340.590.303        | 1.278.573.091.304        | 354.923.608.439        | 354.923.608.439        |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 4.210.184.296          | 4.210.184.296          | 4.260.529.895            | 4.240.273.935            | 4.230.440.256          | 4.230.440.256          |
|                         | <b>441.366.293.736</b> | <b>441.366.293.736</b> | <b>1.200.601.120.198</b> | <b>1.282.813.365.239</b> | <b>359.154.048.695</b> | <b>359.154.048.695</b> |
| <b>Vay dài hạn</b>      |                        |                        |                          |                          |                        |                        |
| Vay dài hạn             | 4.183.617.870          | 4.183.617.870          | -                        | 4.183.617.870            | -                      | -                      |
|                         | <b>4.183.617.870</b>   | <b>4.183.617.870</b>   | <b>-</b>                 | <b>4.183.617.870</b>     | <b>-</b>               | <b>-</b>               |
| <b>TỔNG CỘNG</b>        | <b>445.549.911.606</b> | <b>445.549.911.606</b> | <b>1.200.601.120.198</b> | <b>1.286.996.983.109</b> | <b>359.154.048.695</b> | <b>359.154.048.695</b> |

**18.1 Vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| Ngân hàng                                                                 | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 (VND) | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                                         | Lãi suất (%/năm) | Hình thức đảm bảo                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Nghệ An | 262.200.812.027                 | 6 tháng, đáo hạn từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 đến ngày 28 tháng 6 năm 2018. Lãi trả hàng tháng | 5,5%             | Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty với giá trị tối thiểu tại mọi thời điểm là 200 tỷ VND, các quyền thu hồi nợ bán hàng và các lợi ích liên quan đến số hàng tồn kho này. Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng, phần mềm máy tính. |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công | 92.722.796.412                  | 4 tháng, đáo hạn từ ngày 13 tháng 3 năm 2018 đến ngày 30 tháng 3 năm 2018. Lãi trả hàng tháng | 5,3%             | Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, công trình xây dựng.                                                                                                                                                                                                |
| <b>Tổng cộng</b>                                                          | <b>354.923.608.439</b>          |                                                                                               |                  |                                                                                                                                                                                                                                                   |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn

Chi tiết khoản vay dài hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác như sau:

| Bên cho vay                                                                                               | Ngày 31 tháng 12 năm 2017 |                    | Kỳ hạn trả gốc và lãi                                                                      | Lãi suất<br>(%/năm) | Hình thức đảm bảo |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-------------------|
|                                                                                                           | VND                       | Nguyên tệ<br>(USD) |                                                                                            |                     |                   |
| Quỹ hỗ trợ Cô-oet Phát triển Kinh tế<br>Ả rập (theo Hợp đồng cho vay lại<br>giữa Bộ Tài chính và Công ty) | 4.230.440.256             | 188.800            | 168 tháng, đáo hạn ngày 10 tháng 9<br>năm 2018. Tiền lãi được trả theo định kỳ<br>6 tháng. | 4,2%                | Tin chấp          |
| Trong đó:                                                                                                 |                           |                    |                                                                                            |                     |                   |
| - Vay dài hạn đến hạn trả                                                                                 | 4.230.440.256             | 188.800            |                                                                                            |                     |                   |
| - Vay dài hạn                                                                                             | -                         | -                  |                                                                                            |                     |                   |

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

|                                           | Đơn vị tính: VND      |                      |
|-------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
|                                           | Năm nay               | Năm trước            |
| Số dư đầu năm                             | 8.759.496.313         | 6.042.426.242        |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh số 20.1) | 14.235.000.000        | 14.738.500.000       |
| Sử dụng trong năm                         | (9.690.252.170)       | (12.021.429.929)     |
| Số dư cuối năm                            | <u>13.304.244.143</u> | <u>8.759.496.313</u> |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

|                                                              | Vốn cổ phần<br>đã góp  | Thặng dư vốn<br>cổ phần | Cổ phiếu quỹ            | Quỹ đầu tư<br>phát triển | Lợi nhuận sau<br>thuế chưa phân<br>phối | Tổng cộng              |
|--------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------|-------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|------------------------|
| <b>Năm trước</b>                                             |                        |                         |                         |                          |                                         |                        |
| Số dư đầu năm                                                | 720.000.000.000        | 19.138.086.811          | (28.199.462.462)        | 148.837.652.393          | 63.998.423.883                          | 923.774.700.625        |
| - Lợi nhuận trong năm (Trình bày<br>lại)                     | -                      | -                       | -                       | -                        | 52.561.288.919                          | 52.561.288.919         |
| - Trả cổ tức bằng tiền                                       | -                      | -                       | -                       | -                        | (14.738.500.000)                        | (14.738.500.000)       |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                            | -                      | -                       | -                       | -                        | (47.985.242.550)                        | -                      |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển                                | -                      | -                       | -                       | 47.985.242.550           | (47.985.242.550)                        | -                      |
| Số dư cuối năm (Trình bày lại)                               | <u>720.000.000.000</u> | <u>19.138.086.811</u>   | <u>(28.199.462.462)</u> | <u>196.822.894.943</u>   | <u>53.835.970.252</u>                   | <u>961.597.489.544</u> |
| <b>Năm nay</b>                                               |                        |                         |                         |                          |                                         |                        |
| Số dư đầu năm (Trình bày lại)                                | 720.000.000.000        | 19.138.086.811          | (28.199.462.462)        | 196.822.894.943          | 53.835.970.252                          | 961.597.489.544        |
| - Lợi nhuận trong năm                                        | -                      | -                       | -                       | -                        | 1.605.164.313                           | 1.605.164.313          |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi<br>(Thuyết minh số 18) (*) | -                      | -                       | -                       | -                        | (14.235.000.000)                        | (14.235.000.000)       |
| - Trả cổ tức bằng tiền (*)                                   | -                      | -                       | -                       | -                        | (27.691.440.000)                        | (27.691.440.000)       |
| - Trích quỹ đầu tư phát triển (*)                            | -                      | -                       | -                       | 11.387.297.114           | (11.387.297.114)                        | -                      |
| Số dư cuối năm                                               | <u>720.000.000.000</u> | <u>19.138.086.811</u>   | <u>(28.199.462.462)</u> | <u>208.210.192.057</u>   | <u>2.127.397.451</u>                    | <u>921.276.213.857</u> |

(\*) Công ty đã phân phối lợi nhuận của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số NQ01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

| Cổ đông                                   | Số cuối năm                  |               | Số đầu năm                   |               |
|-------------------------------------------|------------------------------|---------------|------------------------------|---------------|
|                                           | Cổ phiếu<br>phổ thông<br>VND | Tỷ lệ<br>%    | Cổ phiếu<br>phổ thông<br>VND | Tỷ lệ<br>%    |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam | 510.918.000.000              | 70,96         | 510.918.000.000              | 70,96         |
| Các cổ đông khác                          | 209.082.000.000              | 29,04         | 209.082.000.000              | 29,04         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                          | <b>720.000.000.000</b>       | <b>100,00</b> | <b>720.000.000.000</b>       | <b>100,00</b> |

**20.3 Cổ tức**

Đơn vị tính: VND

|                                                                                                                     | Năm nay        | Năm trước |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|
| <b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>                                                                                  |                |           |
| Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông<br>(400 VND/Cổ phiếu)                                                                | 27.691.440.000 | -         |
| Cổ tức trên cổ phiếu ưu đãi                                                                                         | -              | -         |
| <b>Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 31 tháng 12</b> | -              | -         |
| <b>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận</b>                                                         | -              | -         |

**20.4 Cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi**

Đơn vị tính: cổ phiếu

|                                                      | Năm nay            | Năm trước          |
|------------------------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>           | <b>72.000.000</b>  | <b>72.000.000</b>  |
| <b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>        | <b>72.000.000</b>  | <b>72.000.000</b>  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông                          | 72.000.000         | 72.000.000         |
| <b>Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)</b> | <b>(2.771.400)</b> | <b>(2.771.400)</b> |
| <b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>               | <b>69.228.600</b>  | <b>69.228.600</b>  |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông                          | 69.228.600         | 69.228.600         |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam (2016: 10.000 đồng Việt Nam).

Các cổ phiếu này đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch là HOM.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng**

|                                                           | <i>Đơn vị tính: VND</i>  |                          |
|-----------------------------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                                           | <i>Năm nay</i>           | <i>Năm trước</i>         |
| <b>Tổng doanh thu bán hàng</b>                            | <b>1.421.717.662.995</b> | <b>1.581.420.392.526</b> |
| Doanh thu bán xi măng và clinker                          | 1.376.193.449.504        | 1.523.618.005.425        |
| Doanh thu bán sản phẩm khác                               | 34.075.000.976           | 51.982.559.604           |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ                                | 10.314.437.061           | 2.719.664.339            |
| Doanh thu thanh lý vật tư, phế liệu                       | 1.134.775.454            | 3.100.163.158            |
| <b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>                       | <b>-</b>                 | <b>-</b>                 |
| <b>Doanh thu thuần</b>                                    | <b>1.421.717.662.995</b> | <b>1.581.420.392.526</b> |
| <i>Trong đó:</i>                                          |                          |                          |
| <i>Doanh thu từ bên khác</i>                              | <i>1.353.691.839.618</i> | <i>1.549.080.823.428</i> |
| <i>Doanh thu từ bên liên quan<br/>(Thuyết minh số 28)</i> | <i>68.025.823.377</i>    | <i>32.339.569.098</i>    |

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

|                            | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                      |
|----------------------------|-------------------------|----------------------|
|                            | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>     |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 850.330.620             | 3.035.681.354        |
| Lãi chênh lệch tỷ giá      | 750.917                 | 362.347.882          |
| Thu nhập tài chính khác    | -                       | 29.542.100           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>           | <b>851.081.537</b>      | <b>3.427.571.336</b> |

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

|                                   | <i>Đơn vị tính: VND</i>  |                          |
|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
|                                   | <i>Năm nay</i>           | <i>Năm trước</i>         |
| Giá vốn bán xi măng và clinker    | 1.196.181.574.872        | 1.281.147.579.254        |
| Giá vốn bán sản phẩm khác         | 25.737.808.728           | 37.246.362.475           |
| Giá vốn cung cấp dịch vụ          | 10.160.155.189           | 2.948.104.750            |
| Giá vốn vật tư, phế liệu thanh lý | -                        | 985.192.063              |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                  | <b>1.232.079.538.789</b> | <b>1.322.327.238.542</b> |

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|                       | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                       |
|-----------------------|-------------------------|-----------------------|
|                       | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước</i>      |
| Chi phí lãi vay       | 24.774.359.777          | 25.882.065.474        |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá  | 82.026.134              | 116.647.779           |
| Chiết khấu thanh toán | 2.295.000               | -                     |
| Phí bảo lãnh          | -                       | 26.137.875            |
| <b>TỔNG CỘNG</b>      | <b>24.858.680.911</b>   | <b>26.024.851.128</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|                                                             | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
|                                                             | <i>Năm nay</i>               | <i>Năm trước</i>             |
| <b>Chi phí bán hàng</b>                                     |                              |                              |
| Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương | 14.831.679.262               | 13.870.204.023               |
| Chi phí khuyến mại, hỗ trợ tiêu thụ                         | 14.271.410.500               | 16.332.179.858               |
| Chi phí hội nghị, tiếp khách                                | 14.820.531.231               | 9.516.668.058                |
| Chi phí lợi thế thương mại                                  | 7.758.169.944                | 7.758.169.944                |
| Chi phí chuyển giao bí quyết bán hàng                       | 3.508.403.370                | 10.520.999.419               |
| Chi phí khác                                                | 23.459.206.725               | 26.856.089.725               |
|                                                             | <b><u>78.649.401.032</u></b> | <b><u>84.854.311.027</u></b> |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>                         |                              |                              |
| Chi phí tiền công, tiền lương và các khoản trích theo lương | 30.007.437.537               | 28.554.079.327               |
| Chi phí khấu hao                                            | 9.319.876.843                | 9.133.365.063                |
| Chi phí hội nghị, tiếp khách                                | 7.567.277.144                | 8.740.195.370                |
| Chi phí chuyển giao bí quyết doanh nghiệp                   | 3.279.786.333                | 9.024.031.848                |
| Chi phí khác                                                | 32.618.721.381               | 38.728.816.727               |
|                                                             | <b><u>82.793.099.238</u></b> | <b><u>94.180.488.335</u></b> |

**25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

|                            | <i>Đơn vị tính: VND</i>     |                                            |
|----------------------------|-----------------------------|--------------------------------------------|
|                            | <i>Năm nay</i>              | <i>Năm trước</i><br><i>(Trình bày lại)</i> |
| <b>Thu nhập khác</b>       | <b>2.207.406.590</b>        | <b>4.148.482.516</b>                       |
| Xóa sổ công nợ tồn lâu năm | 697.668.530                 | 544.914.226                                |
| Thu phạt hợp đồng          | 95.579.810                  | 226.770.001                                |
| Bồi thường tổn thất        | -                           | 2.107.597.112                              |
| Lãi từ thanh lý tài sản    | -                           | 104.545.455                                |
| Thu nhập khác              | 1.414.158.250               | 1.164.655.722                              |
| <b>Chi phí khác</b>        | <b>288.317.324</b>          | <b>498.569.343</b>                         |
| Chi phí khác               | 288.317.324                 | 498.569.343                                |
| <b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>       | <b><u>1.919.089.266</u></b> | <b><u>3.649.913.173</u></b>                |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                               | <i>Đơn vị tính: VND</i>         |                                 |
|-------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|                               | <i>Năm nay</i>                  | <i>Năm trước</i>                |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 705.612.882.418                 | 723.837.001.459                 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài     | 330.337.075.604                 | 373.885.302.911                 |
| Chi phí nhân công             | 134.173.800.899                 | 135.527.584.498                 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn   | 132.903.010.596                 | 127.595.605.308                 |
| Chi phí khác                  | 142.044.989.351                 | 148.943.943.762                 |
| <b>TỔNG CỘNG</b>              | <b><u>1.445.071.758.868</u></b> | <b><u>1.509.789.437.938</u></b> |

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02-UB ngày 10 tháng 7 năm 1998 do UBND tỉnh Nghệ An cấp, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trong 3 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (là năm 2008) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong 7 năm tiếp theo. Theo đó, thuế suất thuế TNDN áp dụng cho hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2017 là 10% và hoạt động kinh doanh khác là thuế suất phổ thông (20% trong năm 2017).

Các quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi về sau theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

|                                                   | <i>Đơn vị tính: VND</i>     |                                      |
|---------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
|                                                   | <i>Năm nay</i>              | <i>Năm trước<br/>(Trình bày lại)</i> |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành                       | -                           | 4.457.256.123                        |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước | 388.956.624                 | (31.823.001)                         |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại                        | 4.112.992.891               | 4.124.265.962                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                  | <b><u>4.501.949.515</u></b> | <b><u>8.549.699.084</u></b>          |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

|                                                                                  | <i>Đơn vị tính: VND</i>     |                                      |
|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
|                                                                                  | <i>Năm nay</i>              | <i>Năm trước<br/>(Trình bày lại)</i> |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                                                | 6.107.113.828               | 61.110.988.003                       |
| Thuế TNDN theo thuế suất 10% áp dụng cho Công ty                                 | 550.239.624                 | 5.904.967.510                        |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty                                 | 120.943.517                 | 412.262.579                          |
| <i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>                                                |                             |                                      |
| Thuế từ các khoản chi phí không được khấu trừ thuế khác                          | 137.638.423                 | 202.159.015                          |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước                           | 388.956.624                 | -                                    |
| Dự phòng phải thu cho dự án khu đô thị Vicem Hoàng Mai                           | 349.947.026                 | -                                    |
| Chênh lệch về thuế suất ghi nhận thuế hoãn lại phải trả đối với chi phí khấu hao | 2.056.496.445               | 2.062.132.981                        |
| Thuế TNDN hoãn lại cho lỗ chưa được cân trừ                                      | 958.199.614                 | -                                    |
| <i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>                                                 |                             |                                      |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa trong những năm trước                            | -                           | (31.823.001)                         |
| Bù trừ giữa hai hoạt động                                                        | (60.471.758)                | -                                    |
| <b>Chi phí thuế TNDN</b>                                                         | <b><u>4.501.949.515</u></b> | <b><u>8.549.699.084</u></b>          |

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Đơn vị tính: VND

|                                                                             | Bảng cân đối kế toán  |                       | Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh |                        |
|-----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------------|------------------------|
|                                                                             | Số cuối năm           | Số đầu năm            | Năm nay                              | Năm trước              |
| <b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>                                      |                       |                       |                                      |                        |
| Chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí khấu hao tài sản cố định           | 32.898.527.348        | 28.785.534.457        | (4.112.992.891)                      | (4.124.265.962)        |
|                                                                             | <b>32.898.527.348</b> | <b>28.785.534.457</b> |                                      |                        |
| <b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh</b> |                       |                       | <b>(4.112.992.891)</b>               | <b>(4.124.265.962)</b> |

**Lỗ chuyển sang năm sau**

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 9.581.996.140 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 0 VND) có thể sẽ được bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| Năm phát sinh | Có thể chuyển lỗ đến năm | Lỗ tính thuế (*)     | Đã chuyển lỗ đến 31 tháng 12 năm 2017 | Không được chuyển lỗ | Đơn vị tính: VND                        |
|---------------|--------------------------|----------------------|---------------------------------------|----------------------|-----------------------------------------|
|               |                          |                      |                                       |                      | Chưa chuyển lỗ tại 31 tháng 12 năm 2017 |
| 2017          | 2022                     | 9.581.996.140        | -                                     | -                    | 9.581.996.140                           |
|               |                          | <b>9.581.996.140</b> | <b>-</b>                              | <b>-</b>             | <b>9.581.996.140</b>                    |

(\*) Lỗ thuế ước tính theo tờ khai thuế TNDN của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được cơ quan thuế địa phương kiểm tra tại ngày phát hành báo cáo tài chính.

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nói trên do tính không chắc chắn của lợi nhuận chịu thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan                                         | Mối quan hệ                         | Nội dung nghiệp vụ                                                                        | Năm nay                                         | Năm trước                                       |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng                | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua than cám                                                                              | 320.807.208.768                                 | 270.177.924.153                                 |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn                 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Gia công xi măng<br>Thuê gia công xi măng                                                 | 58.705.796.380<br>19.684.679.293                | -<br>-                                          |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn                  | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng                                                                        | 27.201.112.700                                  | 43.059.080.000                                  |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn                  | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng                                                                        | 14.648.558.100                                  | 23.413.735.800                                  |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua gạch chịu lửa                                                                         | 7.445.720.600                                   | 6.390.822.800                                   |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem VLXD Đà Nẵng            | Công ty con                         | Mua vỏ bao xi măng                                                                        | 7.390.787.600                                   | 13.543.221.600                                  |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam             | Công ty mẹ                          | Phí tư vấn chuyển giao và phí sử dụng nhãn hiệu Vicem (*)<br>Mua thạch cao<br>Bán xi măng | 6.820.811.817<br>6.647.387.536<br>2.450.145.455 | 19.545.031.267<br>13.389.818.677<br>501.354.545 |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Tam Điệp    | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Thuê gia công xi măng                                                                     | 4.432.770.907                                   | -                                               |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân                 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Gia công xi măng<br>Doanh thu vận chuyển<br>Thuê gia công xi măng                         | 4.366.249.997<br>1.466.522.454<br>1.106.122.875 | 7.741.477.269<br>1.947.391.908<br>4.922.217.778 |



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

- (\*) Theo Hợp đồng số 2118/VICEM-HĐKT ngày 31 tháng 12 năm 2013 và Hợp đồng số 2120/VICEM-HĐKT ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty mẹ sẽ tư vấn, hỗ trợ và chuyển giao cho Công ty các kỹ năng quản lý và phát triển thị trường và kỹ năng quản trị doanh nghiệp nhằm tối ưu hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh, và tính phí cho các dịch vụ này trên doanh thu thuần từ tiêu thụ xi măng và clinker cũng như doanh thu tiêu thụ xi măng gia công ngoài và sản phẩm khác, thu nhập khác phát sinh hàng năm. Theo Phụ lục hợp đồng số 06 ngày 26 tháng 12 năm 2017 & phụ lục hợp đồng số 05 ngày 31 tháng 03 năm 2017, phí các dịch vụ này được giảm từ 1,3% tính trên tổng doanh thu tiêu thụ xi măng và clinker xuống còn 0,2% trên doanh thu tiêu thụ clinker và 0,5% tính trên doanh thu tiêu thụ xi măng hàng năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Theo Hợp đồng số 919/HĐCQSDNH/VICEM-HM ngày 24 tháng 4 năm 2017, Công ty mẹ sẽ chuyển cho Công ty quyền sử dụng Nhân hiệu đã được đăng kí theo số đơn 4-2011-02816 (nhãn hiệu VICEM).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan:*

Công ty bán hàng cũng như mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2016: mức trích lập dự phòng bằng không). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ báo cáo thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

| <i>Đơn vị tính: VND</i>                                         |                                     |                                |                       |                       |
|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Bên liên quan</i>                                            | <i>Mối quan hệ</i>                  | <i>Nội dung nghiệp vụ</i>      | <i>Số cuối năm</i>    | <i>Số đầu năm</i>     |
| <b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14.1)</i></b> |                                     |                                |                       |                       |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật tư Vận tải Xi măng                    | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua than cám                   | 39.887.929.664        | 39.775.279.209        |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bút Sơn                            | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao xi măng             | 12.568.141.586        | 4.566.206.432         |
| Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng                         | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua thạch cao                  | 10.475.925.010        | 14.474.936.600        |
| Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Bim Sơn                            | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua vỏ bao                     | 10.124.853.910        | 3.570.650.838         |
| Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam                       | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua thạch cao và phí quản lý   | 6.119.519.191         | 9.394.699.849         |
| Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng                 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Tiền mua vỏ bao                | 3.763.734.700         | 2.814.889.482         |
| Công ty TNHH Một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch           | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Mua gạch chịu lửa              | 3.205.564.780         | 544.341.751           |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn                           | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Tiền mua vỏ bao và xây gạch lò | 190.674.000           | 275.831.014           |
| Trường Trung cấp Nghề Kỹ thuật Xi măng                          | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phí đào tạo                    | 312.200.000           | 607.710.000           |
| Công ty TNHH Một Thành viên xi măng Vicem tam Điệp              | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Thuê gia công xi măng          | -                     | 52.440.000            |
| Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng                        | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phí tư vấn                     | 536.890.100           | 16.552.600            |
| Công ty Cổ phần Vicem Đô thị Xi măng Hải Phòng                  | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phí tư vấn khảo sát địa hình   | 130.525.000           | 130.525.000           |
|                                                                 |                                     |                                | <b>87.315.957.941</b> | <b>76.224.062.775</b> |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

| Bên liên quan                                              | Mối quan hệ                         | Nội dung nghiệp vụ                            | Số cuối năm           | Số đầu năm           |
|------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)</b> |                                     |                                               |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Xi măng Bim Sơn                            | Công ty con                         | Phải thu tiền xây gạch lò và gia công xi măng | 33.035.027.896        | -                    |
| Công ty Cổ phần Vicem Hải Vân                              | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền gia công xi măng                | 5.761.035.697         | 6.719.720.496        |
| Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam                  | Công ty mẹ                          | Phải thu tiền xi măng hỗ trợ                  | 3.208.990.000         | -                    |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bút Sơn                      | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền bán xi măng                     | 519.890.000           | -                    |
|                                                            |                                     | Phải thu tiền xây gạch lò                     | -                     | 212.068.396          |
| Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch      | Công ty con                         | Phải thu tiền xây gạch lò                     | 256.731.255           | -                    |
| Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Tam Điệp                    | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu tiền xây gạch lò                     | -                     | 214.915.000          |
|                                                            |                                     |                                               | <b>42.781.674.848</b> | <b>7.146.703.892</b> |
| <b>Phải thu khác (Thuyết minh số 6)</b>                    |                                     |                                               |                       |                      |
| Công ty cổ phần Xi măng Hạ Long                            | Công ty con                         | Phải thu tiền xây gạch lò                     | 62.437.500            | -                    |
| Ban Quản lý Dự án Đông Hải                                 | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu khác                                 | 11.047.983            | 14.323.515           |
| Công ty Cổ phần Vật tư Vận tải Xi măng                     | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu khác                                 | 7.767.676             | 5.552.570            |
| Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng                    | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu khác                                 | 274.915               | 283.506              |
| Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn                      | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Phải thu khác                                 | -                     | 47.302.000           |
|                                                            |                                     |                                               | <b>81.528.074</b>     | <b>67.461.591</b>    |
| <b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>                    |                                     |                                               |                       |                      |
| Công ty Cổ phần Bao bì Xi măng Tam Điệp                    | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Trả trước tiền mua vỏ bao                     | 13.280.000            | 13.280.000           |
|                                                            |                                     |                                               | <b>13.280.000</b>     | <b>13.280.000</b>    |
| <b>Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 16)</b>       |                                     |                                               |                       |                      |
| Công ty TNHH một thành viên Xi măng Vicem Hoàng Thạch      | Đơn vị thành viên cùng Tổng Công ty | Chi phí nhân công sửa chữa lớn                | 521.016.303           | -                    |
|                                                            |                                     |                                               | <b>521.016.303</b>    | <b>-</b>             |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

*Các giao dịch với các bên liên quan khác*

Thu nhập của các thành viên của Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:

|                  | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                                      |
|------------------|-------------------------|--------------------------------------|
|                  | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước<br/>(Trình bày lại)</i> |
| Lương và thưởng  | 3.255.000.000           | 3.519.000.000                        |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b>3.255.000.000</b>    | <b>3.519.000.000</b>                 |

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

|                                                                                                                         | <i>Đơn vị tính: VND</i> |                                      |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------------|
|                                                                                                                         | <i>Năm nay</i>          | <i>Năm trước<br/>(Trình bày lại)</i> |
| Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông                                                        | 1.605.164.313           | 52.561.288.919                       |
| Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)                                                                  | -                       | (14.235.000.000)                     |
| Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                 | 1.605.164.313           | 38.326.288.919                       |
| <b>Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>   | <b>1.605.164.313</b>    | <b>38.326.288.919</b>                |
| Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu             | 69.228.600              | 69.228.600                           |
| Ảnh hưởng suy giảm                                                                                                      | -                       | -                                    |
| <b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b> | <b>69.228.600</b>       | <b>69.228.600</b>                    |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                                                | 23                      | 554                                  |
| Lãi suy giảm trên cổ phiếu                                                                                              | 23                      | 554                                  |

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào trong năm và cho đến đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính có thể có ảnh hưởng suy giảm lãi trên mỗi cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)**

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2016 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2017. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

**30. TRÌNH BÀY LẠI SỐ LIỆU BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM TRƯỚC**

Căn cứ trên Báo cáo kiểm toán của thanh tra Bộ Tài Chính ngày 18 tháng 7 năm 2017, Công ty đã thực hiện các điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 – Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán, như sau:

| Mã số                             | Chỉ tiêu                                               | Đơn vị: VND                                                |               |                                                   |
|-----------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|---------------|---------------------------------------------------|
|                                   |                                                        | Ngày 31 tháng 12 năm 2016<br>(đã được trình bày trước đây) | Số điều chỉnh | Ngày 31 tháng 12 năm 2016<br>(được trình bày lại) |
| <b>BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>       |                                                        |                                                            |               |                                                   |
| 313                               | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (2), (3)           | 23.302.550.120                                             | 203.791.150   | 23.506.341.270                                    |
| 319                               | Phải trả ngắn hạn khác (1), (3)                        | 22.464.252.696                                             | (593.065.916) | 21.871.186.780                                    |
| 421b                              | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này (1), (2), (3) | 52.172.014.153                                             | 389.274.766   | 52.561.288.919                                    |
| <b>BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH</b> |                                                        |                                                            |               |                                                   |
| 31                                | Thu nhập khác (1)                                      | 3.661.889.059                                              | 486.593.457   | 4.148.482.516                                     |
| 51                                | Chi phí thuế TNDN hiện hành (2)                        | (4.328.114.431)                                            | (97.318.691)  | (4.425.433.122)                                   |

- (1) Điều chỉnh vào thu nhập khác số tiền 486.593.457 VND liên quan đến khoản phạt thuế năm 2010 mà Công ty hạch toán vào chi phí;
- (2) Điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp với số tiền 97.318.691 VND tương ứng với điều chỉnh nêu tại mục (1);
- (3) Điều chỉnh tăng khoản phải trả thuế GTGT số tiền 106.472.459 VND do Công ty đã thực hiện kê khai khấu trừ thuế trong năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG**

**Cam kết tiền thuê đất**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

|                  | <i>Đơn vị tính: VND</i>      |                              |
|------------------|------------------------------|------------------------------|
|                  | <i>Số cuối năm</i>           | <i>Số đầu năm</i>            |
| Đến 1 năm        | 4.353.698.000                | 4.353.698.000                |
| Từ 2 - 5 năm     | 17.414.792.000               | 17.414.792.000               |
| Trên 5 năm       | 20.077.049.339               | 26.748.075.116               |
| <b>TỔNG CỘNG</b> | <b><u>41.845.539.339</u></b> | <b><u>48.516.565.116</u></b> |

**Cam kết và nợ tiềm tàng về phí cấp quyền khai thác khoáng sản**

Theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 28 tháng 11 năm 2013, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho khoáng sản được khai thác từ mỏ đá và mỏ đất sét của Công ty từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết thời hạn trên giấy phép khai khoáng của Công ty. Cam kết về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 là khoảng 41,71 tỷ đồng.

Theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21 tháng 5 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã giao Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét việc hồi tố thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 20 tháng 1 năm 2014 và trong thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội chưa có ý kiến, chưa thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2013. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty chưa ghi nhận nghĩa vụ nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến hết năm 2013 trên báo cáo tài chính này.

Ngoài ra, Công ty cũng đang trong quá trình đánh giá lại trữ lượng của mỏ đá vôi để tiến hành các thủ tục xin cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản này theo quy định của Luật Khoáng sản 2010, cũng như xin phê duyệt lại mức phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với mỏ đá vôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)**

***Cam kết về phí cải tạo và phục hồi môi trường***

Căn cứ theo công văn số 4456/CV-UB.ĐC ngày 13 tháng 09 năm 2004 của UBND Tỉnh Nghệ An về việc thực hiện ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản, thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 04/TB-TNMT-MT ngày 28 tháng 1 năm 2008 về ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2 và thông báo nộp tiền ký quỹ để phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản số 149/TB-TNMT-MT ngày 17 tháng 1 năm 2008 của Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Nghệ An về việc ký quỹ phục hồi môi trường mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 1 và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, Công ty có các cam kết liên quan tới việc ký quỹ cải tạo bảo vệ môi trường đối với việc khai thác và sử dụng của mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh.

Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B và mỏ sét Quỳnh Vinh giai đoạn 1, tổng số tiền phải ký quỹ là 798.971.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 tới năm 2025, mỗi năm ký quỹ 34.057.925 đồng.


Đối với mỏ đá vôi Hoàng Mai B giai đoạn 2, tổng số tiền ký quỹ là 151.239.000 đồng, trong đó, từ năm 2009 đến năm 2025, mỗi năm ký quỹ 4.433.000 đồng.


***Nợ tiềm tàng về thuế tài nguyên***

Công ty có nghĩa vụ phải tính và nộp thuế tài nguyên theo hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 2 tháng 10 năm 2015 hướng dẫn về thuế tài nguyên ("Thông tư 152") kể từ ngày 20 tháng 11 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư này, giá tính thuế tài nguyên được xác định căn cứ vào giá bán (trường hợp tiêu thụ trong nước) hoặc trị giá hải quan (đối với trường hợp xuất khẩu) của sản phẩm công nghiệp bán ra trừ thuế xuất khẩu (nếu có) và chi phí chế biến công nghiệp của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp. Cũng theo quy định tại Thông tư 152, chi phí chế biến được xác định phải căn cứ theo hướng dẫn của các Bộ quản lý nhà nước chuyên ngành, Bộ Tài chính và do Sở Tài chính các tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan tài nguyên môi trường và cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có liên quan thống nhất xác định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được các hướng dẫn chi tiết từ các cơ quan quản lý nhà nước về cách xác định chi phí chế biến để làm cơ sở xác định giá tính thuế tài nguyên theo hướng dẫn của Thông tư 152. Do đó, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty hiện đang áp dụng giá tính thuế theo các quy định của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành theo Quyết định số 75/2014/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2014 và Công ty chưa thể xác định được các ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến nghĩa vụ thuế tài nguyên phải nộp bổ sung hoặc sẽ được hoàn trả lại từ cơ quan thuế địa phương nếu phải áp dụng giá tính thuế mới.

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Nguyễn Văn Tuấn  
Người lập

  
Đặng Thị Nga  
Kế toán trưởng

  
  
Nguyễn Quốc Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2018

Số: 1220 /TTr-HDQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

### Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25 tháng 4 năm 2017;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai đã được kiểm toán;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 như sau:

| STT | Chỉ tiêu                                                | ĐVT  | Số tiền         |
|-----|---------------------------------------------------------|------|-----------------|
| I   | Vốn điều lệ                                             | Đồng | 720.000.000.000 |
| II  | Phân phối lợi nhuận                                     | Đồng |                 |
| 1   | Lợi nhuận thực hiện 2017                                | Đồng | 6.107.113.828   |
| 2   | Thuế TNDN phải nộp                                      | Đồng | 4.501.949.515   |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay               | Đồng | 1.605.164.313   |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước chuyển sang | Đồng | 522.233.138     |
| 5   | Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi                     | Đồng | 0               |
| 6   | Trích lập quỹ đầu tư và phát triển                      | Đồng | 0               |
| 7   | Chia cổ tức năm 2017                                    | %    | 0               |
| 8   | Lợi nhuận còn lại                                       | Đồng | 2.127.397.451   |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TCKT, HDQT.



Đình Quang Dũng



Số: 1221 /TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2018

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động  
của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 25/04/2017,

Trong thời gian vừa qua, cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng trong các công ty cổ phần, theo đó, Điều lệ hiện tại của Công ty có một số điều khoản không còn phù hợp với nhiều quy định mới. Do vậy, để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai xin trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty (nội dung dự thảo Điều lệ mới được đính kèm Tờ trình này và được đăng tải trên website của Công ty: [www.ximanghoangmai.vn](http://www.ximanghoangmai.vn)).

Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TC&NNL, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đình Quang Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Điện thoại: 0383.866.170 - Fax: 0383.866.648

**BẢN DỰ THẢO ĐIỀU LỆ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**Hàng Mai, tháng 4 năm 2018**

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                |           |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....</b>                                                                                  | <b>5</b>  |
| Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....                                                                                                              | 5         |
| <b>CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....</b> | <b>6</b>  |
| Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty                                                | 6         |
| Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....                                                                                         | 7         |
| <b>CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b>                                                                       | <b>7</b>  |
| Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....                                                                                                   | 7         |
| Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....                                                                                       | 8         |
| Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....                                                                                            | 8         |
| <b>Chương IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU</b>                                                                                               | <b>VÀ</b> |
| <b>CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN.....</b>                                                                                                              | <b>8</b>  |
| Điều 7. Vốn điều lệ, cổ phần.....                                                                                                              | 8         |
| Điều 8. Chứng nhận Cổ phiếu.....                                                                                                               | 9         |
| Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....                                                                                                            | 9         |
| Điều 10. Thu hồi cổ phần.....                                                                                                                  | 9         |
| <b>Chương V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT .....</b>                                                                                   | <b>10</b> |
| Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.....                                                                                                   | 10        |
| <b>Chương VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>                                                                                         | <b>10</b> |
| Điều 12. Quyền của cổ đông.....                                                                                                                | 10        |
| Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....                                                                                                             | 11        |
| Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....                                                                                                             | 12        |
| Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                      | 13        |
| Điều 16. Đại diện theo ủy quyền .....                                                                                                          | 15        |
| Điều 17. Thay đổi các quyền .....                                                                                                              | 15        |
| Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                           | 16        |
| Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                | 17        |
| Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                            | 18        |
| Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                                   | 20        |
| Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....                           | 20        |
| Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....                                                                                                | 22        |
| Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....                                                                              | 23        |
| <b>Chương VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>                                                                                                      | <b>24</b> |
| Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....                                                                                       | 24        |
| Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....                                                                         | 25        |

|                                                                                                                            |           |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....                                                                  | 26        |
| Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....                                         | 28        |
| Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....                                                                                   | 29        |
| Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....                                                                              | 29        |
| Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....                                                                         | 32        |
| Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....                                                                            | 32        |
| <b>Chương VIII: TỔNG GIÁM ĐỐC CÁN BỘ QUẢN LÝ.....</b>                                                                      | <b>33</b> |
| Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....                                                                                       | 33        |
| Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                | 34        |
| Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc .....                                               | 34        |
| <b>Chương IX: BAN KIỂM SOÁT .....</b>                                                                                      | <b>35</b> |
| Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên.....                                                                                 | 35        |
| Điều 37. Kiểm soát viên.....                                                                                               | 36        |
| Điều 38. Ban kiểm soát.....                                                                                                | 37        |
| <b>CHƯƠNG X: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b> | <b>37</b> |
| Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng .....                                                                                       | 37        |
| Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....                                                    | 38        |
| Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                                                                      | 39        |
| <b>CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>                                                             | <b>40</b> |
| Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....                                                                              | 40        |
| <b>CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>                                                                       | <b>40</b> |
| Điều 43. Công nhân viên và công đoàn .....                                                                                 | 40        |
| <b>CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>                                                                              | <b>41</b> |
| Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....                                                                                          | 41        |
| <b>CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN .....</b>                                  | <b>41</b> |
| Điều 45. Tài khoản ngân hàng .....                                                                                         | 41        |
| Điều 46. Năm tài chính .....                                                                                               | 42        |
| Điều 47. Chế độ kế toán.....                                                                                               | 42        |
| <b>CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....</b>                             | <b>42</b> |
| Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý .....                                                                     | 42        |
| Điều 49. Báo cáo thường niên .....                                                                                         | 43        |
| <b>CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>                                                                                  | <b>43</b> |
| Điều 50. Kiểm toán.....                                                                                                    | 43        |
| <b>CHƯƠNG XVII. CON DẤU.....</b>                                                                                           | <b>43</b> |
| Điều 51. Con dấu .....                                                                                                     | 43        |

|                                                          |           |
|----------------------------------------------------------|-----------|
| <b>CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ.....</b> | <b>44</b> |
| Điều 52. Chấm dứt hoạt động .....                        | 44        |
| Điều 53. Gia hạn hoạt động .....                         | 44        |
| Điều 54. Thanh lý .....                                  | 44        |
| <b>CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>    | <b>45</b> |
| Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....              | 45        |
| <b>CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>        | <b>45</b> |
| Điều 56. Điều lệ công ty .....                           | 45        |
| <b>CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>                   | <b>46</b> |
| Điều 57. Ngày hiệu lực .....                             | 46        |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
PHẦN MỞ ĐẦU**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014; Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các văn bản hướng dẫn thi hành, chúng tôi, những cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai tham dự Đại hội đồng cổ đông ngày 24 tháng 4 năm 2018 đã nhất trí thông qua các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ và thống nhất ban hành bản Điều lệ này với các nội dung sau:

**CHƯƠNG I**

**ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ**

**Điều 1. Giải thích thuật ngữ**

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp, được quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;
  - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;
  - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
  - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
  - f. "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc;
  - g. "Thành viên độc lập Hội đồng quản trị" là thành viên được quy định khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
  - h. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
  - i. **Cổ đông lớn** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);

j. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;

k. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

l. "Công ty" là Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

m. "Quy chế nội bộ về quản trị Công ty" là Quy chế được xây dựng theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính;

n. "Quy chế nội bộ" là các Quy chế nội bộ khác với Quy chế được nêu tại điểm m Điều này;

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế;

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## CHƯƠNG II

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ tiếng Việt: Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

- Tên tiếng Anh: VICEM HOANG MAI CEMENT JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt: HOMAC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh

Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3510070; Fax: (84-238) 3510070;

- Website: sales@ximanghoangmai.com.vn

- Email: www.ximanghoangmai.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép. Hiện tại, Công ty có các chi nhánh và văn phòng đại diện như sau:

a. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Tiêu thụ

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: (84-238) 3.664222; Fax: (84- 238)3.63661776;

b. Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai - Xí nghiệp Bê tông & XD

- Địa chỉ trụ sở chính: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An

- Điện thoại: (84- 238)3. Fax: (84-238)3.

5. Trong trường hợp có thay đổi thông tin được quy định Khoản 1, 2, 3 và Khoản 4 Điều 2, Điều lệ này coi như tự động cập nhật.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật:

a. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước trọng tài, tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác;

c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điều lệ này;

3. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú tại Việt Nam và ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

## **CHƯƠNG III**

### **MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh Clinker, Xi măng, Vật liệu xây dựng;



- Các lĩnh vực khác khi điều kiện của Công ty cho phép do Hội đồng quản trị quyết định và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có lãi; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông, người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### **CHƯƠNG IV**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là 720.000.000.000 đồng (bảy trăm hai mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 72.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức

phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là mười (10) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải

ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán các khoản tiền có liên quan và lãi phát sinh bằng lãi suất tiền gửi của cá nhân kỳ hạn 01 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

## **CHƯƠNG V**

### **CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

#### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông,
2. Hội đồng quản trị,
3. Ban kiểm soát,
4. Tổng Giám đốc.

## **CHƯƠNG V**

### **: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;

i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;

j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

c. Số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### 4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
  - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
  - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
  - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
  - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
  - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật;

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Đại diện theo ủy quyền**

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ



đồng nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

### **Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và

Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 10% (mười phần trăm) cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

#### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán; việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp; giao dịch mua, bán tài sản; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác của Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

### **Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười ngày (10) trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy

ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của công đồng là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của công đồng;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của công đồng là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của công đồng là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của công đồng không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số công đồng với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách công đồng tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ ngày quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.



## **CHƯƠNG VII**

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên

Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

### **Điều 26. Cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

a. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

b. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

- c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
- d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
- g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d. Bổ nhiệm và miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh: Tổng giám đốc; Phó Tổng giám đốc; Kế toán trưởng;
- e. Thông qua chủ trương để Tổng Giám đốc quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương;
- f. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- g. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- h. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- i. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

- j. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - k. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở lên đến dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
  - m. Quyết định Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;
  - n. Công bố danh mục và ban hành các Quy chế nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành;
  - o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
  - p. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
  - q. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
  - r. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
  - s. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - t. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
  - u. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc tại kỳ Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
  - v. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
  - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
  - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
  - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
  - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
  - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch.

g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể làm việc chuyên trách tại Công ty.

#### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban kiểm soát;
- b. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

e. Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều 30 có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc

bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

#### 11. Biểu quyết

a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có



lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d. Tham dự các cuộc họp;

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;

g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

## **CHƯƠNG VII**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ**

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng giám đốc, không quá bốn (04) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là 06 (sáu) tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.

### **Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp**

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá hai (02) nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;

f. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;

g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;

h. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;

i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 10% trở xuống tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);

j. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

k. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;

l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;

n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **CHƯƠNG I**

### **: BAN KIỂM SOÁT**

#### **Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

### **Điều 38. Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.

f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.

4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

## **CHƯƠNG X**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

#### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ

với tư cách thành viên các tiêu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp Công ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội

đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp



cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI:**

### **QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

#### **Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **CHƯƠNG XII**

### **CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

#### **Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XIII**

### **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG XIV**

### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

#### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **CHƯƠNG XV**

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 48. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý**

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

#### **Điều 49. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **CHƯƠNG XVII CON DẤU**

#### **Điều 51. Con dấu**

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG XVIII**

### **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;

e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

## **CHƯƠNG XIX**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người điều hành khác.

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **CHƯƠNG XX.**

### **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 56. Điều lệ công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 tại Văn phòng Công ty – Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An. Toàn văn bản Điều lệ này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c. Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**Họ tên, Chữ ký của người đại diện theo pháp luật**

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua thực hiện chi trả thù lao của Hội đồng quản trị,  
Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017; Kế hoạch chi trả năm 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua mức thù lao năm 2017 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Kế hoạch thù lao năm 2018 như sau:

**1. Thực hiện chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2017:**

| STT | Chức danh                                | Mức chi trả<br>(đồng/người /tháng) | Tổng tiền<br>(đồng) | Ghi chú  |
|-----|------------------------------------------|------------------------------------|---------------------|----------|
| 1   | Chủ tịch HĐQT                            | 6.000.000                          | 66.000.000          | 11 tháng |
| 2   | Ủy viên HĐQT, Trưởng BKS                 | 5.000.000                          | 405.000.000         |          |
| 3   | Thành viên Ban kiểm soát, Thư ký Công ty | 4.000.000                          | 288.000.000         |          |
|     | <b>Tổng cộng:</b>                        |                                    | <b>759.000.000</b>  |          |

**2. Kế hoạch thù lao năm 2018:**

Để tăng cường hơn nữa công tác quản trị của HĐQT và công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát, HĐQT Công ty kính trình ĐHCĐ phê duyệt ngân sách năm 2018 để chi trả thù lao cho HĐQT, Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty, cụ thể như sau:

- Đối với các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty:

| STT | Chức danh                                                                    | Mức chi trả<br>(đồng/người /tháng) |
|-----|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Chủ tịch Hội đồng quản trị                                                   | 8.000.000                          |
| 2   | Ủy viên Hội đồng quản trị                                                    | 6.000.000                          |
| 3   | Thành viên Ban kiểm soát, Người phụ trách quản trị Công ty và Thư ký Công ty | 4.000.000                          |





- Đối với Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách: Hưởng lương theo Quy chế tiền lương hiện hành của Công ty tương đương chức danh Trưởng đơn vị, ngạch lương 7 – Hệ thống thang bảng lương ban hành theo Quyết định số 67/QĐ-XMHM-HĐQT ngày 14/08/2014 của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đình Quang Dũng**



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP  
XI MĂNG VIỆT NAM - VICEM  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG  
VICEM HOÀNG MAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1222 /TTr-HĐQT

Nghệ An, ngày 09 tháng 4 năm 2018

## TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty  
của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN  
XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng; Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai,

Trong thời gian vừa qua, cơ quan quản lý Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản pháp luật mới áp dụng cho các công ty cổ phần. Căn cứ Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng, Hội đồng quản trị đã xây dựng dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty trên cơ sở quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Thông tư số 95/2017/TT-BTC và Điều lệ Công ty. Theo đó, Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai (nội dung dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty mới được đính kèm Tờ trình này đồng thời được đăng tải trên website của Công ty: [www.ximanghoangmai.vn](http://www.ximanghoangmai.vn)).

Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng kính trình!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TC&NNL, HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Đinh Quang Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

Địa chỉ: Khối 7, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Nghệ An

Điện thoại: 0383.866.170 - Fax: 0383.866.648

**DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**Hoàng Mai, tháng 4 năm 2018**

## Mục lục

|                                                                                                         |    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Chương I: Quy định chung .....                                                                          | 5  |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.....                                                                         | 5  |
| Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....                                                                       | 5  |
| Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.....                                  | 6  |
| Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....                        | 6  |
| Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....                                                                 | 6  |
| Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....                                                           | 7  |
| Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ .....                                                 | 7  |
| Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....                                                                       | 7  |
| Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....                                                              | 8  |
| Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ .....                                                   | 8  |
| Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....                                                                    | 8  |
| Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ .....                                                                 | 9  |
| Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản .....                   | 9  |
| Chương III: Thành viên HĐQT .....                                                                       | 11 |
| Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....                                                               | 11 |
| Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT ..              | 12 |
| Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....                                                            | 12 |
| Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....                                     | 12 |
| Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....                              | 12 |
| Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....                                            | 13 |
| Chương IV: Họp HĐQT .....                                                                               | 13 |
| Điều 19. Thông báo họp HĐQT .....                                                                       | 13 |
| Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....                                                               | 13 |
| Điều 21. Cách thức biểu quyết.....                                                                      | 14 |
| Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT .....                                                  | 14 |
| Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT .....                                                                    | 14 |
| Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT .....                                                                | 15 |
| Chương V: Kiểm soát viên .....                                                                          | 15 |
| Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....                                                                 | 15 |
| Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên .....            | 15 |
| Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên .....                                                             | 15 |
| Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....                                       | 15 |
| Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....                              | 16 |
| Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT .....                                                                | 16 |
| Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT, cơ cấu của các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban:<br>..... | 16 |

|                                                                                                                                                                                     |     |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|
| Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban.....                                                                                                                                 | 16  |
| Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp .....                                                                                                                                      | 18  |
| Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....                                                                                                                       | 18  |
| Điều 34. Tổng giám đốc.....                                                                                                                                                         | 18  |
| Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....                                                                                                                       | 20  |
| Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....                                                                                                                 | 20  |
| Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....                                                                                                                | 20  |
| Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....                                                                                                           | 20  |
| Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....                                                                                                               | 20  |
| Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....                                                                                                                                   | 20  |
| Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc .....                                                                                                                        | 21  |
| Điều 41. Việc tiếp cận thông tin .....                                                                                                                                              | 21  |
| Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc.....                                                                                                                          | 22  |
| Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.....                                                                                                                    | 22  |
| Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....                                                  | 20  |
| Điều 45. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS và Tổng giám đốc .....                                                                                                               | 21  |
| Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT.....                                                                    | 21  |
| Điều 47. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....                                                                                  | 21  |
| Điều 48. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc .....                                                                       | 21  |
| Điều 49. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS.....                                                                        | 21  |
| Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên ..... | 22  |
| Chương IX: Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên HĐQT, kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác .....           | 22  |
| Điều 51. Khen thưởng.....                                                                                                                                                           | 242 |
| Điều 52. Kỷ luật.....                                                                                                                                                               | 252 |
| Chương X: Người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                                                    | 252 |
| Điều 53. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.....                                                                                                                       | 252 |
| Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty .....                                                                                                               | 253 |
| Điều 55. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....                                                                                                                        | 25  |
| Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....                                                                                                            | 263 |
| Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....                                                                                                       | 263 |
| Chương XI: Ngăn ngừa xung đột lợi ích .....                                                                                                                                         | 263 |
| Điều 58. Trách nhiệm cảnh trọng .....                                                                                                                                               | 263 |

|                                                                         |     |
|-------------------------------------------------------------------------|-----|
| Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi..... | 263 |
| Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....                   | 274 |
| Chương XII: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty .....            | 285 |
| Điều 61. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty .....               | 285 |
| Chương XIII: Ngày hiệu lực .....                                        | 285 |
| Điều 62. Ngày hiệu lực .....                                            | 285 |

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY  
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số .... ngày.. tháng 4 năm 2018)*

**Chương I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được xây dựng theo qui định của:

- a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;
- d. Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;
- e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;

f. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;

2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của Công ty;

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

1. Chữ viết tắt:

- a. “Công ty” là Công ty cổ phần xi măng Vicem Hoàng Mai;
- b. “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần” số 2900329295 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An **cấp lần thứ 8, ngày 12/10/2017;**
- c. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
- d. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;
- e. “BKS”: Ban kiểm soát.

2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS;
  - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;

- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;
- c. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty (theo quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán);
- d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc;
- f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- i. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;
- k. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;
- h. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó;
4. Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Quy chế này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **Chương II**

### **TRÌNH TỰ THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ Cổ đông.**

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty đại chúng.

#### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

1. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ



vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc;

d. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ.

2. Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.

3. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

4. Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

#### **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

#### **Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông biểu quyết phản đối phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

#### **Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

1. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

4. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

#### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- J. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu. Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

10. Các trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản:

- a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
- c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

## **Chương II**

### **THÀNH VIÊN HĐQT**

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.

**Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

**Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

**Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.

**Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

### **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
2. Trình độ học vấn;
3. Trình độ chuyên môn;
4. Quá trình công tác;
5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
8. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
9. Các thông tin khác (nếu có).

## **Chương IV HỌP HĐQT**

### **Điều 19. Thông báo họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 20. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

1. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy

quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 9 Điều 30 Điều lệ công ty.

### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

### **Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

### **Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.



**Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

**Chương V  
KIỂM SOÁT VIÊN****Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

**Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

**Điều 27. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

**Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục trừ trường hợp bất khả kháng;

- c. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
  - c. Theo quyết định của ĐHĐCĐ.

### **Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **Chương VI**

### **CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT**

**Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT, cơ cấu của các tiểu ban, tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban:**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên HĐQT độc lập (thành viên HĐQT không điều hành) nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Các tiểu ban của HĐQT có thể được xác lập theo Điều lệ bao gồm:
  - Tiểu ban chính sách phát triển.
  - Tiểu ban kiểm toán.
  - Tiểu ban nhân sự.
  - Tiểu ban lương thưởng.
3. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất 1 thành viên HĐQT độc lập (1 thành viên HĐQT không điều hành) làm trưởng ban.
4. Các tiểu ban đặc biệt khác (Tiểu ban giải quyết xung đột, Tiểu ban quản lý rủi ro...) được thành lập theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị.
5. Tất cả nhiệm vụ, quyền hạn của một tiểu ban bất kỳ, nếu chưa được thành lập, sẽ là nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

### **Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty.

**Điều 32. Trách nhiệm, chức năng của các tiểu ban****1. Tiểu ban chính sách phát triển:**

- Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu chiến lược kinh doanh của Công ty, định hướng thị trường trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Tham mưu cho HĐQT đề ra các chính sách phát triển sản phẩm truyền thống và chủ lực của Công ty, nghiên cứu, đánh giá các dự án, đầu tư mới của Công ty trình HĐQT trước khi quyết định đầu tư.
- Nghiên cứu và phân tích các yếu tố cũng như mức độ khả thi của kế hoạch kinh doanh và ngân sách hàng năm do Tổng giám đốc trình trước khi HĐQT phê duyệt và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định thông qua.

**2. Tiểu ban nhân sự:**

- Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu của HĐQT, người điều hành, cán bộ quản lý khác phù hợp với qui mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên BKS và người điều hành Công ty theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Nghiên cứu, tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của Công ty về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân viên, quy trình đào tạo và các chính sách khác đối với người lao động trong Công ty.

**3. Tiểu ban kiểm toán:**

- Nghiên cứu, đánh giá và phân tích tình hình tài chính của Công ty trong từng thời kỳ, đề xuất với HĐQT các biện pháp tài chính hiệu quả và phù hợp với thực tế của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy định về quản lý tài chính và chi tiêu nội bộ.
- Kiểm tra, kiểm toán các báo cáo tài chính do Tổng giám đốc trình HĐQT thông qua.

**4. Tiểu ban lương thưởng:**

- Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về thi đua khen thưởng và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách này.
- Giám sát việc các cán bộ quản lý chấp hành các quy chế nội bộ do ĐHCĐ và HĐQT ban hành. Đánh giá mức độ hoàn thành công việc của các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cấp cao của Công ty.

- Tư vấn cho HĐQT chỉ đạo thực hiện công tác thi đua – khen thưởng được công khai, chính xác, công bằng và kịp thời, đề xuất mức trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của công ty.

## **Chương VII**

### **NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 33. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
2. Công ty có Tổng giám đốc, không quá bốn (04) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.
3. Công ty phải bổ nhiệm Kế toán trưởng theo quy định của pháp luật. Trường hợp Công ty chưa bổ nhiệm được ngay kế toán trưởng thì bố trí người phụ trách kế toán hoặc thuê dịch vụ làm kế toán trưởng theo quy định. Thời gian bố trí người phụ trách kế toán tối đa là (sáu) 06 tháng, sau thời gian này Công ty phải bổ nhiệm người làm Kế toán trưởng.
4. Tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp:  
Người điều hành doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành khác.

#### **Điều 34. Tổng giám đốc**

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm nhưng không quá 02 nhiệm kỳ. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
3. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
  - b. Quyết định các vấn đề không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành

- hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- c. Đề xuất với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức; chức năng, nhiệm vụ phòng ban/đơn vị; Quy chế nội bộ của Công ty;
  - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
  - e. Đề xuất Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật; quyết định mức lương và các quyền lợi khác đối với các chức danh Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
  - f. Đề xuất Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động và tiền lương của Công ty;
  - g. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với chức danh Trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trên cơ sở được sự đồng ý của Hội đồng quản trị;
  - h. Quyết định tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động hoặc quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh từ Phó trưởng phòng/ban và các chức danh tương đương trở xuống;
  - i. Quyết định giao dịch đầu tư/bán tài sản; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán (trong trường hợp cần thiết vì lợi ích chung của Công ty, Tổng giám đốc có thể xin ý kiến của hội đồng quản trị thông qua trước khi thực hiện);
  - j. Quyết định phân công nhiệm vụ cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
  - k. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty; thực hiện công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật;
  - l. Hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
  - m. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các Quy chế của Công ty;
  - n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các Quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm

vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

**Điều 35. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

**Điều 36. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

**Điều 37. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

**Điều 38. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

**Chương VIII:**

**PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS
  - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
  - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT
  - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
  - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
  - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp

HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 40. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc**

1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

#### **Điều 41. Việc tiếp cận thông tin**

1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

#### **Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc**

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ Công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 43. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.**

1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;



3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
4. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
5. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

**Điều 44. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc**

1. Các cuộc họp có sự tham gia của HĐQT, BKS và Tổng giám đốc được tổ chức định kỳ, ít nhất mỗi quý một cuộc họp.
2. Chủ tịch HĐQT tổ chức chương trình, nội dung họp và gửi thư mời cho BKS và Ban Tổng giám đốc.
3. Thông báo mời họp kèm tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp được gửi trước cho các thành viên ít nhất trước 5 ngày làm việc trước ngày diễn ra cuộc họp.
4. Về các quyết định được thông qua, BKS và Ban Tổng giám đốc được quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

**Điều 45. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho BKS và Tổng giám đốc**

Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi.

**Điều 46. Các trường hợp Tổng giám đốc và BKS đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT**

1. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 Luật doanh nghiệp thì BKS phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
2. Tổng giám đốc yêu cầu tổ chức họp HĐQT khi cần xin ý kiến HĐQT thông qua các chủ trương kinh doanh hoặc đầu tư thuộc thẩm quyền HĐQT.

**Điều 47. Báo cáo của Tổng giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao**

Định kỳ hàng quý, Tổng giám đốc phải có báo cáo gửi HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó phân tích rõ từng kết quả hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh, và tỷ lệ đạt được so với kế hoạch mà ĐHCĐ cũng như HĐQT giao phó.

**Điều 48. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác**

**của HĐQT đối với Tổng giám đốc**

1. HĐQT áp dụng cách thức tự phê bình và phê bình trong Công ty, qua đó Tổng giám đốc tự nhận thấy ưu nhược điểm để ngày càng nâng cao công tác quản lý.
2. Kiểm điểm theo nội dung: quá trình thực hiện nhiệm vụ được HĐQT phân công, tinh thần trách nhiệm, kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

**Điều 49. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS**

1. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý, người điều hành mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của HĐQT.
2. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
3. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
4. Báo cáo Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
5. Trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo.
6. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua.
7. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

**Điều 50. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên**

1. HĐQT thực hiện giám sát các hoạt động của Ban Tổng giám đốc thông qua việc tham dự các cuộc họp giao ban, các báo cáo định kỳ về hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính. BKS được mời tham dự các cuộc họp cùng HĐQT và Tổng giám đốc để đưa ra các nhận định và đề xuất về tình hình tài chính của công ty.
2. Hàng năm BKS tổ chức ít nhất 2 cuộc họp định kỳ nhằm kiểm soát tình hình tài chính của công ty. Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các hồ sơ liên quan và hỗ trợ kiểm soát viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

**Chương IX:**

**QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

**Điều 51. Khen thưởng**

1. Tại ĐHCĐ thường niên hàng năm HĐQT sẽ trình đại hội quyết định tỷ lệ % trích từ lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch để thưởng cho các thành viên HĐQT, BKS.

2. Trong trường hợp Công ty đạt kế hoạch ĐHCĐ đề ra, HĐQT lập tờ trình xin ĐHCĐ thông qua số tiền thưởng tương ứng để thưởng Người điều hành doanh nghiệp.

### **Điều 52. Kỷ luật**

1. Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, HĐQT xem xét tư cách thành viên của HĐQT, Ban điều hành và người quản lý để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.
2. Căn cứ Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, BKS xem xét tư cách thành viên của BKS, để quyết định xử lý đối với từng trường hợp vi phạm. Tùy theo mức độ vi phạm mà hình thức kỷ luật có thể áp dụng từ nhắc nhở, cảnh cáo, khiển trách cho đến miễn nhiệm, bãi nhiệm.

## **Chương X**

### **NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

#### **Điều 53. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của HĐQT.

#### **Điều 54. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty**

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

#### **Điều 55. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người

phụ trách quản trị Công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

**Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty**  
HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

**Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty**  
Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **Chương XI**

### **NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT**

#### **Điều 58. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm

soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

- a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHCĐ thông qua.
- d. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 60. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó

đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
  - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
  - b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XII**

### **SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ**

#### **Điều 61. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do Đại hội đồng cổ đông xem xét và quyết định.

2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XIII**

### **NGÀY HIỆU LỰC**

#### **Điều 62. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm 13 chương 62 điều, được ĐHCĐ thông qua ngày ... tháng 4 năm 2018;

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty;

3. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc 1/2 số lượng thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**

*Hoàng Mai, ngày 06 tháng 4 năm 2018*

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TẠI ĐẠI HỘI THƯỜNG NIÊN NĂM 2018**

**Kính gửi : ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội thường niên ngày 25 tháng 4 năm 2017.

Đoàn chủ tịch xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về các nội dung sẽ biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ngày 24/4/2018 cụ thể như sau.

|            |                                                                                                                      |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Nội dung 1 | Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty. |
| Nội dung 2 | Thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán.                                                              |
| Nội dung 3 | Thông qua báo cáo trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2017                                                   |
| Nội dung 4 | Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát năm 2017.                                                                        |
| Nội dung 5 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018                                                  |
| Nội dung 6 | Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Công ty                                                          |
| Nội dung 7 | Thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Công ty;                                                                   |
| Nội dung 8 | Thông qua Dự thảo Điều lệ công ty sửa đổi.                                                                           |
| Nội dung 9 | Thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sửa đổi.                                                        |

Kính trình Đại hội thông qua.

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**ĐÌNH QUANG DŨNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỢP NHÓM  
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
NHIỆM KỲ 3, NĂM 2018 – 2023**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2018, tại .....  
, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục trong thời gian hơn sáu (06) tháng tính đến ngày 23/2/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội), có tên trong Danh sách dưới đây:

| Cổ đông | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ          | Số cổ phần sở hữu | Ký tên |
|---------|--------------|------------------|-------------------|--------|
|         |              |                  |                   |        |
|         |              |                  |                   |        |
|         |              |                  |                   |        |
| .....   |              |                  |                   |        |
|         |              | <b>Tổng cộng</b> | .....             |        |

cùng nhất trí đề cử:

**1/ Ông/ bà:** .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:  
.....cổ phần)

**2/ Ông/ bà:** .....

(trong trường hợp đề cử từ 02 người trở lên)

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:  
.....cổ phần)



Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

**Ông/bà** .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 3, năm 2018-2023 trong kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24/4/2018.

Biên bản này được lập vào lúc..... giờ ..... phút, ngày ...../...../2018 tại .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2018

**NHÓM CỔ ĐÔNG**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

1. Ông, bà: .....

2. Ông, bà: .....

3. Ông, bà: .....

4. Ông, bà: .....

5. ....

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2018

**QUY ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC ỨNG CỬ, ĐỀ CỬ ĐỂ BẦU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**Căn cứ:**

- Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai đã được Đại hội cổ đông thông qua ngày 25/4/2017.

Công ty cổ phần Công ty Xi măng Vicem Hoàng Mai xin thông báo tới các cổ đông quy định cụ thể về ứng cử, đề cử để bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 3, năm 2018-2023 như sau:

**I. Ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị**

**1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên, trong đó thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**2. Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị:**

Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm, thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

**3. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị:**

**3.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu Tổng giám đốc Công ty và người quản lý khác của Công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ.

### 3.2. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

### 4. Điều kiện ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Hội đồng Quản trị (HDQT)

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị có quyền ứng cử hoặc được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông với tỷ lệ nắm giữ cổ phần được ứng cử hoặc đề cử cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

Việc ứng cử, đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 17h00 phút ngày 23/4/2018. Hồ sơ ứng cử, đề cử phải theo mẫu và ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông ứng cử hoặc đề cử.

## **II. Ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát (BKS)**

### **1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát:**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Trưởng Ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.

### **2. Nhiệm kỳ Ban kiểm soát:**

Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm, thành viên ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

### **3. Tiêu chuẩn Ban kiểm soát**

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

- Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

- Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

- Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp.

### **4. Ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào Ban Kiểm soát**

Cổ đông đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Ban kiểm soát có quyền ứng cử hoặc được đề cử vào thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện sau:

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông với tỷ lệ nắm giữ cổ phần được ứng cử hoặc đề cử cụ thể như sau:

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử một (01) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được ứng cử hoặc đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;
- Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên được ứng cử hoặc đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên;

Việc ứng cử, đề cử phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 17h00 phút ngày 23/4/2018. Nội dung Hồ sơ ứng cử, đề cử phải theo mẫu và ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, tên người được đề cử, chữ ký của cổ đông ứng cử hoặc đề cử.

### III. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng cử viên để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử hoặc đề cử tham gia HĐQT hoặc BKS (theo mẫu);
- Biên bản họp nhóm cổ đông đề cử ứng cử viên trong trường hợp gộp số quyền biểu quyết (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);
- Bản sao Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn và các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hoá, trình độ chuyên môn).

### IV. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên các Đơn ứng cử hoặc đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng cử viên, Ban tổ chức sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định gửi Đại hội đồng cổ đông để bầu vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018- 2023 tại Đại hội.

### V. Thời hạn và địa chỉ gửi giấy uỷ quyền và hồ sơ đề cử

Hồ sơ ứng cử, đề cử phải được gửi đến Ban tổ chức trước 17h00 ngày 23/4/2018 theo địa chỉ sau:

- Địa chỉ: Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Công ty Xi măng Hoàng Mai, phường Quỳnh Thiện, thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An.
- Điện thoại: 0238. 3 664 302
- Fax: 0238 3 866 648 (nếu Quý cổ đông fax thì phải chuyển lại bản gốc cho Ban tổ chức đại hội khi đăng ký tham dự trước cuộc họp).

Hồ sơ ứng cử, đề cử gửi về Công ty sau thời hạn này sẽ không có giá trị.



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN HỢP NHÓM  
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI  
NHIỆM KỲ 3, NĂM 2018 – 2023**

Hôm nay, ngày ..... tháng ..... năm 2018, tại .....  
, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai cùng nhau nắm giữ ..... cổ phần, chiếm ..... % số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty liên tục trong thời gian hơn sáu (06) tháng tính đến ngày 23/2/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội), có tên trong Danh sách dưới đây:

| Cổ đông | Số CMND/ĐKKD | Địa chỉ          | Số cổ phần sở hữu | Ký tên |
|---------|--------------|------------------|-------------------|--------|
|         |              |                  |                   |        |
|         |              |                  |                   |        |
|         |              |                  |                   |        |
| .....   |              |                  |                   |        |
|         |              | <b>Tổng cộng</b> | .....             |        |

cùng nhất trí đề cử:

**1/ Ông/ bà:** .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:  
.....cổ phần)

**2/ Ông/ bà:** .....

(trong trường hợp đề cử từ 02 người trở lên)

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Trình độ học vấn: .....

Hiện đang sở hữu: ..... cổ phần (Bằng chữ:  
.....cổ phần)

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

**Ông/bà** .....

CMTND số: ..... Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 3, năm 2018-2023 trong kỳ đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24/4/2018.

Biên bản này được lập vào lúc..... giờ ..... phút, ngày ...../...../2018 tại .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 2018

**NHÓM CỔ ĐÔNG**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

1. Ông, bà: .....

2. Ông, bà: .....

3. Ông, bà: .....

4. Ông, bà: .....

5. ....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

## ĐƠN ỨNG CỬ

### THAM GIA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HOÀNG MAI

**Kính gửi :** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Trình độ học vấn : ..... Chuyên ngành : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng.

liên tục 06 tháng tính đến ngày 23/02/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban kiểm soát, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

*Trân trọng cảm ơn !*

....., ngày ... tháng .. . năm 2018

**CỔ ĐÔNG**

---

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc ứng cử tới:

**Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: **trước 17 giờ 00 phút, ngày 23/4/2018.**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

## ĐƠN ĐỀ CỬ

### THAM GIA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN MĂNG VICEM HOÀNG MAI

**Kính gửi :** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi/ chúng tôi là : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng

liên tục 06 tháng tính đến ngày 23/02/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi/chúng tôi được đề cử :

Ông (Bà) : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Trình độ học vấn : ..... Chuyên ngành : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng

Làm ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

*Trân trọng cảm ơn !*

....., ngày ... tháng ... năm 2018

**CỔ ĐÔNG**

---

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc đề cử tới:

**Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: **trước 17 giờ 00 phút, ngày 23/4/2018.**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN ỨNG CỬ**  
**THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**Kính gửi :** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi là : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Trình độ học vấn : ..... Chuyên ngành : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng.

liên tục 06 tháng tính đến ngày 23/02/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi được đăng ký tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty.

*Trân trọng cảm ơn !*

....., ngày ... tháng .. . năm 2018

**CỔ ĐÔNG**

---

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc ứng cử tới:

**Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: **trước 17 giờ 00 phút, ngày 23/4/2018.**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----o0o-----

**ĐƠN ĐỀ CỬ**  
**THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MĂNG VICEM HOÀNG MAI**

**Kính gửi :** Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018  
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai

Tên tôi/chúng tôi là : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng

liên tục 06 tháng tính đến ngày 23/02/2018 (ngày chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội)

Đề nghị Ban tổ chức Đại hội cho tôi/chúng tôi được đề cử :

Ông (Bà) : .....

CMTND số : ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ thường trú : .....

Trình độ học vấn : ..... Chuyên ngành : .....

Hiện đang sở hữu : ..... cổ phần (*Bằng chữ* : .....

.....)

Tương ứng với tổng mệnh giá : ..... đồng

Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai nhiệm kỳ 2018- 2023 trong kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 được tổ chức vào ngày 24 tháng 4 năm 2018.

*Trân trọng cảm ơn !*

....., ngày ... tháng ... năm 2018

**CỔ ĐÔNG**

---

Đề nghị Quý cổ đông xác nhận việc đề cử tới:

**Ban tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 - Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai**

Địa chỉ: Khối 7, Phường Quỳnh Thiện, Thị xã Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An

Điện thoại: (0238) 3 866170 Fax: (0238) 3866 648

Thời gian: **trước 17 giờ 00 phút, ngày 23/4/2018.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: *Nữ/Nam*
2. Ngày tháng năm sinh: \_\_\_\_\_ Nơi sinh: \_\_\_\_\_
3. Quốc tịch: *Việt Nam*
4. Giấy CMND số: \_\_\_\_\_ cấp ngày: \_\_\_\_\_ tại \_\_\_\_\_
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_
6. Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_
7. Trình độ văn hoá: \_\_\_\_\_
8. Trình độ chuyên môn: \_\_\_\_\_
9. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn; chứng chỉ: \_\_\_\_\_

| Thời gian | Trường đào tạo | Chuyên ngành đào tạo | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-----------|----------------|----------------------|-------------|---------|
|           |                |                      |             |         |
|           |                |                      |             |         |

10. Quá trình làm việc:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ | Khen thưởng | Kỷ luật |
|-----------|--------------|---------|-------------|---------|
|           |              |         |             |         |
|           |              |         |             |         |

11. Các chức vụ hiện đang đảm nhiệm

| Nơi làm việc | Chức vụ | Thời gian đảm nhiệm                    |
|--------------|---------|----------------------------------------|
|              |         | Từ...../.../..... đến<br>.../.../..... |
|              |         | Từ...../.../..... đến<br>.../.../..... |
|              |         | Từ...../.../..... đến<br>.../.../..... |

12. Quan hệ thân thân:

| <b>Quan hệ</b>         | <b>Họ và tên</b> | <b>Năm sinh</b> | <b>Địa chỉ thường trú</b> | <b>Nghề nghiệp</b> | <b>Đơn vị công tác (nếu có)</b> |
|------------------------|------------------|-----------------|---------------------------|--------------------|---------------------------------|
| Bố                     |                  |                 |                           |                    |                                 |
| Mẹ                     |                  |                 |                           |                    |                                 |
| Anh/<br>chị/em<br>ruột |                  |                 |                           |                    |                                 |
| Chồng                  |                  |                 |                           |                    |                                 |
| Con                    |                  |                 |                           |                    |                                 |

Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các nội dung trên.

....., ngày.....tháng ..... năm 2018

**Xác nhận của chính quyền địa phương hoặc  
nơi công tác**

....., ngày ..... tháng..... năm 2018

**NGƯỜI KHAI**